

LÊ HƯƠNG

SỬ-LIỆU **Phụ Nam**

ឯកសារប្រវត្តិសាស្ត្រ-ណាង



NGUYỄN NHIỀU



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : SỬ-LIỆU PHÙ-NAM

Tác giả : LÊ HƯƠNG

Nhà xuất bản : NGUYỄN NHIỀU

Năm xuất bản : 1974

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Dương Nhật Xuân

Kiểm tra chính tả : Lê Cẩm Vân, Hoàng Thị Bùi Thu, Nguyễn
Hồng Vân, Tô Thị Thủy Nga, Nguyễn Văn Huy, Ngô Thanh
Tùng

Biên tập ebook : Thư Vĩ

Ngày hoàn thành : 04/10/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả LÊ HƯƠNG và nhà xuất bản NGUYỄN
NHIỀU đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý
giá.**

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

I. VỊ TRÍ PHÒNG ĐỊNH

II. SỬ LIỆU

III. HẢI CẢNG ÓC EO

IV. THỊ TRẤN THNOL MOROY

V. BỐN BẢN VĂN PHẠN NGŨ (SANSKRIT) CỦA PHÙ-NAM

1) BẢN THỨ NHẤT

2) BẢN THỨ NHÌ

3) BẢN THỨ BA

4) BẢN THỨ TƯ

VI. TRIỀU ĐẠI PHÙ NAM

1) LIEOU-YE (?)-(?).

2) KAUNDINYA (?)-(?).

3) HOUEN-P'AN-HOUANG (?-217).

4) HOUEN-P'AN-P'AN (217-220).

5) FAN-CHE-MAN (220-225).

6) FAN-KIN-CHENG (225).

7) FAN-TCHAN (225-245).

8) FAN-TCH'ANG (245).

9) FAN-SIUN (245-287).

10) TCHAN-T'AN (357-?).

11) KAUNDINYA (?)-(?).

12) CRI-INDRAVARMAN (424 ?-438 ?).

13) KAUNDINYA-JAYAVARMAN (470?-514).

14) RUDRAVARMAN (514-550).

15) NGÀY TÀN CỦA VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

16) PHỔ HỆ TRIỀU ĐẠI PHÙ-NAM

VII. NIÊN BIỂU CÁC TRIỀU ĐẠI : TRUNG-HOA, VIỆT-NAM, PHÙ-NAM, CHIÊM-THÀNH TỪ THỜI THƯỢNG CỔ ĐẾN THẾ KỶ THỨ BẢY

1) NĂM 4480 TRƯỚC TÂY LỊCH (TR. T.L).

TRUNG-HOA : BÀN-CỔ

2) NĂM 4365 TR. T.L. (?)

a) TRUNG-HOA : TAM-HOÀNG

b) VIỆT-NAM : HỌ HỒNG BÀNG

3) NĂM 2852 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA : NGŨ ĐẾ

b) VIỆT-NAM : 2879-2258 TR. T.L.

4) NĂM 2255 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA

b) VIỆT-NAM

5) NĂM 2205-1818 TR. T.L.

TRUNG-HOA : ĐỜI TAM ĐẠI NHÀ HẠ

6) NĂM 1783-1154 TR. T.L.

TRUNG-HOA : NHÀ THƯƠNG

7) NĂM 1122-256 TR. T.L.

TRUNG-HOA : NHÀ CHÂU (TÂY – ĐÔNG CHÂU).

8) NĂM 256-206 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA : NHÀ TẦN

b) VIỆT-NAM : NHÀ THỤC (257-207 TR. T.L.).

9) NĂM 206-202 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA : HÁN-SỞ TRANH HÙNG

b) VIỆT-NAM : NHÀ TRIỆU 207-111 TR. T.L.

10) NĂM 202 TR. T.L. – 9 SAU T.L.

a) TRUNG-HOA : NHÀ HÁN

b) VIỆT-NAM

11) NĂM 9-23 SAU T.L.

TRUNG-HOA

12) NĂM 25-220

a) TRUNG-HOA : NHÀ ĐÔNG HÁN HAY HẬU HÁN

b) VIỆT-NAM

c) PHÙ-NAM : LẬP QUỐC

d) CHIÊM-THÀNH

13) NĂM 213-265

a) TRUNG-HOA : TAM QUỐC (THỤC HÁN – NGUY – NGÔ).

b) VIỆT-NAM

c) PHÙ-NAM

d) CHIÊM-THÀNH

14) NĂM 265-313

a) TRUNG-HOA : NHÀ TÂY TẤN

b) PHÙ-NAM

c) CHIÊM-THÀNH

15) NĂM 317-420

a) TRUNG-HOA : NHÀ ĐÔNG TẤN

b) VIỆT-NAM

c) PHÙ-NAM

d) CHIÊM-THÀNH

16) NĂM 420-478

a) TRUNG-HOA : NAM-TRIỀU NHÀ TỔNG (420-478).

b) VIỆT-NAM

c) PHÙ-NAM

d) CHIÊM-THÀNH

17) NĂM 479-501

a) TRUNG-HOA : NHÀ TỀ

b) VIỆT-NAM

c) PHÙ-NAM

d) CHIÊM-THÀNH

18) NĂM 502-556

a) TRUNG-HOA : NHÀ LƯƠNG

b) VIỆT-NAM : NHÀ TIỀN LÝ 544-602

c) PHÙ-NAM

d) CHIÊM-THÀNH

19) NĂM 557-589

a) TRUNG-HOA : NHÀ TRẦN

b) VIỆT-NAM

c) CHIÊM-THÀNH

20) NĂM 589-618

a) TRUNG-HOA : NHÀ TÙY

b) VIỆT-NAM

c) PHÙ-NAM

d) CHIÊM-THÀNH

21) NĂM 618-907

a) TRUNG-HOA : NHÀ ĐƯỜNG

b) VIỆT-NAM

c) PHÙ-NAM

d) CHIÊM-THÀNH

SƠ ĐỒ VÀ CỔ VẬT PHÙ NAM

SÁCH VÀ TÀI-LIỆU THAM KHẢO

LÊ HƯƠNG
SỬ-LIỆU PHÙ-NAM
NGUYỄN NHIỀU

LỜI NÓI ĐẦU

Phù Nam là một Vương quốc thành lập từ thế kỷ thứ 12 trước Dương lịch, theo sử Trung Hoa, và có thể lập quốc nhiều thế kỷ trước thời ấy. Nhưng theo các nhà khảo cổ Tây Phương thì căn cứ vào những chứng tích xác thực như bia đá, bản văn khắc trên cột đền, vách thành, những đoạn sử, những di vật tìm thấy trong lòng đất, Vương quốc này được xếp vào lịch sử thế giới bắt đầu từ thế kỷ thứ I sau Thiên Chúa giáng sanh. Trải qua một thời kỳ cực thịnh từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 5, Phù Nam bị Vương quốc Chân Lạp xâm chiếm và tiêu diệt vào cuối thế kỷ thứ 6. Trên bản đồ, Phù Nam bị xóa hẳn tên, đến thế kỷ thứ 17, các Quốc vương Chân Lạp nhường cho Việt Nam để đền ơn bảo hộ ngai vàng. Từ đó, một phần lớn đất Phù Nam trở thành miền Nam Việt Nam ngày nay.

Vào giữa thế kỷ thứ 19, người Pháp chiếm Việt Nam, đô hộ Chân Lạp, bây giờ gọi là Cao Miên, nhận thấy nước này không có bộ sử, bèn sắp xếp các bản văn ghi công nghiệp của các đấng Tiên vương trên bia đá, cột đền và Niên giám trong Hoàng triều dựng nên một quyển sử bắt đầu từ ngày vị Quốc vương đầu tiên xuất hiện, trong ấy, các khảo cổ gia Pháp cũng ghi rõ những nhà Vua vừa sáng lập Vương quốc Chân Lạp đã khởi binh xâm lăng và tiêu diệt nước Phù Nam.

Thế nhưng ở phần đầu bộ sử Cao Miên, người Pháp ghi một đoạn sơ lược về Vương quốc Phù Nam và cho rằng Phù Nam là tổ tiên của Cao Miên !

Chúng tôi soạn tập sử liệu này, cố nhiên không phải là một quyển sử, với mục đích ước mong chứng minh sự hiện diện riêng biệt của Phù Nam, một cường quốc xuất hiện trong lịch sử Đông Nam Á giống như La Mã trong lịch sử Âu Châu.

I. VỊ TRÍ PHÒNG ĐỊNH

Chiếu trên bản đồ thế giới hiện tại các khảo cổ gia phỏng định rằng Vương quốc Phù-Nam ở vùng hạ lưu sông Mékong, phía Đông choán cả miền Nam Việt-Nam ngày nay và một phần đất Chiêm-Thành. phía Bắc đến miền trung lưu sông Cửu-Long thuộc đất Lào, phía Tây Bắc một phần lớn thung lũng sông Ménam đất Thái-Lan và bán đảo Malacca (Mã-Lai). Giữa lúc Phù-Nam bành trướng thế lực, thì Chiêm-Thành, Ai-Lao, Chân-Lạp, Thái-Lan chưa lập quốc và Việt-Nam còn ở miền Bắc và miền Trung.

Theo sử liệu Trung-Hoa thì từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 6, Vương quyền của Phù-Nam không những chỉ ở trong vùng lưu vực trung và hạ của sông Mékong mà thôi, lại còn lan rộng đến miền TENASSERIM trên vịnh Bengale. Nhờ các hải trấn nằm trên bờ vịnh Thái-Lan, Phù-Nam giao thương với các hải cảng SINGARA, LIGOR, XAIYA của nước Mã-Lai. Các vị Quốc vương nước này nhìn nhận Vương quyền Phù-Nam. Đối ngoại, Phù-Nam liên lạc về ngoại giao và thương mại với Trung-Hoa và Ấn-Độ.

Trước kia, các nhà khảo cổ Âu-Tây căn cứ theo sử Trung-Hoa và những tập ký ức của các Tùy-viên Sứ giả mà ước đoán vị trí của Vương quốc Phù-Nam như sau :

- Ông Ma-Touan-Lin (Mã-Đoàn-Lâm) người đời Tống (960-1280) ở Lạc-Bình, tự là Quĩ-Dữ viết trong bộ VĂN HIỂN THÔNG KHẢO rằng Phù-Nam ở trong một đảo lớn về phía Nam quận Nhật-Nam, trong biển Tây cách Nhật-Nam

7.000 lý ¹, về phía Tây Nam cách Lâm-Ấp 3.000 lý, diện tích lãnh thổ rộng lối 3.000 lý.

- Trong quyển « **Sử ký Tư-Mã-Thiên** » có đoạn ghi rằng : « *Dưới triều vua Thành-Vương nhà Châu, năm Tân-Mão (1109 trước Dương-lịch) có Sứ nước Việt-Thường sang triều cống chim bạch trĩ. Vị Sứ giả không biết đường trở về được Châu-công-Đản cho 5 xe Chỉ Nam để dò đường. Sứ giả đi qua xứ Phù-Nam, Lâm-Ấp về nước đúng một năm* ».

- **Đường thư** chép : « *Bà Lợi (P'ô-Li tên của Phù-Nam) ở phía Đông Nam nước Chiêm-Thành, phía Nam có nước Chu-Nại, đến sau niên hiệu Vĩnh-Huy (Đường Cao Tông 650-655) bị nước Chân-Lạp chiếm* ».

- Ông Klaproth và Pauthier cho rằng Phù-Nam ở vùng Pégou nước Miến-Điện.

- Ông Déguine cho Phù-Nam là một hòn đảo ở phía Tây nước Thái-Lan.

- Ông Abel Résumat cho Phù-Nam là một tỉnh của Trung-Hoa ở miền Bắc Việt-Nam.

- Ông Wilford cho Phù-Nam là một Vương quốc ở Mã-Lai.

- Ông Stanisla Julien cho Phù-Nam ở Thái-Lan.

- Ông Barth cho Phù-Nam ở Ấn-Độ.

- Ông Schelegel cho đất Thái bị một chư hầu của Phù-Nam chiếm đóng.

- Ông Bowring và ông Wade cho rằng Vương quốc Phù Nam ở Thái-Lan căn cứ theo danh từ Phù-Nam do chữ TCHE-TOU (Xích-thổ) là một vùng đất đỏ nhờ phù sa bồi lên.

- Ông Aymonier cho rằng đất Phù-Nam gồm miền Nam nước Cao-Miên, bây giờ là miền Nam Việt-Nam.

- Ông Blagden cho rằng Phù-Nam gồm đất Cao-Miên, Thái-Lan đến vùng Pégou ở Miến-Điện.

II. SỬ LIỆU

Phù-Nam là tên của người Trung-Hoa gọi quốc-gia này, phát âm giọng Quan thoại : FOU-NAN, đọc theo hai chữ B'IU-NAM là tiếng Miên thời xưa BNAM, ngày nay là PHNOM nghĩa là núi, hoặc đồi. Các vị Quốc vương Phù-Nam có tước hiệu là « VUA NÚI » (Sơn-Vương), tiếng Bắc Phạn (Sanskrit) là PARVATABHUPÂLA hay ÇAILARÂJA, tiếng Miên là KURUNG BNAM. Người Trung-Hoa quen dùng Vương hiệu gọi tên Vương quốc.

Lãnh thổ Phù-Nam xuất hiện từ đời Vua nhà Châu (Tcheou) ở Trung-Hoa vào thế kỷ thứ 12 tr. D.L. Tương truyền thuở ấy vị Quốc vương Phù-Nam có gởi một phái đoàn Sứ giả sang Tàu. Nhưng giả thuyết này không được các sử gia nhìn nhận vì không có bằng chứng xác thực. Mãi đến đầu thế kỷ thứ I sau Thiên Chúa giáng sanh, người ta mới xác nhận việc Sứ bộ nước Việt-Thường (YUE-CHANG) tức là Việt-Nam, đến triều kiến Vua Thành Vương (TCH'ENG-WANG) nhà Châu (1115-1078) vào năm 1109 tr. D.L, cống hiến chim bạch trĩ. Bấy giờ việc triều chánh do ông Châu-Công (TCHÉOU-KONG) liệu lý. Sứ giả Việt-Thường không biết đường về, ông Châu-Công sáng chế xe Chỉ Nam cấp cho để dò đường, Sứ giả đi qua xứ Phù-Nam và Lâm-Ấp (LIN-YI) về nước đúng một năm.

Qua thế kỷ thứ 2, vua nước Tàu cử một phái đoàn Sứ giả đầu tiên do ông Trương-Khiên (TCHANG-K'IENT) hướng dẫn theo đường bộ sang giao hảo chánh thức với các quốc-

gia ở Tây phương. Đến thị trấn BACTRIANE ², ông Trương-Khiên thấy nhiều cây tre và hàng lụa từ các vùng hiện thời là tỉnh Vân-Nam (YUN-NAN) và Tứ-Xuyên (Sseu-Tch'ouan) mang tới. Người địa phương cho ông biết rằng họ mua các món ấy ở một quốc-gia rất thịnh vượng tên là Trầm-đô (?) CHEN-TOU (Ấn-Độ). Vị Sứ giả nghĩ đến những nỗi gian nguy của con đường trên hướng Bắc thường bị các bộ lạc du mục miền Trung Á cướp phá, nhất định dùng đường biển xuống hướng Nam mở cuộc bang giao với Ấn-Độ. Do đấy, người Tàu mới bắt đầu biết Vương quốc Phù-Nam trên đường vượt đại dương.

Cũng trong thế kỷ thứ 2, vào năm 166, phái đoàn Sứ giả của Hoàng-đế La-Mã MARC AURÈLE đến nước Giao-Châu (KIAO-TCHEOU) tức là Việt-Nam. Việc bang giao này bắt nguồn cho nước Trung-Hoa liên lạc với tất cả các quốc gia ở dọc theo hải phận từ Bắc-Việt đến Tây phương. Trong số ấy, cách xa biên thùỵ xứ Lâm-Ấp (LIN-YI) trên đất Trung Việt ngày nay có Vương quốc Phù-Nam giữ một địa vị rất quan trọng. Từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 7, sử sách Trung-Hoa thường nhắc nhở đến lãnh thổ bị Ấn-Độ hóa này, hình như được xem là một trạm bắt buộc giữa đường từ Tàu sang Ấn. Đến thế kỷ thứ 7, tên Phù-Nam biến mất không còn để lại dấu vết nào cả.

*

Sử Trung-Hoa ghi rằng :

« Vương quốc Phù-Nam ở về phía Nam ấp phong Nhật-Nam (JENAN) trong một cái vịnh lớn hướng Tây đại dương.

Phù-Nam cách xa Nhật-Nam hơn 3.000 lý về phía Tây-Nam xứ Lâm-Ấp (LIN-YI). Thủ đô cách bờ biển 500 lý. Trong nước có một con sông lớn chảy từ hướng Tây Bắc về hướng Đông đổ ra biển. Lãnh thổ rộng hơn 3000 lý. Mặt đất thấp và bằng phẳng. Khí hậu và phong tục phần nhiều giống xứ Lâm-Ấp. Trong xứ sản xuất vàng, bạc, đồng, kẽm, trầm hương, ngà voi, con công, chim thẳng chài, chim kết năm sắc lông.

« Cách biên giới ở hướng Nam hơn 3.000 lý có nước ĐỐN TỐN (TOUEN SIUN) trên đảo Malacca, bờ biển dốc đứng. Lãnh thổ này chỉ rộng hơn 1.000 lý, thủ-đô ở gần biển 10 lý, có 5 vị Quốc vương đều là chư hầu của Phù-Nam. Vị Lãnh Chúa ở phía Đông nước ĐỐN TỐN liên lạc với nước Giao-Châu (KIAO-TCHEOU), phần đất ở phía Tây giáp với Ấn-Độ, với xứ Parthie và một xứ ở cực xa. Các nhà buôn bán đến rất đông trao đổi hàng hóa. Lý do là vì lãnh thổ ĐỐN-TỐN có hình vòng cung đâm ra biển hơn 1.000 lý. Mặt đại dương (tính từ vịnh Bắc-Việt đến Malacca) không có bờ và các nhà hàng hải chưa đi thẳng một mạch được. Ngôi chợ ấy là nơi hội họp của phương Tây và phương Đông. Hằng ngày chợ nhóm hơn mười ngàn người. Không có món gì thiếu, hàng quý, vật lạ, của hiếm đầy đây. Ngoài ra, có loại cây để làm rượu giống cây lựu. Người ta lấy mật và bông bỏ vào lu nhiều ngày thì hóa thành rượu.

« Ngoài khơi nước ĐỐN-TỐN có một hòn đảo lớn là xứ TÌ-KHIÊN (P'I-K'IEN) ở cách Phù-Nam 8.000 lý. Người địa phương thuật lại rằng vị Quốc vương cao 12 chân và cái đầu dài 3 chân, đã sống từ nhiều thời đại mà không chết và

không ai biết Ngài bao nhiêu tuổi. Ấy là một Nhà vua thần. Ngài biết hết những việc làm quấy, phải của tất cả dân chúng và thông suốt tương lai, hậu vận của họ. Vì thế, không ai dám cãi lệnh Ngài. Trong các nước ở phương Nam, người ta gọi Ngài là « Nhà vua cổ lớn »³. Thổ dân cất nhà ở, mặc quần áo, ăn cơm không có chất nhựa. Tiếng họ nói hơi khác tiếng Phù-Nam. Trong xứ có một ngọn núi có vàng nổi trên đá nhiều vô số. Luật lệ trong xứ là ăn thịt kẻ có tội trước mặt Nhà vua. Dân chúng không chịu tiếp các nhà buôn ngoại quốc, nếu có người nào đến, họ giết chết và ăn thịt. Bởi vậy, không có người lạ nào dám ghé xứ ấy. Nhà vua ở trên cung điện cất cao hơn nhà dân chúng. Ngài không ăn thịt và không thờ phụng Thần, Thánh. Con và cháu của Ngài cũng chết như người thường, chỉ có Ngài là bất tử. Vị Quốc vương Phù-Nam⁴ thường phái Sứ giả mang thư đến Ngài và Ngài hồi đáp luôn luôn. Ngài thường tặng Vua Phù-Nam chén đĩa làm bằng vàng ròng đủ 50 người dùng. Hình dáng chén đĩa có khi giống cái đĩa tròn lớn, có khi giống cái cốc rượu bằng đất nung gọi là ĐA-LA (TO LO) trọng lượng 5 thăng (CHENG) hoặc giống hình cái chén trọng lượng 1 thăng. Ngài biết chữ Ấn-Độ và viết nhiều bản văn, mỗi bản lối 3.000 chữ. Ngài ghi lại nguồn gốc tiền kiếp của Ngài giống như các kiếp trước của Đức Phật. Ngài cũng bình luận về việc làm phải, về điều thiện.

« Người ta còn kể rằng về hướng Đông nước Phù Nam là biển rộng minh mông. Giữa biển có một hòn đảo lớn. Trên đảo là quốc gia Chư-Bạc (TCHOU-PO). Ở hướng Đông nước này là xứ MÃ-NGŨ-CHÂU (MA-WOU-TCHEOU). Nếu đi về

hướng Đông trên đại dương thêm 1.000 lý nữa, ta sẽ đến một hòn đảo lớn gọi là TỰ NHIÊN ĐẠI CHÂU. Trên đảo có một cây sống trong lửa. Thổ dân ở gần đảo lột vỏ cây này xe chỉ, dệt thành một mảnh vải bề dài lối vài chân dùng làm khăn tay. Khăn này bề ngoài giống như khăn dệt bằng chỉ gai màu đỏ nhưng sậm hơn. Khi có vật gì dính vào khăn, người ta quăng vào lửa, khăn sẽ sạch như cũ. Người ta còn dùng vải ấy làm tim đèn, đốt không bao giờ hư hao.

« Người Phù-Nam trước kia thích xâm mình và trần truồng, tóc để xõa trên lưng và không biết quần áo gì cả. Trong nước có loại sấu lớn bề dài hai trượng (tchang) bằng 10 chân, sấu có 4 chân miệng rộng từ 6 đến 7 chân, hai hàm răng bén nhọn như gươm. Chúng ăn cá nhưng nếu gặp díp chúng cũng ăn con nai hay người ta như thường. Ở phía Nam xứ Thương Ngô (TS'ANG-WOU) và trong các nước khác cũng có rất nhiều sấu ».

*

Ông Khang Thái (K'ANG-T'AI) viết trong quyển **PHÙ-NAM KÝ** (FOU NAN KI) dưới triều nhà Đông Ngô (222-265) như sau :

« Từ Lâm-Ấp đến hải cảng, ngay cửa sông LƯ DỤNG (LOU YONG) ở Nhật-Nam (JE NAN) độ hơn 200 lý. Từ đấy, người ta xuôi miền Nam đến Vương quốc Phù-Nam và các nước khác. Người ta luôn luôn dùng hải cảng này để ra khơi ».

*

Vào cuối thế kỷ thứ 5 đến đầu thế kỷ thứ 6, ông LÊ-ĐẠO-NGUYỄN (LI-TAO-YUAN) soạn quyển **THỦY-KINH-CHÚ** (CHOUEI-KING-TCHOU) có ghi hai đoạn quan trọng về Phù-Nam. Trong chương 36, trang 24, ông viết :

« Vùng đất này ngày xưa gọi là TƯỢNG-LÂM (SIANG-LIN) nay trở thành thủ đô nước LÂM-ẤP (LIN-YI), hướng Đông giáp biển, hướng Tây đến nước TỬ-LANG (SIU-LANG) hướng Nam giáp Phù-Nam, hướng Bắc giáp nước CỬU-ĐỨC (KIEOU-TO) ».

Cũng trong chương 36, trang 29, ông viết : *« Dân rợ TỬ-LANG hay LANG-HOANG (LANG-HOUANG) ở miền thượng lưu sông Lâm-ẤP. Đi về hướng Nam sẽ đến Vương quốc Phù-Nam ».*

Sau đó, có người dùng tài liệu ấy viết một bài về Vương quốc Phù-Nam : Căn cứ theo dữ kiện ghi trong quyển « Thủy-Kinh-chú », ông Trúc-Chi (TCHOU-TCHE) viết trong tập Phù-Nam-ký (FOU NAN KI) như vậy :

« Vương quốc Phù-Nam ở cách Lâm-ẤP 4.000 lý, người ta có thể đến bằng đường bộ và đường biển. Xưa kia, Tướng ĐÀN-HÒA-CHI (T'AN-HO-TCHE) cầm quân theo đường sông vào thủ đô cách 6 lý từ vòng thành thượng khẩu của « Những nhân viên Hải quân ». Con sông này có thể chảy ngang kinh đô nước Lâm-ẤP. Trên cây cầu ở hướng Đông là nơi Quốc vương Lâm-ẤP tên FAN-YANG-MAI (Phạm-Dương-Mại) giao tranh với Đàn-Hòa-Chi bị trúng thương ngã từ trên lưng voi. Dòng sông chảy về hướng Đông Nam ngang qua thượng khẩu của « Những nhân viên Hải quân », bắt nguồn

từ vùng man rợ ở ngoài lãnh thổ SIU-LANG (TỬ-LANG) còn gọi là LANG HOANG (LANG-HOUANG).

« Từ thượng khẩu xuôi theo dòng, người ta đến hồ nước hướng Đông của ngọn Trường giang. Nước tràn đầy mặt hồ và khi thủy triều lên thì chảy về hướng Tây. Trong một ngày một đêm nước lớn và ròng hai lượt, mỗi lần lớn thì dâng cao từ bảy hay tám chân. Tại đây đến tận hướng Tây, mỗi tháng có hai lần nước lên cao vào ngày mồng một và 15, mỗi lần trong bảy ngày, mực nước đến 16 hay 17 chân. Trong vòng 7 ngày lại có một lần nước lên ban ngày và một lần ban đêm từ 1 đến 2 chân. Mùa xuân, hạ, thu, đông đều giống như nhau, mực nước lên và xuống không xê dịch, nước không tràn và không rút bớt. Người ta gọi đây là HAI-YUN (Hải Vận) và cũng gọi là SIANG CHOUËI (Tượng-Thủy) và đặt tên con sông là TƯỢNG-PHỦ (SIANG P'OU) ».

*

Nhờ những chi tiết này, một danh sĩ đời TẤN (TSIN 265-419) viết trong tập ký ức :

« Nước SUỐI VÀNG tinh khiết, sông Tượng Phủ trong xanh. Suối, sông, cửa sông có nhiều côn trùng thật nhỏ cắn lủng gỗ, đục khoét thuyền bè. Trong vài mươi ngày, chúng có thể ăn hư một chiếc thuyền. Dưới dòng nước trong sạch có một loại cá mình đen, bề dài 5 trượng (tchang), đầu giống như ngựa, nằm chờ người ta lội xuống thì cắn ngay ».

Trong quyển Phù-Nam-Ký (FOU-NAN-KI) của TRÚC-CHI (TCHOU-TCHE) có ghi :

« Lãnh thổ ĐỐN-TỐN (TOUEN-SIUN) thuộc Vương quốc Phù-Nam. Vị Lãnh chúa tên CÔN-LÔN (K'OUEN-LOUEN). Trong nước có năm trăm gia đình người Hồ (HOU) và hơn một ngàn tu sĩ Bà-la-môn người Ấn. Dân Đốn Tốn theo đạo Bà-la-môn và gả con gái cho các tu sĩ này, vì thế, rất nhiều tu sĩ không trở về cố quốc. Họ chỉ đọc kinh sách của Thần Thánh và dâng cúng ngày đêm những bình màu trắng đựng dầu thơm và bông hoa. Khi mang bệnh, họ mong được « điếu táng » nếu không thể sống. Thân nhân khiêng họ ra khỏi thành phố vừa nhảy múa, vừa ca hát. Một bầy chim chờ sẵn xé thịt xác chết. Mổ xương còn lại được đốt ra tro bỏ vào một cái hũ quăng xuống biển. Nếu bầy chim không ăn, người ta bỏ thây kẻ bất hạnh vào một cái thúng. Người nào chọn lối « hỏa táng » thì đốt xác chết, lấy tro bỏ vào hũ chôn xuống đất. Trong lúc tang ma, họ cúng tế liên tiếp nhiều ngày ».

*

Sử ký nhà Bắc Tống (SONG 420-478) trong chương ghi về Âm nhạc có chép lại một bài hát do ông TRƯƠNG-HOA (TCHANG-HOUA 232-300) soạn cho Vua Thế tổ Võ đế (265-290) nhà Tây Tấn (TSIN 265-313) có câu : « Nước Phù Nam nhờ rất nhiều người làm thông ngôn và dân Tú-Thận (SOU-CHEN) mượn y phục ».

Quyển **NGOẠI QUỐC TRUYỆN** (WAI KOUO TCHOUAN) có ghi 3 chương về Phù Nam :

« Chương 1 viết : Khi trong nhà một người Phù-Nam mất đồ đạc, gia chủ lấy một cái hũ cơm đem vào đền thờ

nhờ Thần Thánh chỉ bắt kẻ trộm. Hũ cơm để dưới chân Thần tượng. Hôm sau, gia chủ lấy hũ đem về gọi tất cả gia nhân chia mỗi người một miếng để ăn. Trong miếng kẻ gian có máu chảy ra, không nhai được. Còn người lương thiện thì nuốt cơm như thường. Tục lệ này có từ xứ Nhật Nam (Je-Nan) đến cuối biên cương.

« Chương 2 viết gần giống từng chữ trong tập LƯƠNG THƯ (LEANG CHOU) về loại khăn đốt không cháy.

« Chương 3 viết : Dân Phù-Nam rất cao lớn, họ ở trong nhà có chạm trổ và bày biện trang hoàng. Họ rất rộng rãi, thường bố thí và có nuôi nhiều chim và thú. Nhà vua thích đi săn. Người nào cũng cỡi voi. Khi nào đi săn thì kéo dài nhiều ngày, nhiều tháng ».

Vào thế kỷ thứ 3, ông TÃ-TƯ (TSO-SSEU) viết một bài phú nhan đề TAM-ĐÔ-PHÚ (SAN-TOU-FOU) nghĩa là bản văn nói về ba Kinh đô mà một là thủ-phủ của nhà Đông Ngô (Wou 222-280), chính Ngô Vương đã phái ông Khang Thái (K'ANG T'AI) đến Phù-Nam. Tả-Tư viết rằng : Thuở ấy, nền văn minh Trung-Hoa lan rộng đến các quốc-gia : Ô-HỦ (WOU-HOU), LANG HOANG (LANG HOUANG), PHÙ NAM (FOUNAN), TÂY ĐỒ (SI TOU), các Tù trưởng xứ ĐÃM NHĨ (TAN EUL), xứ HẮC SĨ (HEI-TCH'É) các Hoàng thân xứ KIM LÂN (KIN-LIN), xứ TƯỢNG QUẬN (SIANG KIUN).

Đầu thế kỷ thứ 6, ông TƯ THỐNG (SIAO T'ONG) đem bài phú này vào tập **VĂN TUYỂN** (WEN-SIUAN). Vào hạ bán thế kỷ thứ 7, nhà bác học LÝ THIÊN (LI-CHAN) viết một

bài bình luận nổi tiếng và đây là đoạn nói về bài Tam-đô phú :

« Sách DI-VẬT-CHÍ (JI-WOU-TCHE) viết rằng : Ô-HỦ (WOU-HOU) là tên của một giống rợ ở miền Nam, lập xóm làng trong dãy núi sâu. Khi có người trong bộ lạc bị giết, họ ngồi tại chỗ người chết và chờ kẻ sát nhân. Nếu kẻ ấy đến, bất luận là phải hay quấy, họ trả thù và ăn thịt ngay.

« Người dân nước LANG HOANG (LANG-HOUANG) là giống rợ ở trên dãy Trường Sơn về hướng Tây nước Lâm-Ấp. Ban đêm họ đi tìm vàng và biết được loại vàng nào tốt.

« Dân Phù-Nam đặc biệt khôn khéo hơn, ta không thể lầm lẫn với hai giống rợ sau này.

« Người TÂY ĐỒ (SI-T'OU) nhuộm răng trắng ra đen bằng một thứ cỏ.

« Người ĐẨM NHĨ (TAN-EUL) xâm lấn tai.

« Ngoài khơi xứ Phù-Nam có nước KIM-LÂN (KIM-LIN) cách xa lối 2000 lý. Trong nước có mỏ bạc, dân chúng rất đông, họ thích săn voi và bắt sống để nuôi. Khi voi chết họ lấy ngà.

« TƯỢNG-QUẬN (SIANG-KIUN) là ấp phong hiện thời của xứ Nhật-Nam (JENAN), ở đây còn có ấp phong TƯỢNG-LÂM (SIANG-LIN) nữa ».

*

Nhà hiền triết trứ danh CÁT-HỒNG (KO-HONG) có ghi một thủ tục của nước Phù Nam trong quyển **BẢO-PHÁT-TỬ** (PAO-P'OU-TSEU) như sau :

« Trong nước Phù Nam có một loại kim cương có thể gạch bể cẩm thạch, bề ngoài giống đá thạch anh. Kim cương ở dưới đáy biển sâu hàng trăm trượng (tchang) và trên mặt đá như thạch nhũ. Nếu ta lấy sắt đập, kim cương không hư bể, trái lại sắt bị móp, nhưng nếu ta đập bằng sừng con trâu thì nó bể tan ngay ».

*

Ông VẠN-CHẤN (WAN-TCHEN) viết trong quyển **NAM CHÂU DỊ VẬT** (NAN TCHEOU YI WOU) :

« Vương quốc Phù Nam ở phía Tây nước Lâm Ấp hơn 3000 lý. Trong nước có một vị Quốc vương là người dựng nên quốc gia này. Các chư hầu đều là quan chức và tướng soái bên tả, bên hữu của Nhà vua ; tất cả đều gọi là CÔN-LÔN (K'OUEN-LOUEN). Nước ĐỐN-TỐN (TOUEN-SIUN) cách xa Phù Nam hơn 3000 lý, vốn là một lãnh thổ riêng biệt. Một vị Quốc vương Phù Nam tên FAN-MAN (PHẠM-MẠNG) rất can đảm đã chinh phục nước này. Hiện thời Đốn-Tốn lệ thuộc Phù Nam ».

Dưới đời nhà TẤN (TSIN 265-419), ông KÊ-HÀN (KI-HAN) viết quyển **NAM PHƯƠNG THẢO MỘC TRẠNG** (NAN FANG TS'AO MOU TCHOUANG) sưu tập loại cây cối ở các lãnh thổ phương Nam có nói về vương quốc Phù Nam. Trong tập Thượng, trang 5, mục « Cây mía », gọi là CHƯ-GÍA (TCHOU TCHO) như sau : *« Năm thứ 6 triều Thái Khương (T'AI K'ANG 285), vương quốc Phù Nam dâng lễ cống cây chư giá dài ba gút mỗi trượng ».*

Trong tập Trung, trang 6, mục « Tiểu công nghệ » **BẢO-HƯƠNG-LÝ** (PAO-HIANG-LU) tác giả ghi :

« Năm thứ 6 triều Thái Khương (285), vương quốc Phù Nam dâng lễ cống 100 đôi giày gọi là Bảo hương lý. Hình dáng lạ lùng của đôi giày khiến Hoàng thượng thờ dài rất lâu và mỉm cười trước sự cầu tạo có vẻ thô kệch. Tuy nhiên, Ngài truyền cất trong dãy kho ở ngoài để giữ đầy đủ sản phẩm của mỗi nước ».

Trong tập Hạ, trang 6, mục « Cây tre » gọi là **VÂN-KHÂU-TRÚC** (YUN-K'IEOU-TCHOU), tác giả ghi :

« Loại cây này gốc ở Phù Nam ; sự thật thì ở Giao Châu, Quảng Đông (KOUANG-TONG) và Quảng Tây (KOUANG-SI) có loại tre mỗi đốt dài hai trượng, vòng tròn từ một đến hai trượng là thường ».

*

Quyển Bách Khoa **THÔNG ĐIỂN** (T'ONG TIEN) soạn thảo vào cuối thế kỷ thứ 8 do ông ĐỖ-HẬU (TOU-YEOU) có một đoạn nói về Phù Nam ở hồi thứ 188, trang 12, không có gì mới mẻ ngoài một câu đề cập đến phái đoàn Sứ giả nước này dưới triều nhà Tùy (SOUEI 581-618). Bấy giờ, người Trung Hoa ghi rằng tên tộc vị Quốc vương Phù Nam là KOU-LONG (CỔ-LONG) và trong lãnh thổ có rất nhiều gia đình mang họ này. Người viết sách thuật rằng khi hỏi thăm các cụ già thì được biết người dân K'OUEN-LOUEN (CÔN-LÔN) không có họ.

Trong quyển **NGÔ-LỊCH** (WOU-LI) ⁵ có ghi : *« Năm HOÀNG VĨ (HOUANG-WOU 225), Vương quốc Phù Nam và*

các quốc gia khác đến triều cống những vật dụng bằng thủy tinh ». (NGÔ LỊCH HOÀNG VÕ TỬ NIÊN PHÙ-NAM CHƯ NGOẠI QUỐC LAI HIỂN LƯU-LY).

Trong quyển **LƯƠNG TỬ CÔNG TỬ KÝ** (LEANG SSEU KONG TSEU KI) viết vào thế kỷ thứ 6, có câu : *« Một chiếc thuyền lớn của Phù Nam ở hướng Đông nước Ấn Độ đem bán một tấm kiếng bằng lưu ly (P'ô-li) xanh, đường kính đo được một chân năm ngón chân, cân nặng bốn mươi cân ».*

Trong « Tuyển tập » của NGÔ QUÂN (WOU KIUN) soạn vào thế kỷ thứ 6, trang 84 có một câu nói về loại mía ở Phù Nam : *« Mía cao 3 đốt một trượng (10 chân). Khi ánh nắng chiếu vào mía khô lại, khi gió thổi mía uốn cong mình ».*

Nhà sư Trung Hoa pháp danh NGHĨA TỊNH (YI-TSING) đi khắp các mặt biển miền Nam từ năm 671 đến 695 có ghi trong tập **NAM HẢI KÝ QUI NỘI PHÁP TRUYỆN** (NAN HAI KI KOU EI NEI FA TCHOUAN) trang 68 như sau :

« Từ nước Lâm Ấp đi về hướng Tây Nam một tháng đến lãnh thổ BẠC-NAM (PA-NAN) mà người ta gọi Vương quốc Phù Nam thuở xưa ; đó là một nước dân chúng ở trần truồng. Người dân tôn thờ rất nhiều Thần Thánh. Kể đó, Phật giáo được truyền bá và lan rộng khắp nơi. Nhưng hiện thời, một vị Quốc vương hung dữ tiêu diệt tất cả không còn một nhà sư nào. Bọn tà giáo xâm lấn vào các nơi thờ phụng ».

Nhà sư Nghĩa Tịnh viết trong quyển **ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỰC CẦU PHÁP CAO TĂNG TRUYỆN** (TA T'ANG SI YU T'IEOU FA KAO SENG TCHOUAN) rằng :

« Các vị sứ muốn đến nước Ấn Độ phải đi qua một ngàn con sông và vương quốc BẠC-NAM là hải cảng của con sông này. (NAM QUỐC HỮU THIÊN GIANG KHẨU DÃ). Sứ ghi lại cuộc hành trình của ba vị tăng NGHĨA LÃNG (YI-LANG), NGHĨA HUYỀN (YI-HIUAN) và TRÍ NGẠN (TCHE-NGAN) đến nước Ấn như vậy : Khi đến WOU-LAI, lối hướng Tây PAKHOI chư tăng xuống một chiếc thuyền buôn vượt ngàn muôn cơn sóng đi qua vương quốc Phù Nam và bỏ neo ở xứ LANG-KIA ⁶ (Lang Già) ».

*

TÂN ĐƯỜNG THƯ (SIN T'ANG CHOU) quyển Sử ký mới của nhà Đường (618-906) do hai ông ÂU-DƯƠNG-TU (NGEOU-YANG-SIEOU) và TỔNG KỲ (SONG-KI) soạn hồi thế kỷ thứ II có ghi một đoạn nói về Phù Nam :

« Vương quốc Phù Nam ở về phía Nam xứ Nhật Nam (JENAN), đất đai thấp như nước HOÀN VƯƠNG (HOUAN WANG) tức Lâm Ấp (người Trung Hoa gọi Lâm Ấp là Hoàn Vương từ năm 757, nhưng sau đời Tàn Đường (906) thì bỏ danh từ này). Tại thủ đô có vách tường bao bọc thành phố, lâu đài, cung điện và nhà cửa dân chúng. Nhà vua mang tên tộc là CỎ-LONG (KOU-LONG). Ngài ở trong một vọng lầu cao hai tầng. Vòng thành cất bằng lũy gỗ. Người ta lợp nhà bằng lá tre. Khi Nhà vua ra ngoài, Ngài cỡi voi. Nước da dân chúng đen, tóc ngắn, không mặc quần áo. Họ trồng lúa một năm và gặt ba lần. Trong nước có loại kim cương bề ngoài giống như đá thạch anh, người ta tìm thấy rất nhiều dưới lòng sông và trên núi đá. Dân chúng lặn xuống nước mò

kiếm dễ dàng. Kim cương có chất cứng có thể gạch bể cầm thạch nhưng nếu đụng nhằm cái sừng con trầu thì bể tan ra. Người Phù Nam thích đá gà và cho heo cắn lộn. Họ đóng thuế bằng vàng, trân châu và dầu thơm. Nhà vua đóng đô ở thành ĐẶC-MỤC (T'Ō-MOU). Thành lĩnh thủ đô bị nước Chân Lạp (TCHEN-LA) xâm chiếm, Nhà vua phải lui về phía Nam ngự trong thành NA-PHẮT-NA (NA-FOU-NA). Dưới triều VÕ ĐỨC (WOU-TO 618-626) và TRỊNH QUÁN (TCHENG-KOUAN 627-649) Vua Phù Nam có phái Sứ giả sang triều cống ».

Cũng trong quyển sử này có đoạn nói về Chân Lạp (TCHEN-LA) : « *Dưới triều TRỊNH QUÁN (TCHENG KOUAN 627-649), Quốc vương KSATRIYA IÇANA đánh dẹp nước Phù Nam và chiếm lãnh thổ nhưng Phù Nam vẫn còn giữ được thanh danh ».*

Trong đoạn nói về nước Ấn Độ có ghi : « *Miền Đông nước Ấn Độ là bờ biển, giáp ranh với Vương quốc Phù Nam và Lâm Ấp. Ấn Độ sản xuất kim cương, củ nghệ và trầm đem đổi thổ sản nước ĐẠI TẦN (TA TS'IN), Phù Nam và Giao Châu ».*

Thủ đô Phù Nam có một thời tên VYÂDHAPURA, « *thị trấn thợ săn* », người Trung Hoa gọi là ĐẶC-MỤC (T'Ō-MOU), có lẽ là tiếng nói theo danh từ Miên DMÂK hay DALMÂK cùng một nghĩa ấy ⁷. Thành phố ở gần ngọn đồi BAPHNOM người Tàu gọi là Ma-Đam (MO-TAN) và làng BANAM thuộc tỉnh Preyveng mà hiện thời hai địa danh này vẫn còn tồn tại. Sử ký nhà Lương (LEANG 502-556) chép rằng thủ đô Phù Nam ở cách bờ biển 500 lý (200 cây số). Đây là gần

đúng khoảng cách vùng BAPHNOM với hải cảng ÓC EO, hoặc một thị trấn nào gần bờ biển. Lãnh thổ này có nhiều sông rạch nên người Trung Hoa có thể ngồi thuyền qua đất Phù Nam đến bán đảo Mã Lai. Phù Nam nằm trên con đường biển giữa Trung Hoa và Ấn Độ thời bấy giờ.

Ngoài ra, dân Phù Nam còn tập trung ở 3 địa điểm :

- Hải cảng ÓC EO ở gần núi Ba Thê thuộc tỉnh Rạch Giá.
- Thị trấn THNOL MOROY, người Pháp dịch là « Ville des cent rues : thành phố trăm đường » ở về phía Nam Đông-Nam Rạch Giá, ngay giữa Đồng Chim.
- Thị trấn ANGKOR BOREI thuộc tỉnh Takeo (Cao-Miên) ở phía Bắc tỉnh Châu-Đốc.

Dấu tích nước Phù Nam hiện nay còn lại là 4 tấm bia đá khắc chữ Bắc Phạn (Sanskrit), 2 tấm chạm hình Thần Vishnou, tìm thấy ở miền Nam Việt Nam (Đồng Tháp Mười) và phía cực Nam Cao-Miên, một tấm chạm hình Phật, đào được ở Bati, phía Nam thủ đô Phnom Penh, một tấm ở Vĩ-Cạnh (Nha Trang). Bốn tấm bia này khắc vào thế kỷ thứ 5 và thứ 6.

III. HẢI CẢNG ÓC EO

Vào tháng 2 năm 1944, Ông Louis Malleret, nhà khảo cổ Pháp đến vùng Óc Eo thuộc xã Mỹ Lâm, tổng Kiên Hào, tỉnh Rạch Giá, năm 1957 đổi là quận Kiên Thành, tỉnh Kiên Giang, khai quật di tích một thành phố bị sụp đổ trong lòng đất. Đó là hải cảng Óc Eo của Phù Nam, nơi tiếp đón các thương thuyền ngoại quốc, tên xưa là UR KÊV, có nghĩa là lay chuyển, xô đẩy, làm chấn động. Cổ nhân gọi như thế có lẽ để ghi dấu một thị trấn bị chôn vùi vì địa chấn hoặc vì hồng thủy đã mang đất phù sa đổ xuống quá nhiều và một cách bất ngờ. Giả thuyết này có phần đúng hơn là một nhà khảo cổ Pháp cho rằng chữ UR KÊV gần giống như chữ Ô-KEO của người Miên có nghĩa là « con rạch quý giá », « rạch kim cương », vì các nhà địa chất học ngày nay tính rằng hằng năm sông Mékong mang ra biển từ 500 đến 1.200 triệu thước khối phù-sa bồi ngay mũi Cà-Mau trở lên phía Bắc đến Vàm sông Cái Lớn (Rạch Giá), bãi biển lan ra tuy chậm nhưng ngó thấy rõ ràng. Do đấy, người ta ước đoán rằng thuở ấy bờ biển còn nằm trong xa, ngay chỗ tìm thấy di tích Óc Eo, rồi do một trận thiên tai, phù sa đổ sập xuống chôn vùi vào lòng đất. Và từ đấy mỗi năm bồi thêm một ít cho đến bây giờ bờ biển cách hải cảng lối 25 ngàn thước ! Ngoài vùng Óc Eo, người ta còn tìm thấy nhiều chiếc ghe lớn có cột buồm nằm sâu ở phía Tây U-Minh thượng (An-Xuyên), những dẫy sò ốc, vỏ ốc nằm lộ thiên hàng ngàn thước ở Giồng Đá, xã Bàn-tân-định (Rạch Giá) và ở giữa khoảng núi Sập, núi Ba Thê. Hai vùng sò ốc này đến nay

chưa được nghiên cứu hoặc khai quật kỹ lưỡng vì nạn chiến tranh, nhất là vùng thứ nhì gọi tắt là « sò » ở gần Óc Eo.

Ông Malleret nói rằng ông được biết sự hiện diện của hải cảng này trong lịch sử từ đầu năm 1942 do một món nữ trang bằng vàng của một nông phu bắt gặp khi vỡ ruộng trong một vùng không có tên ở tỉnh Rạch Giá. Có người mô tả hình dáng vật ấy giống như sợi dây nịt kết bằng nhiều mảnh vàng móc nối với nhau, có người cho rằng giống như cái mào chạm hình bông hoa, có người lại nói là chiếc vòng đeo ở cổ. Ông nhất định tìm hiểu sự thật nhân dịp đi khảo sát về các dấu tích xưa cũ trong phần đất thuộc tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá và Hà Tiên. Ngày 3.4.1942, ông chú ý đến một tượng Phật nhỏ bằng đồng kiểu mẫu ít khi có, để trên bàn thờ một ngôi chùa ở Ba Thê. Người bơi xuồng đưa ông đi nói rằng người ta tìm được tượng Phật ấy trong vùng đã phát giác món vật kể trên.

Sự thật người Việt quanh vùng đã đào gặp nhiều món nữ trang bằng vàng từ 5, 6 năm trước. Những mảnh vàng hình rồng khắc chữ nho, khắc chữ Thọ, chữ Phước, hình ngỗng thần, bò thần theo đạo Bà-la-môn được nấu thành vàng khối đem bán ở Phnom Penh vì người tìm được sợ bị tịch thu và bắt bớ. Một nhà báo thời ấy đăng bài phóng sự phóng đại tin này làm kích động thêm tánh tham của dân chúng. Hàng ngàn người ở khắp nơi đổ xô đến đào xới. Hàng quán, tiệm mua vàng, cầm đồ mọc đầy như cái chợ, có cả hát bội, cải lương ! Chánh quyền địa phương ra lệnh ngăn cấm, bắt người đào và kẻ mua. Người ta ước lượng số bảo vật mất đi nhiều bằng 9 phần 10 số còn lại hiện thời.

Sau nhiều tháng nghiên cứu sử sách và các hình chụp trên tàu bay để tìm địa điểm hải cảng, ông Malleret quả quyết rằng món nữ trang kia sản xuất đồng thời với nhiều món khác đã xuất hiện trước đây và nhất định do một đô thị cũ kỹ mà ra. Theo tài liệu và hình ảnh thu thập được, ông thấy một vòng đai vuông vức lối một ngàn năm trăm (1.500) thước mỗi góc, như thế, thành phố xưa kia chiếm lối 225 mẫu, nhưng đến khi quan sát tại chỗ, ông nhận thực là một hình chữ nhật ngang 1.500 thước, dài 3.000 thước, tính luôn cả vòng thành là 450 mẫu, bằng phân nửa diện tích thủ đô ANGKOR THOM của Cao-Miên thời xưa. Căn cứ vào những dấu vết trên đất, ông cho đào 22 nơi và tìm thấy 12 di tích kiến trúc hiện chỉ còn lại những nền móng chìm dưới mặt đất 60 phân. Trong số này có di tích quan trọng của hai ngôi đền lớn. Một ngôi còn lại nhiều căn phòng với vách tường cao gần bốn thước, một ngôi lát sàn bằng nhiều viên đá hoa cương có chạm trổ hoặc không, kết dính nhau bằng lổ mòng. Một viên đá lát nguyên khối này bề dài 3 thước 15, bề ngang 2 thước 75, dày 0th. 28. Sau cùng có nhiều viên đá hoa cương không biết cổ nhân dùng làm gì, đục đẽo sơ sài, sắp xếp giống hình một căn phòng hình chữ nhật, hoặc chất thành đống cũng theo hình vuông dài, một linh phù (linga) bằng đá tạc giống như thật bề cao 1 thước 73 nằm dưới đất, một tượng đá lùn tạc thân trên của người đàn ông nghiêng mình trên chân trái duỗi thẳng. Rải rác chung quanh các công trình kiến trúc này, nhà khảo cổ tìm thấy chén bát, lu, hũ bằng đất nung, khí cụ làm ruộng, những đồ dùng nhỏ bằng đồng và nữ trang. Có nơi ông thấy

các món nữ trang nằm trên cát và xem xét các dấu vết gần đây ông có thể suy luận đó là nhà kim hoàn. Ông cũng thấy những căn nhà sàn giống như nhà của đồng bào ở các tỉnh có nước ngập. Tiếp tục đào sâu thêm một thước tám (1th.80) ông thấy nhiều xương cốt của người và thú vật, vỏ ốc và chén bát bằng đất nung. Xem xét những món vật nặng cột theo chài lưới, ông cho biết dân chúng sống với nghề đánh cá. Hiện thời, tuy từ Ốc Eo ra đến bờ biển cách 25 cây số, nhưng người ta có thể quả quyết vào thời ấy, hải cảng này ở sát mặt nước. Ngoài những hột chai nhuộm màu và có mài mặt, những viên kim cương thuộc hạng nhì như hồng mã nào mà nhà khảo cổ tìm thấy có viên đang làm dang dở ; ông cho rằng có thể các đồ vật bằng đất nung được làm tại chỗ vì ông thấy một cái vồ bằng gỗ để đập đất gần giống như vồ của người Cao Miên dùng hiện nay. Tiếp tục đào xới khắp vùng, ông tìm thấy :

- Vết tích những căn nhà sàn bằng vật liệu nhẹ, nền vách đèn thờ xây bằng gạch và đá hoa cương.

- Nhiều lưỡi búa bằng đá mài, nhiều đồ dùng bằng đất nung.

- Hàng ngàn hột chuỗi bằng thủy tinh và đá quý.

- Hơn 60 bảo thạch, ấn, ngọc chạm bằng nhiều loại mã não, thạch anh.

- Lối 100 cổ vật bằng đồng, tượng nhỏ và búa phù bằng thiếc, vài cổ vật bằng sắt.

- Trên 1.000 mỹ trang phẩm đủ loại (nhẫn, hoa tai, vòng) bằng vàng nguyên chất, cân nặng cả thảy trên 1.000

grammes.

Trên một diện tích 75 thước vuông có 107 loại đồ vật được ghi làm bằng chứng trong ấy có 576 viên ngọc bằng đá cứng hoặc bằng thủy tinh thường thường tạc theo hình nhỏ nhiều màu như xanh dương, xanh lá cây, đỏ, nâu, vàng hay đen, tất cả nằm rải rác trên một bình diện 48 thước vuông. Những món vật bằng kim khí không được nhiều, một chuỗi vàng, hai viên chuỗi bằng thau, phân nửa cái chuông nhỏ bằng đồng và hai món đồ bằng bạc, một phần đồng tiền và một miếng dẹp hình vuông khắc hình con ốc biển ở giữa. Ngoài những mảnh vàng rải rác trong lớp cát chỉ có hai miếng cắt sắt được tìm thấy mà thôi. Ngoài trừ một cái bình nhỏ có nắp bằng đất nung và một cái giá bốn chân, những chứng tích về loại đồ gốm đều là mảnh bể không còn hình dáng gì cả.

Vài miếng ngói dợn sóng mỏng đã bể nằm trên mặt cát, phía dưới lớp đất có nhiều mảnh gạch vụn. Theo một di tích của căn nhà còn lại dưới lớp đất có nhiều miếng vàng nhỏ mỏng hoặc viên tròn lớn nhỏ khác nhau từ một phần mười ly đến hai ly. Vài món nhìn bằng kính hiển vi cho thấy dấu vết của khí cụ rạch từng đường thật nhỏ đúng là tác phẩm của thợ kim hoàn. Gần đấy có một cái núm của nắp đậy bằng đồng và một cái hũ để lật úp, bên trong có vài miếng đất nung bể và nhiều mảnh than. Một đầu cột sàn nhà đường kính 20 phân còn đứng sâu dưới đất, một đoạn cột khác nằm dài trong bùn. Hai cái giếng đào ở ranh đô thị về hướng Đông Nam và Tây Bắc.

Căn cứ vào kỹ thuật chế tạo các cổ vật trên và đối chiếu các bản văn khắc trên đá, người ta phỏng ước rằng văn minh Óc Eo đã phát triển vào giữa thế kỷ thứ 2 và thứ 3 D.L. và toàn thịnh từ thế kỷ thứ 3, thứ 4. Trong tổng số cổ vật tìm được, người ta phân biệt loại bản xứ và loại « du nhập ». Loại sau này có tính cách đặc biệt quan trọng, nó chứng minh và xác định một thời kỳ thịnh vượng của nền thương mại Phù Nam, đồng thời cũng có ảnh hưởng sâu đậm đối với ngành mỹ thuật nước này. Loại cổ vật Ấn Độ có rất nhiều :

- Một đầu tượng Phật bằng đồng kiểu Gandhara (thuộc Trường phái Bắc Ấn vào thế kỷ thứ 1).

- Nhiều chiếc nhẫn vàng chạm nổi hình bò thần NAN DIN, con bò của thần Ớiva cỡi.

- Ấn có khắc chữ Phạn và chữ Brahmi (ở vào thế kỷ thứ 2, thứ 5).

- Ngọc chạm chìm hình phụ nữ tế thần Lửa, hoặc dâng hoa, chứng tỏ đạo Bà-la-môn phái thờ thần Ớiva đã truyền bá ở Phù Nam.

Kế đến là *cổ vật Trung Hoa*, một mảnh gương bằng đồng đời Hậu Hán (25-220) và tượng Phật nhỏ bằng đồng đời nhà Ngụy (386-557). Đặc biệt nhất là *cổ vật La Mã* gồm có :

- Một huy chương vàng chạm hình Vua ANTONIN LE PIEUX đánh dấu năm 152 D.L.

- Một đồng tiền vàng chạm hình MARC AURÈLE.

- Một loại ngọc (mã não) chạm hình như hình chuột kéo xe có gà ngồi trên, hoặc thủy tinh có chạm lõng một cách « hoa tình ».

- Nhiều cổ vật bằng đồng, thiếc, kẽm do các nước miền Địa Trung Hải sáng chế.

- Một cổ vật Ba-Tư đời SASSAMIDE (226-652 D.L.).

Các cổ vật liệt kê trên đại loại từ thế kỷ thứ 2 đến thứ 5 minh chứng rằng từ các thế kỷ đầu D.L, Vương quốc Phù Nam đã có giao thương với nước Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ, La Mã Trung Đông. Không những hải cảng Óc Eo chỉ tiếp thương thuyền các quốc gia mà thôi, cả những chiếc KOLANDIA là chiến hạm hạng lớn chở hàng hóa của thương gia trong các tỉnh ở vương quốc La Mã sát cạnh Hồng hải.

Các cổ vật « bản xứ » cho biết thị trấn Óc Eo là một trung tâm công nghệ rất phong phú. Sản phẩm bằng đồng, thiếc cũng như nữ trang bằng vàng, vàng nạm ngọc thạch đạt đến một kỹ thuật tinh vi. Riêng nghề nấu thủy tinh và nghề chạm ngọc thạch, mã não cũng rất điêu luyện.

Người đời sau thắc mắc không hiểu vì sao vùng Óc Eo bị chôn dưới lớp cát ? Nhìn vào những món vật khai quật được, các nhà khảo cổ có thể chứng minh là dân chúng đã hấp tấp rời bỏ một cách vội vàng đến nỗi những đồ quý giá như nữ trang, vàng bạc cũng không kịp mang theo. Phải chăng có một thiên tai hải hùng rơi xuống vùng Óc Eo. ? Theo tài liệu địa chất học thì mỗi năm hầu hết miền tam giác châu sông Cửu Long đều bị ngập lụt. Chất phù sa do sông này mang theo bồi đắp thêm cả vùng, ước lượng lối một tỷ rưỡi thước

khối. Trong mấy tháng mưa, nước sông chứa nhiều phù sa hơn tháng nắng.

Ông Malleret cho rằng sự bành trướng của miền tam giác châu tương đối chậm. So sánh các bản đồ từ năm 1552 đến nay, ta nhận thấy không có sự khác biệt bao nhiêu. Ông nói rằng vùng Óc Eo hằng năm đều chịu cảnh ngập lụt, bằng cứ là những nhà sàn tìm thấy trong lòng đất. Riêng Óc Eo bị vùi lấp có lẽ do một trận lụt kinh hồn thành linh đổ ụp bùn lầy, phù sa xuống thành phố. Thiên tai có thể xảy ra vào cuối thế kỷ thứ 7. Quan sát chung quanh, người ta thấy ở những nơi thấp lớp phù sa dày lối 2 thước, nơi cao (đất giồng) lối 6 tấc. Trung bình mỗi năm sông Cửu Long bồi một lớp đất dày từ 0,0005 đến 0,00016 thước hay lối 0,05 đến 0,016 thước mỗi thế kỷ. Các nhà địa chất học gọi là « phù sa mới » thuộc thời Pleistocènes (phù sa cũ thuộc thời Holocènes).

IV. THỊ TRẤN THNOL MOROY

Thị trấn THNOL MOROY, còn gọi là THNAL MRAY thị trấn « trăm đường », đã được nhắc nhở từ lâu. Năm 1931, ông LUCIEN BOUSCARDE, Thanh tra Học chánh ở Bạc Liêu ngồi thuyền theo ngả kinh CẠNH ĐỀN đến QUAN LỘ đi vào nhưng bị lạc giữa đồng hoang nên không thể ấn định rõ rệt vị trí của thị trấn.

Năm 1938, người ta càng bàn tán nhiều hơn. Có người cho rằng nơi đó là một địa điểm đóng quân của Vua Gia-Long trong lúc chống nhà Tây-Sơn, và gọi tên là LIẾP ĐÁ, LIẾP BÀN, LIẾP VƯỜN, ĐỀN CÔNG CHÚA, hoặc NỀN CÔNG CHÚA. Người Việt gốc Miên nói rằng đây là một thành phố xưa có nhiều đường lộ hoặc bờ đê nên mới có tên THNOL MOROY, thị trấn trăm đường.

Tháng 4 năm 1938, trong lúc công tác ở SÓC TRĂNG, ông MALLERET được một người Việt gốc Miên hướng dẫn theo ngả CÀ MAU xuôi dòng sông Trẹm và sông CẠNH ĐỀN qua vùng sinh lầy đến một dải đất rộng mà người dặt đường thú thật không còn biết gì thêm nữa. Trên dải đất này, ông MALLERET tìm thấy một miếng đá lát bằng diệp thạch, vài mảnh đá cát (hoa cương thạch) và nhiều mảnh nôi, niêu, chén hũ bể. Vùng này hoàn toàn hoang vắng, bấy giờ thuộc xã VĨNH PHONG, tổng THANH YÊN tỉnh Rạch Giá. Người Việt gốc Miên dời đi nơi khác trong năm 1926-1927 lúc tên CHUCHOC nổi loạn. Trên mặt đất có vài dấu vết đào xới.

Người ta quả quyết rằng một vị tu sĩ ở ẩn trong vùng đã tìm được nhiều thoi vàng.

Cuộc tìm kiếm được tiếp tục vào tháng 4 năm 1943 do ông Lucien Bouscarde, lúc ấy giữ chức Thanh tra Học chánh liên tỉnh ở Long Xuyên đã khám phá được nhóm gò đồng đắp cao, trên ấy có nhiều viên gạch và mảnh chén, nôi bể rất giống với loại ở Ốc Eo.

Tháng 4 năm 1944, ông Malleret cùng với ông Bouscarde theo một con kinh mới đào bề dài 1.300 thước phía trong Cạnh Đền để tránh vũng lầy mà ông đã gặp năm 1938. Hai ông tìm thấy rất nhiều vỏ sò ốc trong vùng đất đã san bằng và một đồng lớn vỏ sò huyết khổng lồ chứng tỏ nơi đó xưa kia là bờ biển. Dọc theo bờ kinh có vô số mảnh nôi chén bể mang những nét vẽ giống loại ở Ốc Eo, ngoài ra, cũng có vài kiểu khác lạ. Nhiều mảnh vỡ thật lớn chứng tỏ là lu hay hũ to. Ông Malleret gặp một cái hũ nguyên vẹn nhiều cổ và chân hũ, những mảnh gạch nai, nhiều xương người và thú vật. Người dắt đường đưa ông đến một địa điểm, nơi đó một ngày trước, có người vừa tìm được sáu cái sọ người nằm gần nhau. Đồng bào trong vùng đã để sáu đầu lâu trên bờ kinh và dự tính sẽ giết heo cúng tế trước khi chôn cất. Ông Malleret thấy bốn cái còn nguyên vẹn, một cái bể nát và cái thứ sáu bị người nào ăn cắp mất hồi hòm. Nơi tìm thấy đầu lâu này có rất nhiều xương người ở cách đây lối 50 thước về phía Đông. Không có một bộ xương nào còn nguyên vẹn. Ông đem hết về Saigon luôn cả những đốt xương sống và xương tay, xương chân vừa đào gặp. Ông dò lòng kinh mới đào thấy nhiều nơi sâu từ 1 thước 20 đến 1

thước 30, có nơi 1 thước 50. Chính mớ xương tằm nằm sâu trong lòng đất từng ấy thước. Trên đó giữa 50 phân và một thước là vỏ ốc, từ 50 phân trở lên là mảnh lu, chén bể. Không ai thấy dấu vết nhà sàn hay đá ong. Cuộc nghiệm xét mặt trong một hồ nuôi cá đào sâu 2 thước 30 cho thấy đất sét màu sậm pha trộn với phân cây có màu đen choán hết bề cao cái hồ không có xếp từng tầng rõ rệt, đến lớp cát ở giữa cũng không có. Hai gò đất cao cách nhau lối 20 thước, chung quanh có nhiều viên đá cát lớn bao phủ giống các gò đất ở Ốc Eo. Đá chất thành hình tròn bề cao từ 4 đến 5 thước, trong ấy có một ít gạch. Đá cát này rất mịn như đá ở núi Sập.

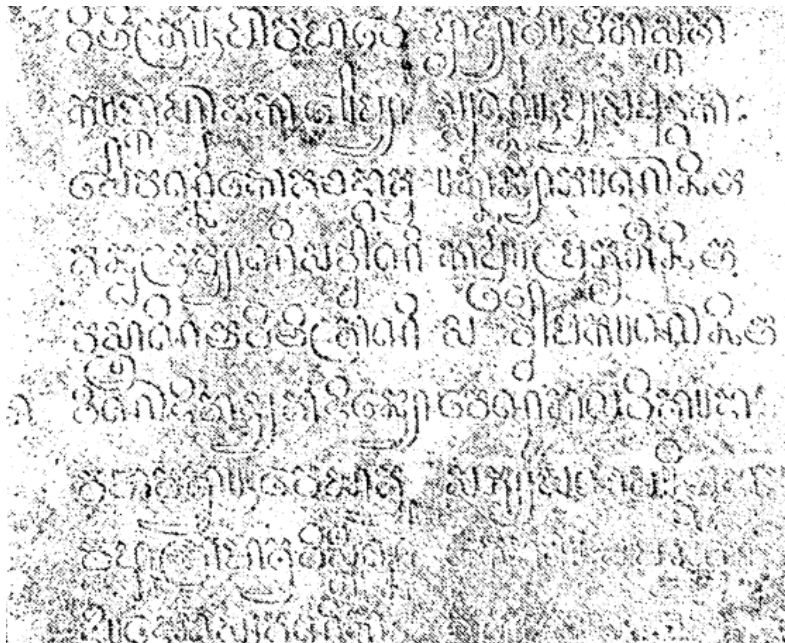
Tại ngôi miếu gọi là miếu Ông vua hay miếu Hoàng tử Cảnh có hai phiến đá thờ gọi là Pesani và một tượng đá hình dương vật (linga). Trong nhà một nông dân ở Cảnh Đền có một phiến đá tròn có cạnh. Tất cả những đá thờ, xương người và vỏ sò đều tìm được trong lúc đào kinh. Ngoài ra, còn có một miếng cẩm thạch để làm nữ trang, một miếng đá phiến nham thạch màu xanh dợt giống hình một hoa tai, một chiếc nhẫn có mặt để gắn đá, một miếng kim khí hình tròn có vòng đeo và nhiều viên đá tròn để kết làm vòng đeo cổ, tất cả rất giống những loại nữ trang tìm thấy ở Ốc Eo. Trong nhà một đồng bào, ông Malleret thấy một cái bầu tròn, một cái đĩa có chân bằng đồng đóng mốc xanh giống loại đã tìm thấy ở Tráp đá và Ốc Eo.

Theo bà E. GÉNET VARCIN, những xương người này thuộc giống người Nam Dương quần đảo gọi là giống Protomalais ở các hải đảo miền Nam di dân lên. Giống người

này cùng loại với những người Thượng ở Việt Nam, người Kha, người Boloven ở Lào, người Penang, Bahnar, Plen ở Cao Miên, người Dayak ở Bornéo.

V. BỐN BẢN VĂN PHẠN NGŨ (SANSKRIT) CỦA PHÙ-NAM

Bốn bản văn này, hai bản ghi trên mặt tường trụ đá tìm được ở Đồng Tháp Mười (Kiến Phong) và ở Bati (Cao Miên), một bản ghi trên bia đá ở Võ Cạnh (Khánh Hòa) và một bản ghi trên bia đá ở tỉnh Takeo (Cao Miên).



1) BẢN THỨ NHẤT

Khắc trên một tường trụ ở cửa tò vò bằng đá phiến nham, tìm thấy trong những khối đá đổ vỡ của đền Prasat Pram Lovek ở Đồng Tháp Mười. Người ta khiêng phiến đá ấy đến Tòa hành chánh Sadec khoảng năm 1878-1879 và mãi đến năm 1928 mới đem về Viện bảo tàng Saigon.

Bản văn gồm 22 hàng chia làm 12 đoạn truy niệm sự cung hiến một hình tượng chạm dấu chân vị thần Vishnou gọi là CHAKRATIRTHASVAMIN. Theo lời văn ghi lại thì tác

giả là Thái-tử GUNAVARMAN, chắc chắn mấy đoạn đầu thuộc về vị Quốc vương cha của Thái-tử GUNAVARMAN, thuộc dòng dõi Vua KUANDINYA, đã giao cho con chỉ huy một lãnh thổ « chinh phục được trên vùng bùn lầy », nghĩa là đã tháo nước cho khô ráo phù sa sông Cửu Long tạo nên cánh Đồng Tháp Mười ngày nay :

BẢN VĂN⁸

Đoạn 1 : (Mòn hết)

*Đoạn 2 : « ...ân huệ của người... Vua Ja... do cánh tay của ai, vùng Biển sữa bị tát cạn trở thành một hồ Thần-đơn ».*⁹

Đoạn 3 : « ...trong trận chiến với Nhà vua tên Vira... Caturbhuja... »

Đoạn 4 : « ...ârâna bị lửa thiêu hủy... »

Đoạn 5 : « ...hoa sen... trên mặt đất... tất cả... quân đội đối phương... nhờ người mà trên thế gian này có vô số đền thờ thần Bhagavat xây cất với nhiều của cải ».

Đoạn 6 : « Nhà vua đã cưới một người đàn bà đẹp có một dáng đi... và một thắt lưng xinh xắn, sanh đứa con trai tên Gunavarman, tâm hồn cao thượng và trí thông minh... »

Đoạn 7 : « Do Nhà vua gặp vận may có dáng đi hùng dũng của vị thần Vikramin và chính là « Mặt trăng » của dòng dõi Tiên vương Kaundinya, vị Thái-tử này, dù còn nhỏ tuổi, đã được chỉ định lãnh đạo một địa phương sùng đạo chinh phục trên bùn lầy, nhờ Ngài là người có đạo đức và phẩm hạnh ».

Đoạn 8 : « Do Thái-tử Gunavarman... của bà mẹ Ngài, đã đặt trên mặt đất dấu chân của Thần Bhagavat, dấu chân mà cách trình bày với sắc thái không thể so sánh được do Ngài xây dựng, (Ngài) không còn muốn hình ảnh nào khác trên đời nữa ».

Đoạn 9 : « Ngày thứ tám, dấu chân này cúng dâng chư thần do các vị tu-sĩ Bà-la-môn thông hiểu kinh Vệ Đà, kinh Upaveda và kinh Vedanga, giống như những người bất tử, đã nhận những huấn điều trong kinh điển Cruti, tuyên bố danh xưng trên mặt đất là Cakratirthasvamin ».

Đoạn 10 : « Mong rằng người sùng đạo đối với vị thần ngự tại địa điểm đã kính dâng lên Thần Cri Cakratirtha, điều thiện... của Thái-tử Gunavarman đạo đức, hiếu thuận và nhân từ hoặc người nào chỉ đi vào (đền), sẽ đến nơi yên nghỉ tối cao của Thần Vishnou với tâm hồn hoan hỉ, giải thoát được nghiệp chướng xấu xa của mình ».

Đoạn 11 : « Người nào được Gunavarman là vị Thái-tử rất chuộng sự công bình ký thác cho thần Bhagavat phải tuân theo lệnh Ngài, tùy theo sự sắp xếp của tất cả tu-sĩ Bhagavatas, những kẻ khốn khổ không được bảo vệ và những kẻ làm việc tại nơi ấy, chiếu theo luật định, kẻ nào làm trái ngược qui tắc sẽ sa xuống địa ngục của Diêm-vương Yama cùng với những kẻ mang năm trọng tội ». ¹⁰

Đoạn 12 : « Mong rằng người có tâm hồn cao thượng sẽ làm khởi sắc những điều tốt đẹp của Thần Bhagavat... được đến nơi yên nghỉ tối cao của Thần Vishnou và đạt được một thanh danh to tát, vui hưởng niềm hạnh phúc vô biên ».

2) BẢN THỨ NHÌ

Được Thiệu-tá de Lajonquière báo cáo lần đầu tiên, khắc trên một miếng đá phiến nham trước kia dùng làm tường trụ và sau đó lại dùng làm mi cửa mặt ngoài, phía dưới cánh cửa hông hướng Nam của cổng vào hướng Đông, trong vòng thành trung ương của ngôi đền Ta Prohm (tỉnh Bati). Năm 1920, theo lời yêu cầu của ông Georges Maspéro bây giờ giữ chức vụ quyền Công-sứ ở Cao-Miên, Sở Mỹ-thuật Miên gỡ miếng đá ấy đem về Viện bảo tàng Albert Sarraut ở Phnompenh.

Bản văn viết bằng Phạn ngữ (Sanskrit) gồm có một số hàng không thể xác định và lỗi hai mươi hàng có thể nhận ra. Sáu đoạn đầu và hai đoạn kế có thể phiên dịch hoàn toàn, 6 đoạn tiếp theo chỉ đọc lồm bồm nhưng cũng có thể dịch được, từ hàng thứ mười ba, mặt đá mòn nhiều thái quá không nhìn ra chữ :

BẢN VĂN

Đoạn 1 : « Vinh diệu thay cho kẻ chiến thắng được kẻ thù là tất cả sự đam mê với những dấu vết của chúng (mầm móng, nghĩa là sự đam mê trong trạng thái ngủ say). Vinh diệu thay cho kẻ đạt được trạng thái hoàn toàn trong mọi việc mà lý trí không nhận chân những chướng ngại, hiểu được kinh Jina với lòng từ bi và hướng vào hạnh phúc của người khác, mà điềm vinh quang vĩ đại và không có tì vết truyền bá trong khắp lãnh vực của không gian ».

Đoạn 2 : « Sau khi cứu vớt được thế giới đắm chìm trong lòng đại dương của ba điều kiện tạo dựng (ưa nhục

dục, nhục thể, vô hình) và đạt tới Niết Bàn là vùng đất cao nhất không thể thấy được, không thể so sánh được... đấng Tôn sư ấy mà những thánh tích nhằm vào sự tạo hạnh phúc cho muôn loài, hiện nay vẫn còn ban bố hạnh phúc cho kẻ khác ».

Đoạn 3 : « (Nhà vua) mặc dù ở địa vị cao cả cũng không xem một đức hạnh nào như là không có ý nghĩa, và giống như là một báu vật đội trên đầu... đứng trên muôn loài, và cố gắng chiêm nghiệm tất cả đức tánh của Hoàng gia hợp lại, Quốc vương Cri Rudravarman này quả là người duy nhất của đấng Hóa công tạo nên ở thế gian ».

Đoạn 4 : « Tất cả việc thiện của Nhà vua rất mực trung thành với Phật pháp (dharma) ...mục đích thực hiện những ý định tốt của Ngài đối với thế gian và không phải (để thực hiện) những việc làm của tên Ksatrija trái ngược với ý Ngài ».

Đoạn 5 : « Đấng từ thân của Nhà vua này là Quốc vương Jayavarman bổ nhiệm người con của một tu sĩ đứng đầu giới tu sĩ Bà-la-môn giữ chức Thanh tra Tài sản ».

Đoạn 6 : « ...Đức Thích ca, Đức Dharma, Đức Sangha, mỗi vị với tất cả đức tốt, ưu tú... người thực hiện mọi hành vi của một Upasaka, không bị sa ngã... »

(Từ đây đến cuối, chữ mờ không thể đọc được. Hai đoạn đầu tỏ lòng tôn kính Đức Phật, hai đoạn kể tỏ diễm vinh quang của Quốc vương Rudravarman, đoạn 5 ghi đấng từ thân của Nhà vua là Quốc vương Jayavarman bổ nhiệm một người con của vị tu sĩ Bà-la-môn giữ chức Thanh tra Tài sản,

Đoạn tiếp nối chắc chắn ghi lời khen tụng của viên chức này và của gia đình ông ta cùng thuật lại việc xây cất vài ngôi đền dưới triều Vua Rudravarman).

3) BẢN THỨ BA

Tìm thấy ở làng Võ Cạnh hay đúng hơn ở ven làng Phó Vân hoặc Phú Vinh, tổng Xương Hà, huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa. Bản văn ghi trên một bia đá hoa cương kích thước mặt ngoài lối 1 thước 53 x 0 thước 72 x 0 thước 67, bề cao toàn diện hơn 2 thước 50, phần ghi chữ lối 1 thước 40, bề cao của chữ 0 thước 40, viết bằng Bắc Phạn (Sanskrit). Xưa kia, bia được dựng gần một ngôi tháp xây bằng gạch, dấu vết còn thấy đến năm 1901 mới tuyệt tích.

Toàn thể bản văn rất khó đọc, chỉ có 8 câu chót có thể hiểu từng đoạn, mục đích ghi lại cuộc xây dựng ngôi đền thờ của vị Quốc vương kế nghiệp Vua Cri Mara. Cổ nhân khắc chữ trên hai mặt bia, mỗi hàng viết từ mặt này sang mặt kia chứ không phải chữ trên mặt trước thuộc trang 1, chữ mặt sau thuộc trang 2 :

BẢN VĂN

« ...lòng trắc ẩn đối với muôn loài... trận chiến thắng thứ nhất... Ngày trăng tròn, Người tuyên bố trong buổi họp theo vị Quốc vương ưu tú của tất cả Quốc vương rằng : « Ta muốn (bá quan) uống giọt nước thánh của lời Nhà vua phán ! »

« Người... thuộc dòng Vua Cri Mara, người được danh dự cùng huyết thống với (Vua) Cri Mara đã tuyên bố giữa (buổi

hợp) những kẻ ấy, lời nói đầy hảo ý đối với muôn loài. Người là bậc ưu tú nhất của hai « Karin », khi ngự trên ngai vàng, Người xem xét tình trạng bất an của thế gian mà rằng : « Khi con Trầm và em Trầm cùng người nào khác được thỏa mãn ý muốn chiếm tài sản làm của riêng... những gì (tạo thành) kho tàng của Trầm, bạc, vàng, những vật hay dời đổi và bất động, tất cả món ấy, Trầm cúng hiến cho họ với niềm vui sướng và sự lợi ích (cho muôn loài). Đây là lệnh của Trầm ; Những vị Quốc vương sắp đến phải làm cho phù hợp ý Trầm. Cũng phải biết bày tôi của Trầm tên Vira... »

(Ý nghĩa về tình trạng bất an của thế gian, lòng trắc ẩn đối với muôn loài, sự hy sinh tài sản cho kẻ khác, tất cả những đặc tánh và vị Quốc vương kế nghiệp Vua Cri Mara biểu thị lòng rộng rãi của mình là một bản văn quá rõ rệt thuộc về Phật Giáo. Những Nhà vua theo Bà-la-môn thường cúng hiến vô số tài sản vào các đền thờ, không bao giờ nghĩ đến việc giúp đỡ mọi người bằng số tài sản thặng dư. Tinh thần của Đức Phật Acoka thể hiện trong bản văn này).

4) BẢN THỨ TƯ

Ghi trên phiến đá nham được ông R. Dalet tìm thấy trong một đồng đá ở gần miếu thờ ông Tà Dambang Dek thuộc xã Khvao, quận Prei Sandek, cách ngôi chùa Somavodei lối 200 thước, trong tỉnh Treang, nay gọi là Takeo.

Bản văn gồm 18 hàng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) chia làm 5 đoạn. Từ cuối hàng thứ bảy nhiều chữ bị lu mờ không thể đọc được.

Lời văn nói về việc lập một tu viện thờ Thần VISHNOU có một hồ nước và một tư thất do Hoàng hậu Kulaprabhavati, Chánh cung của Quốc vương Jayavarman coi sóc.

BẢN VĂN

Đoạn 1 : « Cho người nặng lòng suy tưởng yên giấc ngàn thu nơi lăng tẩm này là vùng Biển sữa, nằm trên giường đầy những rảnh Sesa uốn cong mình ; chúc người yên nghỉ nơi đây gồm ba thế giới trong lòng mình, người nằm đây có một đóa hoa sen mọc từ cuống rún, bảo vệ Hoàng hậu, Chánh cung của Quốc vương Cri Jayavarman ».

Đoạn 2 : « Húy danh là Kulaprabhavati, Hoàng hậu giúp gia đình Bà thịnh vượng nhờ đức hạnh của Bà. Bà được Quốc vương Jayavarman khen tặng như một giáo lý nhờ vào sự chiến thắng (những kẻ khác) của Ngài ».

Đoạn 3 : « ...nơi cư ngụ của tín đồ Bà-la-môn giáo tại thành Kurumba... đã dựng một tượng thần trang sức bằng vàng... với tâm tư trĩu nặng vì những kết quả không tốt của việc làm... dù có điều vui vẻ nhưng thiếu niềm hạnh phúc ».

Đoạn 4 : « Nổi danh trên Hoàn vũ như Hoàng hậu, như Chánh cung Saci của Quốc vương Sakra, Svaha của thần Lửa, Rudrami của Hara và Sri của Sripati, rất muốn được kết duyên với Quốc vương Sri... đã nhiều phen nhận xét sự bất nhứt của Nhà vua trên thế giới... »

Đoạn 5 : « Rất thân mật với Quốc vương Cri Jayavarman... đã nhận như là người bạn của Bà và hưởng nhiều hạnh phúc... đã ý thức rằng việc thụ hưởng điều lạc

thú chóng tàn như bột nước... (bà xây cất) một tu viện có hồ nước và một tư thất... »

(Bản văn này do ông U. N. Ghosal phiên dịch chữ Sanskrit ra Anh ngữ)

VI. TRIỀU ĐẠI PHÙ NAM

1) LIEOU-YE (?)-(?)

Nguồn gốc của Vương quốc Phù Nam được ghi trong quyển « Sử ký Tư-mã-Thiên » về đoạn Sứ giả Việt Thường nhờ xe chỉ nam của ông Châu Công đi về nước, ngang qua Phù Nam và Lâm Ấp có nói nước Phù Nam đang có một vị Nữ vương tên SAY-LIÊU trị vì. Ông Mã-đoàn-Lâm trong quyển « Văn hiến thông khảo » ghi rằng Phù Nam có một Nữ vương tên DIỆP-LIỂU mạnh mẽ, còn trẻ tuổi rất giống con trai, can đảm phi thường, nổi danh trong những cuộc chinh phạt các quốc gia láng giềng. Người Pháp phiên âm danh từ DIỆP LIỂU là LIEOU-YE hoặc YE-LE ¹¹ và cho rằng có nghĩa là « LÁ DỪA ». Người Tàu cho là « LÁ DƯƠNG LIỂU ».

Không ai biết được gì thêm về Triều đại này vì Lieou-Ye không biết chữ nên không để lại di tích nào và chưa có bang giao nước Trung Hoa nên người Tàu không nhắc trong sử của họ.

2) KAUNDINYA (?)-(?)

Sử liệu đầu tiên nói về Phù Nam là tập ký ức của K'ANG-TAI (Khang Thái) và TCHOU-YING (Châu Ứng), hai vị Sứ giả Trung Hoa giữa thế kỷ thứ 3 D.L. Bản chánh tập ký ức này đã mất nhưng nhiều đoạn còn rải rác trong các Niên giám và các tập « Bách khoa toàn thư », hợp với một bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) vào thế kỷ thứ 3 Dương

lịch chứng minh được lịch sử của quốc gia này vào hai thế kỷ trước.

Theo ông K'ANG-TAI (Khang Thái) thì vị Quốc vương Phù Nam thứ nhất tên KAUNDINYA ¹² phiên âm là HOUEN T'IENT hay HOUEN CHEN, người Việt dịch là HỔN ĐIỀN. Nhà vua là người ngoại quốc, có lẽ từ Ấn Độ, bán đảo Mã Lai hay về các đảo từ phía Nam, nơi đó, sử Trung Hoa chép rằng có một vương quốc tên là KIỂU (KIAO). Ngài rất tôn sùng các vị thần Bà-la-môn nên thần cảm động. Một hôm, Ngài nằm mơ thấy vị thần trong gia đình cho Ngài một cây cung và truyền lệnh Ngài xuất dương trên một chiếc thương thuyền lớn. Sáng hôm sau, Ngài vào đền thờ làm lễ và thấy cây cung ở dưới gốc cây, bèn dong buồm ra biển, gió thần đưa thuyền đến đất Phù Nam. Vị Nữ vương Lieou-Ye thấy người lạ liền xua quân cỡi thuyền nhẹ ra định đánh cướp bị Kaundinya bắn một phát tên thần xuyên qua thuyền đến tận chỗ Nữ chúa đứng, trúng một tên quân. Lieou-Ye hoảng sợ, xin đầu hàng và chịu kết duyên với vị Hoàng thân Ấn Độ, lập nên vương quốc Phù Nam. Ngài không bằng lòng thấy vợ trần truồng, lấy tấm vải xếp lại tròng từ trên cổ để che thân. Đoạn, Ngài cai trị lãnh thổ tự xưng là « Đại Hoàng đế nước Phù Nam » lấy theo vương hiệu RÂJÂDHIRÂJA của Ấn Độ. Ngài sanh một Hoàng tử và cấp cho 7 thành phố làm ấp phong.

Chắc chắn cốt truyện này là biến thể của một huyền thoại Ấn Độ nói về Vua Kaundinya và Công chúa SOMÂ, ái nữ của Vua Rắn bảy đầu. Truyện thần tiên này được khắc trên bia đá tìm thấy tại Mỹ Sơn đất Chiêm Thành, nay thuộc

tỉnh Phú Yên. Truyền chép rằng Vua Kaundinya lãnh một cây giáo do thần ACVATTHAMAN con của thần DRONA tặng. Ngài phóng xuống đất để chỉ nơi Ngài sẽ xây đế đô tương lai, rồi Ngài phối hôn với SOMÂ¹³, ái nữ của thần Rắn NAGA và sáng lập một vương triều, sanh một dòng Vua cai trị đất Phù Nam.

Ngoài việc dạy đàn bà mặc chăn thay vì để trần truồng, Vua Kaundinya đem văn hóa Ấn Độ, chữ viết và luật pháp truyền bá trong dân gian.

Đây là sự « Ấn Độ hóa » ở Phù Nam lần thứ nhất.

3) HOUEN-P'AN-HOUANG (?-217)

Sử ký nhà Lương (Leang 502-556) chép rằng một trong những người con của Vua Kaundinya là HOUEN-P'AN-HOUANG (Hỗn-Bàn-Huống), sanh năm 127 D.L. Ngài nối ngôi Vua cha, dùng mưu phân chia lãnh thổ làm nhiều chư hầu và gieo rắc sự nghi ngờ giữa các Lãnh chúa. Đoạn, Ngài cầm quân tấn công và dẹp hết tất cả vị này, giao cho con, cháu trấn đóng, gọi là Tiểu vương. Ngài thăng hà năm 90 tuổi, vào đầu thế kỷ thứ 3.

4) HOUEN-P'AN-P'AN (217-220)

Người con thứ tên HOUEN-P'AN-P'AN (Hỗn-Bàn-Bàn) nối ngôi theo cuộc bầu cử. Tân vương rất tôn sùng việc thờ cúng Thần Çiva. Ngài giao binh quyền cho một tướng lãnh tên CRI MÂRA, người Trung Hoa gọi là FAN-MAN (PHẠM MẬU) để nghỉ ngơi. Sau ba năm ở ngôi, Nhà vua thăng hà.

5) FAN-CHE-MAN (220-225)

Theo sử Nam triều nhà Tề (Ts'I 479-501) toàn danh của FAN-MAN là FAN-CHE-MAN (Phạm sử Mậu). Tướng Fan-Che-Man được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài là một tướng can đảm đầy mưu lược, nổi chí Tiên vương xua quân chinh phục lân bang trên lục địa và trên mặt biển khiến Ngài nổi tiếng lẫy lừng. Ngài bành trướng thế lực rộng lớn, người thời bấy giờ tôn Ngài là « Phù Nam Đại vương ». Ngài lập một hải cảng chi phối mặt biển, đóng nhiều chiến thuyền lớn và vượt khắp đại dương.

Sử ký nhà Lương (502-556) chép rằng : « *Ngài tấn công 10 vương quốc và kể tên 3 vương quốc, trong số này là K'IN-TOU-K OUEN có lẽ là miền Nam Trung Việt, KIEOU-TCHE và TIEN-SOUEN ở vùng Ligor (Mã Lai). Ngài mở mang bờ cõi rộng năm hay sáu ngàn lý (hơn 3000kms). Ngày nay, người ta khó tìm những vương quốc này, nhưng có thể đoán rằng các nước ấy thuộc vào những vùng thung lũng sông Mékong, phần đất ở biển hồ TONLÉSAP (Cao Miên) và vùng đồng bằng, ở phía Nam là một phần đất Mã Lai, phía Tây là miền dưới Miến Điện. Ngài cũng chiếm được phần lãnh thổ chạy dài từ khoảng sông Mékong – Đồng Nai đến vịnh Cam Ranh và Nha Trang, nơi mà sau này người ta tìm được bia đá ở Võ Cạnh mang tên CRI MÂRA ».*

Người Trung Hoa cho rằng Vua FAN-CHE-MAN bị bệnh và thăng hà năm 225 D.L. giữa lúc ông cầm binh chinh phạt một quốc gia tên KIN-LIN (Kim-Lân) « biên giới vàng ». Người ta cho đây địa danh ở SUVANNABHUMI « đất vàng » theo các bản văn viết bằng chữ Nam Phạn (PALI) hoặc ở

SUVARNAKUDYA « vách tường vàng » theo các bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) thuộc miền Nam Miến Điện hay bán đảo Mã Lai. Trước khi lâm chung, Ngài giao lại vàng cho Thái tử tên FAN-KIN-CHENG (Phạm-kim-Sanh) và truyền lệnh cho con tiếp tục cuộc hành quân.

6) FAN-KIN-CHENG (225)

Thái tử FAN-KIN-CHENG (Phạm-kim-Sanh) là người con trưởng, bị người anh bà con tên FAN-TCHAN (Phạm-Chiêu) ám sát. Phạm-Chiêu là con người chị cả của Quốc vương Phạm-Mậu tức là cô của Phạm-kim-Sanh. Ông có 2.000 thủ hạ và sai đến gạt Vua rồi hạ sát để đoạt ngôi.

Quốc vương Phạm-Mậu khi thăng hà có một người con còn bé tên FAN-TCH'ANG (Phạm-Trường) sống trong dân chúng nên khỏi bị hại.

7) FAN-TCHAN (225-245)

FAN-TCHAN (Phạm-Chiêu) lên ngôi. Ngài là một tướng lãnh nắm binh quyền trong nước. Triều đại của Ngài ở vào năm 225 đến 250 D.L. Để củng cố địa vị, năm 228 D.L., Ngài sai Sứ giả triều cống Vua Tàu, bấy giờ là Ngô-tôn-Quyền dưới thời Tam quốc phân tranh. Đây là lần đầu tiên, Phù Nam thông hiếu với Trung Hoa. Năm 229, Thử sử nhà Ngô ở Giao Châu (Việt Nam) là Lữ-Đại cử Sứ giả sang đáp lễ.

Trong quyển « **Tam-quốc-chí** » (SAN-KOUO-TCHE) của Trần-Thọ (TCH'EN-CHEOU) viết vào cuối thế kỷ thứ III, thuật lại những chuyện xảy ra từ năm 220 đến 280, có ghi ở

hồi 60 tiểu sử của ông Lữ-Đại (LU TAI) làm Thứ sử đất Quảng Đông và Giao Châu dưới triều đại thứ nhất của nhà Ngô (WOU) và thượng bán thế-kỷ thứ III như sau :

« ...Ngoài ra, Nhà vua phái các viên quan Tùg sự (TS'ONG CHE) đi khắp miền Nam lãnh thổ phổ biến nền văn minh bản quốc gọi là chiến dịch NAM TUYÊN QUỐC HÓA, và các vị Quốc vương ngoài biên cảnh như Phù Nam, Lâm Ấp và Đường Minh (T'ANG MING) đều có gởi phái đoàn Sứ giả đến dâng lễ cống ».

Quốc vương Fan-Tchan có tiếp một du khách tên KIA-SIANG-LI (Gia-tường-Lê) quê ở tiểu bang T'AN-YANG, người Tàu dịch là Đàm Dương, thuộc vùng phía Tây Ấn Độ, đến Phù Nam. Du khách tường thuật những chuyện lạ về đất Ấn dưới triều đại Murunda (người Tàu dịch là MEOU-LOUEN) như phong tục tập quán, việc thi hành luật pháp, sự giàu có, ruộng đất phì nhiêu. Ông nói rằng ai muốn vật gì cũng có và nhiều đại cường quốc thần phục quốc gia này từ nhiều thời đại.

Fan-Tchan hỏi : « Từ đây đến đó bao xa, phải đi mất bao lâu mới tới ? »

Kia-Siang-Li trả lời : « Nước Ấn Độ cách xa hơn 30.000 lý, đi và về phải mất ba năm hay bốn năm, đó là trung tâm điểm của Trời và Đất ».

Nhà vua mê say đến nỗi phái một người bà con tên SOU-WOU, người Tàu gọi là TÔ-VẬT, làm Sứ giả đi từ hải cảng T'EOU-KIU-LI (Đầu-Câu-Lợi) có lẽ là TAKKOLA ở bán đảo Mã Lai, theo một cái vịnh lớn thẳng hướng Tây Bắc, qua

hiều biển và nhiều quốc gia ngót một năm mới ngược dòng sông Hằng Hà dài 7.000 lý đến triều đình Vua VASUDEVA. Phái đoàn khởi hành vào năm 240. Vua Ấn rất ngạc nhiên khi thấy phái đoàn Sứ giả triều kiến. Ngài phán rằng : « Ở tận cùng bờ đại dương còn có người ở nữa hay sao ? »

Ngài truyền cho bá quan đưa Sứ giả du ngoạn khắp lãnh thổ và gởi tặng Vua Phù Nam 4 con ngựa Nguyệt thị (indoscythe), người Tàu dịch là YUE-TCHE và cho 2 viên quan mà một vị tên TCH'EN-SONG (Trần-Tổng) đi theo về Phù Nam để cảm ơn Nhà vua. Khi SOU-WOU trở về vào năm 245, tính ra cuộc du hành mất 4 năm.¹⁴

Theo sử ký Trung Hoa đời Tam quốc nhà Đông Ngô (222-265) thì năm 240, Vua Fan-Tchan có tiếp hai Sứ giả của Vua SUN-CHUAN (Tôn Quyền). Năm 243, Nhà vua gởi một phái đoàn đi Trung Hoa với lễ cống gồm có nhạc sĩ và thổ sản. Năm 244, một văn phòng thương mại Phù Nam thành lập gần thủ phủ Nam Kinh gọi là PHÙ NAM QUÁN (FOU-NAN-KOUAN)

Chính Ngài là tác giả bản văn khắc trên bia đá tìm thấy ở Võ Cạnh (Nha Trang), trong ấy Ngài cho rằng Ngài là một thân tộc trong gia đình CRI MÂRA (FAN-CHE-MAN) vì Ngài là con của em gái của vị Quốc vương này.

Bấy giờ lãnh thổ Phù Nam mở rộng đến bờ vịnh Bengale. Vua Phù Nam giao thương với Ấn Độ và Trung Hoa. Năm 225, Quốc vương FAN-TCHAN bị ám sát.

8) FAN-TCH'ANG (245)

Quốc vương FAN-TCHAN ở ngôi được 20 năm bị Thế tử FAN-TCH'ANG (Phạm-Trường) giết chết. Fan-Tch'ang là bào đệ của Thái tử FAN-KIN-CHENG (Phạm-kim-Sanh) đã bị Quốc vương hạ sát để cướp ngôi. Năm ấy, Thế tử Fan Tch'ang được 20 tuổi, ngài hô hào các dũng sĩ trong nước giúp Ngài trả thù. Ngài bắt Quốc vương, dùng dao mổ bụng và nói rằng : « Trước kia, chính mi giết anh ta, bây giờ nhân danh Vương huynh, ta trả mối thù này ».

Thế tử FAN TCH'ANG chưa kịp lên ngôi thì bị viên tướng soái tên ASSÂCHEY, người Tàu gọi là FAN-SIUN (Phạm-Tầm) giết và tự xưng làm Vua.

9) FAN-SIUN (245-287)

FAN-SIUN (Phạm-Tầm) là một Nhà vua hiếu hòa, chăm lo săn sóc con dân và giữ gìn uy tín bằng đường lối ngoại giao hơn là chiến tranh. Ngài xây nhiều vọng tháp, thành quách và thường đi dạo xung quanh. Buổi sáng và trưa, Ngài thiết triều ba hay bốn lần. Người ngoại quốc và thổ dân dâng tặng Ngài chuối, mía, rùa rùa, các loại chim. Vương quốc Phù Nam lúc bấy giờ bao gồm miền Nam Trung-Việt, miền Nam Việt Nam, lãnh thổ Cao Miên, miền Hạ Lào, một phần đất Thái Lan và bán đảo Malacca, giữ một vai trò quan trọng giữa các quốc gia trên đại dương. Trong bán đảo Mã Lai có 5 Nhà vua đều là chư hầu của Phù Nam mà một là TOUEN-SIUN (Đồn Tồn). Vua Fan Siun có liên lạc ngoại giao với nước P'I-K' IEN (Tì-Khiên) và Vua nước này gửi tặng bộ chén đĩa cho 50 người dùng toàn bằng vàng nguyên chất.

Vào khoảng năm 245 đến 250, Ngài tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa do hai ông K'ANG TAI (Khang Thái) chức Trung lang (Tchong lang) và TCHOU-YING (Châu Ứng) chức Tuyên hóa từng sự (Siuan houa ts'ong che) hướng dẫn. Sứ thần nhà Ngô (222-265) gặp Sứ giả của Vua VASUDEVA là TCH'EN SONG (Trần Tống) cùng ông SOU WOU (Tô-Vật) vừa trở về Phù Nam. Hai vị được nghe nhiều chuyện về nước Ấn Độ và Đông Nam Á, thấy những sự lạ ở Phù Nam nên khi về Trung Quốc, ông K'ang Tai soạn quyển « NGÔ THỜI NGOẠI QUỐC TRUYỆN », « KHANG THÁI PHÙ NAM TRUYỆN » và « PHÙ NAM THỔ TỤC » Ông TCHOU YING soạn quyển « PHÙ NAM NHÂN VẬT CHÍ » để thuật lại các điều mắt thấy tai nghe trong chuyến công du. Mấy tác phẩm này không còn nhưng nhiều đoạn được ghi vào sử Trung Hoa. Đây là những sử liệu đầu tiên về Vương quốc Phù Nam. Ông K'ang Tai thuật rằng :

« Vương quốc Phù Nam bề ngang rộng 3.000 lý, có nhiều đô thị, có tường cao bao quanh và bên trong có nhà ở. Nước da người dân màu đen, tóc quăn, xấu xí, sống khỏa thân, đi chân không và xăm mình. Đàn bà mặc cái chăn tròng từ cổ xuống chân, xỏ lỗ tai để đeo bông tròn ten. Nếp sống của họ rất đơn giản nhưng họ không trộm cắp. Họ làm nghề nông theo lối cổ, gieo giống một năm, gặt hái luôn ba năm. Họ thích điêu khắc và dùng đục chạm trổ rất khéo. Nhiều món đồ dùng để ăn cơm như chén, đĩa đều làm bằng bạc. Dân chúng đóng thuế bằng vàng bạc, trân châu và dầu thơm. Họ biết đọc sách và có văn khố. Văn tự của họ giống như nét chữ của dân Hồ (HOU), một sắc dân ở Trung Á châu

dùng Ấn tự. Cảnh vật trong xứ rất đẹp, nhưng dân chúng tỏ ra khiếm nhã. Thật là lạ lùng ! »

Ông K'ang Tai thuyết phục Vua Fan-Siun ra sắc luật bắt buộc đàn ông mặc quần áo và dân chúng lấy tấm vải quấn tròn xung quanh thân mình, gọi là Can-mạn (Kan-man) giống như cái sarong. Nhà vua truyền cho dân chúng mặc chần dắt mỗi sau lưng gọi là sampot. Người giàu may bằng lụa có thêu bông hoa, người nghèo may bằng vải. Lối kết tóc bắt đầu phát hiện từ ngày ấy. Người Phù Nam làm đồ trang sức rất đẹp như nhẫn nam mặt ngọc, chạm trổ vàng bạc, vòng cổ, chuỗi hạt. ¹⁵

Vua Fan-Siun ở ngôi rất lâu. Về mặt chánh trị, từ năm 270 đến 280, Ngải có gởi quân liên kết với Vua Phạm-Hùng nước Lâm Ấp (Chiêm Thành) tấn công vùng phía Nam nước Cửu Chân (Việt Nam) qua đèo Napé. Đối với Trung Hoa, mối giao hảo được cấu kết chặt chẽ nhờ các phái đoàn Sứ giả qua lại thường xuyên. Sử ký nhà Tấn (TSIN 265-420) ghi chép về những phái bộ trong năm 265, 268, 285, 286, 287 như sau :

- Năm thứ 4 triều THÁI THỈ (T'AI CHE 285) Vua Thế tổ Võ đế Tư mã Viêm (265-290), vương quốc Phù Nam và Lâm Ấp gởi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

- Năm thứ 6 triều THÁI KHƯƠNG (T'AI K'ANG 285) Vua Thái tổ Võ đế, mùa hạ, tháng 4, có 10 quốc gia trong ấy có vương quốc Phù Nam dâng lễ cống cây mía gọi là CHƯ GIÁ (TCHOU-TCHO) dài 3 gút mỗi trượng (tchang) và 100 đôi giày gọi là BẢO-HƯƠNG LÝ (PAO-HIANG-LU). Hình dáng lạ

lòng của đôi giày khiến Hoàng thượng chú ý đặc biệt và Ngài mỉm cười trước sự cầu tạo có vẻ thô kệch. Tuy nhiên, Ngài truyền cắt trong dãy kho ở ngoài để giữ đầy đủ sản phẩm của mỗi nước.

- Năm thứ 7 triều THÁI KHƯƠNG (286) có 21 quốc gia trong ấy có vương quốc Phù Nam và 11 nước trong ấy có nước MÃ HÀN (MA HAN) gởi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

- Năm thứ 8 triều THÁI KHƯƠNG (287) vương quốc Phù Nam và KHƯƠNG CỖ (K'ANG-KIN) ở phương Đông gởi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

Ba lần sau này (năm 285, 286 và 287) là kết quả của sự bành trướng về việc giao thương theo đường biển sau khi nhà Tấn dẹp ba nước Đông Ngô, Tây Thục, Bắc Ngụy thống nhất Trung Hoa vào năm 280. Vua nhà Tấn bấy giờ ¹⁶ cần mua những vật phẩm thượng hảo hạng của các quốc gia ở phía Nam.

Mặt khác, Vua Phù Nam liên lạc mật thiết với nước Lâm Ấp (Chiên Thành), mà về sau người ta có thể cho rằng nhà Vua đã thống trị lãnh thổ láng giềng này.

Từ năm 287 đến 357 không hiểu vì lẽ gì người Trung Hoa không ghi chép về Phù Nam suốt 70 năm.

10) TCHAN-T'AN (357-?)

Trước năm 357, không ai biết vì nguyên cớ nào Vương quốc Phù Nam lọt vào tay một nhà Vua lạ mặt. Đầu năm 357, Sử ký nhà TẤN và nhà LƯƠNG (Tsin-Leang 502-556) có ghi những cuộc tiếp xúc với phái đoàn Sứ giả Phù Nam

do nhà Vua CANDANA, người Tàu gọi là T'IENT-TCHOU TCHAN-T'AN phái đến. Sử chép :

« Năm Thăng Bình ¹⁷ (CHENG-P'ING 357) triều Vua Mục-Đế (MOU-TI) tháng giêng, THIÊN TRÚC CHIÊU ĐÀN (T'IENT-TCHOU TCHAN-T'AN) Quốc vương Phù Nam dâng lễ cống một bầy voi nhà, Hoàng đế ban chiếu rằng : Xưa kia, các đấng Tiên vương cho những con vật lạ lòng của các quốc gia ở xa xôi như là nguồn gốc của những điều tai hại cho dân chúng nên đã cấm chỉ. Bây giờ vật ấy chưa đến, ta có thể hoàn lại nguyên xứ ».

T'IENT-TCHOU là tiếng người Tàu gọi nước Ấn Độ. Tên T'IENT-TCHOU TCHAN-T'AN nghĩa là « người Ấn Độ tên TCHAN-T'AN ». Nhà chép sử miêu tả Nhà vua giống như một người Ấn TCHAN-T'AN là phiên âm chữ Hán của danh từ CHANDAN, tước Vương của các vị KUSHANA thuộc dòng KANISEHA mà Quốc vương Phù Nam có liên lạc mật thiết vào bán thế kỷ thứ 3. Một thuyết khác cho rằng tước Vương CHANDAN cũng được dùng trong giới KOU CHAN. Vào giữa thế kỷ thứ 4, người KOUCHAN thống trị vùng đất dọc theo bờ sông Hằng Hà đến gần thị trấn Bénarès bị Hoàng đế SAMUDRA-GUPTA đánh dẹp và trục xuất khỏi đất Ấn. Hoàng đế Samudra-Gupta ngự trị vào năm 357, được toàn thể miền Bắc Ấn từng phục. Có lẽ một số Hoàng thân KOUCHAN đã tị nạn ở Phù Nam và nhân một trường hợp nào đó chiếm được ngai vàng.

Dưới triều Vua Tchan-T'an có rất nhiều người Ấn di cư vì họa chiến tranh đánh dấu cuộc « Ấn Độ hóa » ở Phù Nam

lần thứ nhì. Người ta thấy cái mào hình ống và cái chần ngắn của dân Ba tư xuất hiện dưới thời này.

Sử Trung Hoa ghi rằng triều đại Tchan-T'an chỉ triều cống có một lần thôi.

11) KAUNDINYA (?)-(?)

Sau đó, Vương quốc Phù Nam suy tàn, đến hậu bán thế kỷ thứ 4, Sử ký nhà LƯƠNG (Leang 502-556) chép rằng nhà Vua kể vị TCHAN-T'AN là người Ấn thuộc giai cấp thượng lưu theo đạo Bà-la-môn tên là KIAO-TCH'EN-JOU, người Việt dịch là KIỀU-TRẦN NHƯ, chữ Phạn là KAUNDINYA, trùng tên với nhà Vua sáng lập nước Phù Nam. Ngài được Thần linh kêu gọi : « *Hãy sang cai trị đất Phù Nam* ».

Ngài rất hân hoan ngồi thuyền đến lãnh thổ P'AN P'AN và được dân Phù Nam tiếp đón nồng hậu, tôn Ngài lên ngôi. Một thuyết khác cho rằng Nhà vua là một nhân vật có tiếng tăm trong giới trí thức Ấn Độ nhân đi viếng xứ Bán-Bàn ¹⁸ (Mã Lai) gặp lúc nước Phù Nam không có Vua, người Phù Nam sang mời Ngài lên ngôi báu. Ngài xưng tên là CRUTAVARMAN, cưới một nàng Công chúa và sửa đổi tất cả luật lệ theo hệ thống cai trị của người Ấn, và tự cho mình là người binh vực Thánh ngữ VÉDA. Bấy giờ đạo Bà-la-môn phái thờ Thần Çiva mới được dân chúng tôn sùng nhưng đạo Phật phái Đại thừa vẫn thu hút nhiều tín đồ. Nhà vua mời nhiều tu sĩ Bà-la-môn ở Ấn Độ sang truyền bá mỗi đạo và tặng nhiều quyền lợi, chức tước. Ngài cho dạy chữ Ấn PRÉ-PALLAVA và lấy kỷ nguyên ÇAKA để tính ngày, tháng (Kỷ

nguyên CAKA sau D.L. 78 năm). Sau khi Ngài thắng hà, người con trưởng nối ngôi.

12) CRI-INDRAVARMAN (424 ?-438 ?)

Thái tử nối ngôi tên CRI-INDRAVARMAN hay CRESTHAVARMAN, người Tàu gọi là TCH'E-LI-T'O.PA-MO (TRÌ LÊ ĐÀ BẠT MA) có sai Sứ sang Trung Hoa dưới đời Vua Văn-đế (WEN TI) nhà Tống (SONG 424-454) đệ trình một lá sớ và tặng nhiều phẩm vật sản xuất trong nước.

TỔNG THƯ (SONG CHOU) hay Sử ký nhà Tiền Tống (420-478) do ông TRẦN ƯỚC (CHEN YO) soạn có ghi :

- Năm thứ 11 triều NGUYÊN HẠ (YUAN-KIA 434) Vua Văn-Đế (424-454), các quốc gia Lâm Ấp, Phù-Nam và Holotan gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

- Năm thứ 12 triều Nguyên hạ (435), tháng 7 ngày Ất-Dậu (YI-YEOU) Vương quốc XÀ BÀ TA ĐẠT (CHÔ P'O SO TA) và Phù Nam gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

- Năm thứ 15 triều Nguyên hạ (438) vương quốc Cao Ly, Nhật Bản, Phù Nam gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

Trong đoạn nói về giồng rợ ở phương Nam, Sử chép :
« Dưới triều Nguyên hạ, năm thứ 11 (434), năm thứ 12 (435) và năm thứ 15 (438), Quốc vương Trì-Lê Đà-Bạt-Ma (TCHE-LI-T'O-PA-MO) gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống ».

Trong đoạn nói về xứ Lâm Ấp, Sử ghi : « *Nước Lâm Ấp muốn tấn công nước Giao Châu (KIAO-TCHEOU) và mượn quân Phù Nam. Vua Phù Nam không bằng lòng* ».

13) KAUNDINYA-JAYAVARMAN (470?-514)

Mười năm sau, **Sử ký NAM TRIỀU nhà TỀ** (T'SI 479-501) dưới triều Vua VỖ-ĐẾ (WOU-TI) (483-494) do ông TÚ-TỬ-HIỂN (SIAO-TSEN-HIEN) biên soạn vào đầu thế kỷ thứ 6, lần đầu tiên nhắc đến Vương quốc Phù Nam, về Nhà vua KIỂU-TRẦN NHƯ XÀ-DA BẠT-MA (KIAO-TCH'EN-JOU CHÔ-YE-PA-MO), phiên dịch tên KAUNDI-NYA-JAYAVARMAN. Ngài tức vị năm nào không thấy nói. Có thuyết cho rằng Ngài trị vì khoảng năm 470 và 514. Ngài được coi là Nhà vua mạnh nhất trong những năm cuối thế kỷ thứ 5. Ngài tôn thờ đạo Phật mặc dầu đạo Bà-la-môn, phái thờ thần ÇIVA vẫn còn nhiều ảnh hưởng ở Phù Nam với tục lệ thờ vị Thần MAHECVARA (MA-HÊ-THÙ-LA) mà uy linh ngự trị trên đỉnh núi MO-TAN (MA-ĐAM) hiện giờ gọi là Baphnom. Tất cả chư hầu đều được hưởng ơn vũ lộ của Ngài và toàn thể dân chúng sống trong cảnh thái bình vì Đức Quan-thế-Âm, theo Phật giáo ngành Đại thừa, đã che chở và phù hộ cho Vương quốc.

Ngài phái nhiều thương gia sang buôn bán ở Quảng Châu (KOUANG-TCHÉOU) thuộc tỉnh Quảng Đông (KOUANG-TONG). Trên đường về xứ có vị Thiền sư Ấn Độ tên SĨ-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN (CAKYA NAGASENA) tháp tùng. Thuyền họ bị gió cuốn vào xứ Lâm Ấp (Chiêm Thành) và bị thổ dân cướp sạch hàng hóa ¹⁹. Vị Thiền sư trở về đế-đô

Phù Nam bằng đường bộ, tâu trình Quốc vương rằng :
« Suốt dãy giang sơn Trung Quốc có một vị Thánh vương
vâng lệnh Thượng đế trị vì thiên hạ ».

Năm VĨNH MINH (YONG-MING 484) thứ 2 triều Vua Võ-
Đế nhà Tề (483-494), Quốc vương KAUNDINYA-
JAYAVARMAN phái Thiền sư sang Trung Hoa dâng cống
nhiều phẩm vật và xin Vua Võ-Đế giúp quân tiếp viện để
chống lại nước Lâm Ấp. Trong lá sớ Quốc vương viết như
vầy :

*« Vua nước Phù Nam KAUNDINYA-JAYAVARMAN, kẻ tôi
thần của Bệ hạ dập đầu xuống đất tâu rằng : « Ôn đức siêu
tuyệt của Bệ hạ giáo hóa muôn dân với tấm lòng ưu ái to
rộng bao trùm cả uy lực phi phạm ; bốn mùa tám tiết nhịp
nhàn nối tiếp nhau. Thần quì xuống kính chúc Thánh thể Bệ
hạ tràn đầy mãnh lực trong mọi cử động, cầu chúc Bệ hạ
hưởng muôn điều hạnh phúc, cầu mong tất cả cung phi ở
Lục viện đều xinh đẹp ; tất cả quần thần trong Triều và
ngoài Phủ, Quận đều cúc cung tận tụy phò tá Vương quyền,
tất cả dân chúng các nước láng giềng và mười ngàn lãnh thổ
đều một lòng qui phục, ngũ cốc phong đăng, lời ngoa ngôn
không bao giờ có, loạn lạc không nảy sanh, toàn dân ấm
no, thịnh vượng, đất nước thanh bình ».*

*« Thần hạ và con dân sống tại lãnh thổ trong cảnh sung
túc yên vui, bốn mùa nhịp nhàn nối tiếp, nhà tu hành và kẻ
ngoại đạo rất nhiều, ấy là nhờ ảnh hưởng tốt đẹp của sự
khai hóa của Bệ hạ ban bố cho mọi người được sung sướng.*

« Trước đây, Thần hạ có phái một đoàn Sứ giả dân cống vật phẩm và trao đổi hàng hóa ở Quảng Châu. Vị Thiền sư SĨ-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN (CAKYA NAGASENA) người Ấn Độ bấy giờ đang ở Quảng Đông tháp tùng theo thương thuyền của Thần hạ để đến Phù Nam. Giữa biển khơi, gió cuốn thuyền trôi dạt vào nước Lâm Ấp. Nhà vua nước này chiếm đoạt hàng hóa của Thần hạ, cả đến hành lý của Thiền sư. Nhà tu hành tường thuật với Thần hạ tất cả sự việc xảy ra từ khi rời đất Trung Hoa đến lúc vào đế đô Phù Nam. Ngẩng mặt lên trời, Thiền sư tuần tự kể rằng Bệ hạ là một Thánh vương đức độ cao cả, trị vì thiên hạ với lòng nhân từ ; Bệ hạ hằng lưu tâm đến sự sửa đổi phong tục, tập quán. Trong xứ, đạo Phật được bành trướng sâu rộng, tu sĩ rất nhiều, luật lệ được mọi người tôn trọng, quốc gia cường thịnh, vị Lãnh đạo có lòng từ bi đối với thần dân và trong tám phương, sáu hướng không có người nào không phục tùng. Mỗi khi nghe Bệ hạ truyền phán thì không có cõi trời nào, dù là cõi PARAMIRMITAVACA-VARTIN cũng không sánh kịp.

« Thần hạ nghe vậy, lòng rộn lên vì sung sướng như được Bệ hạ cho phép ngắm đôi bàn chân cao quý của Bệ hạ. Ngẩng mặt lên cao, Thần hạ ngưỡng mộ nghĩa cử từ bi của Bệ hạ rải khắp các tiểu quốc lân bang như nguồn hạnh phúc rơi từ trên trời đến tận tay dân chúng. Người người đều nhận được ân huệ của Bệ hạ.

« Thế nên, Thần hạ phái Thiền sư SĨ-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN làm Sứ giả đệ trình Bệ hạ lá sớ này, kính dâng chút ít lễ cống, tỏ tấc lòng thành và trình bày cảm tưởng của Thần hạ. Lễ vật của Thần hạ quá nhỏ nhen, ít ỏi khiến Thần hạ

thẹn thù không xiết. Thần hạ phủ phục trước ngai vàng, ngưỡng mong Thánh thượng rộng lòng không lưu ý đến và nhận tặc lòng thành thật của Thần hạ mà không quở trách.

« Thần hạ có một kẻ tội tở tên CƯU-THÙ-LA (KIEOU-TCH'EOU-LO) ²⁰ lén trốn ở nơi khác, qui tự bọn phiến loạn đánh nước Lâm Ấp và tự xưng làm Vua. Hắn không tỏ vẻ kính trọng Thần hạ, hắn không bao giờ làm một việc phải và vi phạm những nguyên tắc về luật pháp. Tội ác của hắn chống lại người chủ cũ đến Trời cũng không chịu nổi.

« Phủ phục trước ngai vàng, Thần hạ nghĩ rằng trước kia nước Lâm Ấp bị Tướng ĐÀN-HÒA-CHI (T'AN-HO-TCHE-) ²¹ đánh dẹp và từ lâu chịu mệnh Thiên triều, nhờ Bệ hạ che chở. Trong khắp bốn mặt đại dương, thiên hạ đều từng phục oai trời. Nhưng ngày nay, tên CƯU-THÙ-LA là kẻ tội đòi bất chính dám làm tất cả việc tồi tệ. Hơn nữa, nước Lâm Ấp và Phù Nam cùng chung một ranh giới và chính hắn là tay thủ hạ của Thần mà lại dám làm phản, thì đối với Bệ hạ ở quá xa, hắn nào có kính trọng gì ? Lãnh thổ ấy vốn là Chư hầu của bệ hạ nên Thần mới kính cẩn trình bày những điều quan sát như trên.

« Thần hạ được biết hiện thời nước Lâm Ấp không gửi phái đoàn Sứ giả và dâng lễ cống. Tên soán ngôi kia có ý tách khỏi Triều đình của Bệ hạ vĩnh viễn. Ta có thể nào dùng chỗ ngôi của con sư tử để cho một con chuột lớn bao giờ.

« Thần hạ phủ phục, ngưỡng mong Bệ hạ cử binh sang dẹp tên phiến loạn xấu xa ấy. Thần hạ sẽ chứng tỏ lòng

trung thành bằng cách phối hợp lực lượng vào cuộc thanh trừng ngỗ hầu những Vương quốc ở dọc theo bờ biển đồng qui phục Bệ hạ. Nếu Bệ hạ muốn chỉ định người nào làm Vua nước ấy, Thần hạ sẽ kính vâng Thánh ý. Trong trường hợp Bệ hạ không muốn cử binh chinh phục Lâm Ấp, Thần hạ ngưỡng mong Bệ hạ truyền lệnh bằng một chiếu chỉ riêng biệt cho một toán quân nhỏ giúp Thần hạ tiêu trừ tên sát nhân bỉ ổi kia để trừng phạt kẻ xấu xa và hướng theo chính nghĩa.

« Khi hòa bình trở lại, Thần hạ sẽ dâng số tấu với năm BÀ-LÀ (P'O-LO) vàng. Hiện giờ, nếu Bệ hạ chấp thuận lời thỉnh cầu của Thần hạ theo lá số đây đủ chi tiết trung thực này, Thần hạ kính trình Bệ hạ Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN và đoàn tùy tùng sẽ tâu rõ ràng những chi tiết cần thiết.

« Phủ phục trước ngai vàng, Thần hạ ước mong Bệ hạ rủ lòng thương xót Thần hạ. Trong dịp này, Thần hạ kính dâng Bệ hạ một tượng bằng vàng chạm trở hình ngai Vua Rồng (Long vương), một con voi bằng gỗ bạch đàn, hai xấp vải, hai cái « Sou-Li » (một loại ly, cốc) bằng thủy tinh và một cái mâm trầu cau bằng đôi mồi ».

« Vua Võ-đế nhà Tề nhận phẩm vật, ngỏ lời cảm ơn Quốc vương JAYAVARMAN nhưng từ chối không gởi quân đánh Lâm Ấp.

« Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN tâu rằng : « Dân Phù Nam tôn thờ Thần MAHECVARA (MA HÊ THÙ LA THIÊN THẦN), vị thần thường hiện xuống núi MO TAN (MA ĐAM). Khí hậu trong nước luôn luôn ẩm, cây cỏ không bao giờ khô héo ».

Thiền sư đệ trình một bản văn như sau :

« Thần MAHECVARA ban bố hạnh phúc khắp thế giới và gây ảnh hưởng tốt đẹp cho người đời nhờ sự truyền bá đạo giáo rất sâu rộng. Ngọn núi thánh tên là MO TAN (MA ĐAM) có các loài cây trái mọc nhiều vô số. Thần chọn nơi này để biểu hiện uy linh. Tất cả Vua Chúa nhận được ân huệ của Ngài và toàn thể dân chúng sống yên vui. Đó là do ân đức của Ngài tỏa rộng khắp các tín đồ trung thành thờ phụng Ngài.

« Đức Bồ tát (BODHISATTA) thể hiện lòng từ bi. Tuy là dòng dõi bình dân, nhưng khi Ngài biểu hiện được chính giác, Ngài đã tự hướng tới đạo quả vô thượng, nơi mà Đại thừa và Tiểu thừa chưa đạt tới. Trong những kiếp liên tục, Ngài thu thập nhiều điều thiện và trong lục đại duyên khởi, Ngài đã thực thi lòng từ bi, trắc ẩn và hăng hái vượt khỏi vòng kiếp ba. Bạc vàng châu báu, kể cả bản thân, Ngài đã bố thí hết. Ngài cũng chẳng ưa sống ghét chết. Trong lục đạo, Ngài đã cải tâm người nào có mang nặng nghiệp vào thân và Ngài đã đi trọn vòng thập giới. Khi đạo quả và đạo hạnh của Ngài đạt tới chính giác, nơi mà vạn phước, tri thức và hòa điệu tuyệt diệu vĩnh cửu, ánh hào quang từ bi của Ngài đã soi sáng cõi hồng trần. Chúng sinh được thấm nhuần ơn huệ của Ngài và đôi khi thụ được đạo pháp. Ảnh hưởng phổ độ chúng sinh của Đức Phật minh mông sáu cõi, chúng sinh nào mà chẳng được ban ơn.

« Bệ hạ cũng tôn trọng Đại đạo và nghiêng mình trước Tam Bảo vì Ngài nhận thấy trong muôn vàn cảnh ngộ, ơn huệ Phật giáo đã lay động tám hướng mười phương. Trong

Vương quốc cũng như các đô thị, ánh hào quang của đấng Từ bi đã thuần lương hóa phong tục giống như Đức CAKRA DEVENDRA chế ngự tất cả chư Thần DEVAS. ²²

« Bệ hạ là đấng chí tôn sống hòa hợp với tất cả thần dân, bốn biển đều tỏ lòng quy phục. Ơn vũ lộ chảy tràn không bờ bến, ngập sâu Vương quốc nhỏ bé của kẻ thần phục Bệ hạ ».

« Hoàng đế Trung Hoa đáp rằng : « Đúng là Thần « Ma-hê-Thù-la », hiển linh uy lực và ban phước cho lãnh thổ ấy. Mặc dầu đó là những tập quán xa xôi, những phong tục khác lạ, Trẫm cũng lấy làm hoan hỉ vô cùng. Được biết tên CƯU-THÙ-LA (Kieou-Tch'eu-Lo) nổi loạn tại Phù Nam và chiếm đoạt nước Lâm Ấp, tụ tập bọn bất lương cướp bóc lương dân, nhất định Trẫm phải trị tội nó. Dù nước ấy ở quá xa Thiên triều, nhưng trước kia vẫn nạp lễ cống theo phận Chư hầu. Từ đời nhà Tống (SONG) đã có nhiều điều khó khăn chiếu theo những lá sớ của các quốc gia dọc theo bờ biển thì sự giao thông với Thiên triều bị gián đoạn. Ánh sáng văn minh của Hoàng triều đối với họ là một điều mới lạ, những thói quen cũ kỹ vẫn còn duy trì. Trẫm chỉ dùng văn hóa và ân đức cảm hóa các nước xa xôi, không muốn dùng võ lực. Vì lẽ Vua Phù Nam đến với Trẫm bằng tấm lòng trung thành và xin Trẫm giúp quân, Trẫm giao lá sớ cho vị Pháp quan để tùy theo tình hình thuận tiện mà trị kẻ phiến loạn và đối đãi êm dịu với kẻ chịu phục tùng, đó là luật lệ chánh yếu của Trẫm ».

« Hoàng đế Trung Hoa thường nhờ Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN làm thông ngôn giúp các Sứ giả ở quốc gia ngoài biên cảnh. Thiên sư biết rõ ràng chỗ mạnh và chỗ yếu của nước Trung Hoa, và được chỉ định giải thích từng chi tiết lời Nhà vua phán.

« Vua nhà Tề ban thưởng Vua Phù Nam nhiều xấp lụa nền đỏ thạch lựu và tím có thêu hình màu vàng, xanh da trời và xanh lá cây, mỗi loại năm xấp ».

Truyện này do Sử ký Nam Triều nhà Tề (479-501) chép lại kèm một bài tường thuật về Vương quốc Phù Nam dưới thời Vua KAUNDINYA-JAYAVARMAN như sau :

« Dân Phù Nam khôn quỉ, mưu lược, nhưng tốt bụng và thật thà, chuyên nghề buôn bán, thường đi đánh phá, cướp bóc dân chúng các thị trấn láng giềng nào không tôn trọng mình, bắt kẻ bại trận làm nô lệ. Họ rất giỏi về chiến tranh, khí giới thông dụng gồm : kiếm, lao, cung, nỏ, khiên ; chiến sĩ mặc áo giáp bằng da thú. Hàng hóa bán thường ngày là vàng, bạc, lụa, hàng. Con trai nhà phú hộ cắt hàng làm chăn (sarong) để mặc, đàn bà trùm một mảnh vải từ trên cổ trở xuống. Người nghèo mặc chăn bằng vải. Người dân đúc nhẫn và vòng tay bằng vàng, chén đĩa bằng bạc. Họ đồn cây để cất nhà ở. Nhà vua ngự trong cung có lầu, nền xây bằng đá, xung quanh nhà dân chúng có hàng rào gỗ. Dọc theo bờ biển có một loại tre lớn, lá dài từ 8 đến 9 chân²³. Người ta kết lá này để lợp nhà. Dân chúng cũng ở trong những nhà sàn cao, trên mặt nước, xung quanh có vòng thành bằng đất, cạnh những hào sâu chứa đầy cá sấu.

Ở giữa có một hệ thống kinh rạch như bàn cờ, hai bên bờ là nhà gỗ cao chân lợp lá. Họ đóng những chiếc ghe bề dài từ 8 đến 9 trượng (TCHANG) mỗi trượng bằng 10 chân, bề ngang từ 6 đến 7 chân. Mũi ghe và lái có hình đầu và đuôi cá. Khi Nhà vua du hành thì cỡi voi. Dân chúng trải vải ra đường để voi đi lên. Đoàn hộ tống có lính hầu, lính cầm lọng che, lính đánh trống, thổi tù và. Đàn bà cũng cỡi voi. Để tiêu khiển, họ đá gà, cho heo cắn lộn, và đánh vật với nhau. Trong xứ không có nhà tù. Mỗi khi có chuyện kiện thưa họ dùng phép thần đoán (ordalie) bằng cách quăng nhẫn và trứng gà vào nước sôi để kẻ bị cáo thò tay vào lấy ra. Hoặc họ nướng một sợi dây sắt thật đỏ cho bị cáo cầm trên tay đi bảy bước. Người vô tội không bị phỏng tay, kẻ gian bị tróc hết lớp da (hỏa thức thần đoán), hoặc họ bắt bị cáo nhận xuống nước, người vô tội chìm xuống rồi nổi lên, kẻ gian thì chìm luôn (thủy thức thần đoán). Người có tội nặng bị xử một cách bạo ngược như chặt tay, chém đầu hay bán làm nô lệ ».

Sử ký nhà Lương (502-556) về sau chép rằng :

« Nơi dân chúng ở không có đào giếng. Mỗi chục gia đình dùng chung một hồ chứa nước. Tập tục của họ là tôn thờ các vị thần trên trời mà họ đúc hình tượng bằng đồng hai mặt, bốn tay, hình bốn mặt thì tám tay, mỗi tay cầm một món đồ vật như một đứa trẻ, một con chim, một con thú bốn chân, hoặc hình mặt trời, mặt trăng. Nhà vua du hành và hồi cung bằng voi, cả đến các bà Cung phi và Thị vệ cũng cỡi voi. Khi lâm triều, Nhà vua mặc áo dài có thắt lưng vàng, đeo chuỗi ngọc, đội mũ cao, đeo kiếm vàng.

Triều đình họp ngay trên lầu. Nhà vua ngồi trên ngai chạm rồng kê trên cao, chân mặt dựng lên, chân trái thòng xuống. Người ta trải một mảnh vải trước ngai, trên để những bình vàng là lư hương là uy hiệu của Nhà vua. Buổi sáng và trưa, Ngài thiết triều ba hay bốn lần. Khi có tang, họ cạo đầu, cạo râu, mặc đồ trắng. Đối với người chết có bốn lối chôn : thủy táng : quăng xác dưới sông, hỏa táng : đốt ra tro, thổ táng : chôn dưới đất, điều táng : bỏ xác ngoài đồng cho chim ăn ».

Sau này nhờ các nhà khảo cổ tìm được những di tích dưới lòng đất chứng minh dân Phù Nam thạo nghề đánh cá, nghề trồng tía và chăn nuôi, họ nuôi voi, bò, cừu, heo, trồng lúa gieo một lần gặt ba năm, rau, đậu, mía, bông vải, trà và dâu nuôi tằm. Về ngành kỹ nghệ kim loại, họ biết chế kim khí : sắt, đồng, chì, kẽm vàng bạc (tìm thấy ở Ốc Eo). Núi MOSO có mỏ sắt là nơi cung cấp sắt cho họ. Nghề làm đồ gốm, nghề dệt, nghề nhuộm hàng vải bằng thảo mộc, nghề làm đường mía ép bằng hai thớt đá rất thanh vượng. Ngành nông nghiệp cũng phát triển mạnh. Các vị Quốc vương sóc chăm đến việc kiến trúc và gìn giữ những hồ chứa nước và kinh đào đem nước vào ruộng. Chính các Ngài đã biến đổi vùng bùn lầy ở miền Nam thành vườn ruộng phì nhiêu bằng cách đào hơn 200 cây số kinh để nước ứ đọng thoát ra biển. Ngành điêu khắc bành trướng không kém, hiện thời còn vài di tích như tượng thần VISHNOU 8 tay bằng đá hay bằng gỗ, những vị thần Bà-la-môn như VISHNOU, ÇIVA, INDRA. Họ thạo đường thủy, thường ngồi thuyền đi buôn bán xa. Người ngoại quốc tới lui trao đổi

hàng hóa như Ấn Độ, Trung Hoa, Ba Tư, La Mã, theo các con sông, rạch vào Óc Eo, Thị trấn trăm đường và thành Angkor Borei. Họ đã có dùng tiền bằng vàng, bằng bạc, khắc hình các giống vật, hình mặt trời hay con ốc và tạc lệ cắt tiền để có đơn vị nhỏ hơn.

Năm Thiên Giám thứ 2 (T'IENT KIEN 503) triều Vua Võ-Đế (502-550), Vua Jayavarman phái Sứ giả sang Trung Hoa. Bấy giờ nhà Tề bị nhà Lương (502-556), lật đổ. Vị Hoàng đế là Lương-Võ Đế tiếp nhận tặng phẩm : một tượng Phật bằng san hô và nhiều sản phẩm nội hóa. Hoàng đế Tào là người sùng đạo Thích đã xây cất ngót trăm ngôi chùa khắp lãnh thổ.

Dạo ấy, Phù Nam ở vào thời cực thịnh, được Trung Hoa chú ý và nể vì. Nhân cuộc tiếp đón phái đoàn Sứ giả này, Vua Lương Võ-Đế ban chiếu :

*« Vua nước Phù Nam KAUNDINYA JAYAVARMAN ngự trị trên bờ đại dương. Từ thế kỷ trước đến thế hệ sau, Nhà vua và dòng dõi thống trị các quốc gia xa xôi ở phương Nam. Lòng trung thành của Nhà vua lan rộng đến nơi xa bằng những phái bộ Sứ giả tới lui liên tiếp, cùng phẩm vật dâng tặng cần tỏ tình hồ tương bằng cách ban ơn cho Nhà vua và phong một chức vị vinh quang : AN NAM TƯỚNG QUÂN, PHÙ NAM VƯƠNG ».*²⁴

Năm 506, Lương Võ-Đế yêu cầu Vua Phù Nam phái hai nhà Sư tên MANDRASENA và SANGHAPALA (hoặc là tên SANGHAVARMAN), gốc người Phù Nam sang Trung Hoa dịch kinh Phật bằng Phạn ngữ và văn tự Phù Nam ra Hoa ngữ.

Tên Thiền sư SANGHAPALA dịch ra Hoa ngữ là SENG-KIA-P' O-LO (Tăng già bà la). Sự tích của Thiền sư được ông CHUNG KHẢI (TCHONG-K'AI) hay ông TĂNG DŨƠNG (SENG-YANG) ghi rằng :

« Sư sanh vào năm 460, đệ tử của Đại đức GUNABHADRA, đến Trung Hoa bằng thuyền dưới triều nhà Tề (479-501). Sư biết nhiều thứ tiếng. Khi đến thủ đô Trung Quốc thì nhà Lương (502-556) đã dẹp nhà Tề. Năm 506, Lương Võ-Đế yêu cầu Sư dịch kinh Phật suốt 16 năm ở 5 địa điểm mà một nơi tên là PHÙ-NAM QUÁN (FOU-NAN-KOUAN). Sư tịch vào năm 524 hưởng dương (theo người Tàu tính tuổi) 65 tuổi ».

Tên Thiền sư MANDRASENA dịch ra Hoa ngữ là MAN T' O-LO-SIEN (Mạn đà la tiên). Sư còn có tên là MANDRA (MAN-T' O-LO, Mạn đà la). Sư đến đế đô nhà Lương vào năm 503 và vâng lệnh Vua Võ-Đế hợp tác với sư Sanghapala dịch kinh Phật.

Năm 509, vị tu sĩ Ấn Độ tên BODHIBHADRA đến Phù Nam để sang Trung Hoa yết kiến Vua Lương Võ-Đế.

Năm 512 và 514, Vua KAUNDINYA JAYAVARMAN vị Đại đế Vương quốc Phù Nam có phái Sứ bộ sang Trung Hoa, và thăng hà cùng trong năm 514. Sử ký nhà Lương ghi :

« Năm Thiên Giám thứ hai (T' IEN KIEN 503) mùa thu, tháng 7, các quốc gia Phù Nam, KOU TCHA và Trung Ấn Độ gởi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng cống phẩm vật trong xứ. Năm Thiên Giám thứ 10 (511) và thứ 13 (514) tháng 8, ngày Quý Mão (KOU EI-MAO), các quốc gia Phù

Nam, KHO TEN gởi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng cống phẩm vật trong xứ ».

Không có bia đá nào ghi chép về triều đại của Nhà vua, chỉ có hai bia đá khắc chữ Bắc Phạn (Sanskrit) của Hoàng hậu tên KULAPRABHĀVATI và Thái tử GUNAVARMAN viết theo lối chữ thông dụng vào hạ bán thế kỷ thứ 5.

Trên một bia đá tìm thấy ở Cao Miên trong vùng phía Nam tỉnh Takeo, Hoàng hậu KULAPRABHĀVATI muốn thoát tục, thuật lại việc xây cất cái am nhỏ và đào cái ao để ở ẩn. Thi tiết trong lời dẫn đầu của bản văn được thảo theo ý của phái thờ Thần VISHNOU.

Trên khối đá xây tường trụ cửa của một ngôi nhà mát cắt dọc theo đường ở Tháp Mười (miền Nam Việt Nam ngày nay), Thái tử GUNAVARMAN, con trưởng Nhà vua được gọi là « mặt trăng của dòng dõi KAUNDINYA » ra lệnh khắc một bản văn bằng lối chữ xưa ghi lại cuộc xây cất một ngôi đền trên « vùng đất bùn lầy » do Thái tử « dù còn nhỏ tuổi » chỉ huy. Trong đền có dấu chân của Thần VISHNOU gọi là CHAKRATIRTHASVAMIN.

14) RUDRAVARMAN (514-550)

RUDRAVARMAN, người Tàu gọi là LƯU ĐÀ BẠT MA (LIEOU-T'O-PA-MO), nối ngôi Vua KAUNDINYA-JAYAVARMAN vào năm 514. theo Sử ký nhà Lương là kẻ soán ngôi. Ngài là con của một Cung phi đã ám sát Thái tử GUNAVARMAN. Thái tử tuy là con dòng chánh nhưng nhỏ tuổi hơn Ngài.

Năm Thiên Giám thứ 16 (T'IENT-KIEN 517), Vua RUDRAVARMAN phái một đoàn Sứ giả do vị tu sĩ Bà-la-môn tên TRÚC-ĐƯỜNG BẢO-LÃO (TCHOU TANG PAO LAO) hướng dẫn sang Nam Kinh dâng Hoàng đế nhà Lương một lá sớ và lễ cống.

Năm Thiên Giám thứ 18 (519), Ngài phái một đoàn Sứ giả dâng một tượng Phật bằng gỗ bạch đàn ở Ấn Độ và nhiều lá cây bồ đề (bà la, p'ó lo) nơi Đức Phật tịch diệt, nhiều viên ngọc houo-ts'í (?), củ nghệ, tô hạp hương và các loại dầu thơm.

Sau đó, Quốc vương cử nhiều phái bộ vào những năm 519, 520, 530, 535, và 539.

Sử Trung Hoa ghi rằng :

« Năm Thiên Giám thứ 16 (T'IENT KIEN 517), tháng 8, Vương quốc Phù Nam và Bà Lợi (P'O-LI) gửi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

« Năm PHỔ THÔNG (P'OU-TONG) thứ nhất (520), tháng giêng, ngày Canh Tý (KENG TSEU), Vương quốc Phù Nam và Cao Ly (KAO-LI) phái Sứ giả dâng lễ cống.

« Năm TRUNG ĐẠI THÔNG (TCHONG TA T'ONG) thứ hai (530), tháng 6, ngày Nhâm Thân (JEN CHEN), Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng lễ cống.

« Năm ĐẠI ĐỒNG (TA T'ONG) thứ nhất (535), tháng 7, ngày Tân Mão « SIN-MAO », Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng lễ cống.

« Năm Đại Đồng thứ 5 (539) tháng 8, ngày Ất Dậu (YI-YEOU) Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng một con u tây còn sống và nhiều phẩm vật nội hóa ».

Nhân dịp này, Quốc vương RUDRAVARMAN có trình với Vua Tàu rằng Ngài có một sợi tóc của Đức Thích Ca dài một trượng hai chân. Vị Hoàng đế nhà Lương bèn truyền Thiền sư THÍCH VÂN BỬU « CHE-YUN-PAO » ²⁵ đến Phù Nam thỉnh ngọc xá lợi quý báu ấy.

Một bản văn bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) ghi trên bia đá tìm thấy ở BATI cho biết rằng Nhà vua ngự trị giữa thời kỳ Phật giáo đặt nền móng và bành trướng khắp lãnh thổ. Sự kiện này đã được Vua Lương Võ-Đế là vị Hoàng đế tôn sùng đạo Phật rất chú ý.

Sử ký nhà Lương có thuật một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa đến Phù Nam giữa những năm 535 và 545 yêu cầu Vua Rudravarman gom góp tất cả kinh sách Phật và thỉnh mời các vị Sư sãi sang viếng nước Tàu. Nhà vua cử vị Thiền sư Ấn Độ tên PARAMÂTHA (hoặc GUNARATNA) quê ở vùng UJJAIYINI, lúc ấy đang hành đạo ở Phù Nam, mang 240 bộ kinh qua Nam Kinh. Thiền sư đến nơi vào năm 546.

Khi nhà Vua thăng hà, có lẽ vào năm 550, một phong trào quật khởi do hai anh em BHAVAVARMAN và CITRASENA lãnh đạo đã nổi dậy vào khoảng từ năm 540 đến 550 ở lưu vực sông Mékong, rồi trong một tình trạng bí mật họ lật đổ vương quyền Phù Nam. Phái đoàn Sứ giả do Vua Rudravarman phái sang Trung Hoa trên đây là Sứ cuối cùng trong thời Phù Nam còn là Vương quốc độc lập.

Sử ký nhà Tùy (580-618) không có ghi đoạn riêng biệt về nước Phù Nam, nhưng có hai vương quốc mới đóng một vai trò trong lịch sử nước này. Đó là nước XÍCH THỔ (TCHE T'OU) và nước CHÂN LẠP (TCHEN LA). Nước Xích Thổ liên lạc với Trung Hoa do Sứ giả THƯỜNG TUẤN (TCH'ANG TSIUN) đến viếng vào năm 607. Hình như lãnh thổ này chiếm vùng lưu vực sông Ménam. Nước Chân Lạp là Cao Miên cử phái đoàn Sứ giả đầu tiên đến Trung Hoa vào năm 616 hay 617.

Đoạn nói về Xích Thổ mở đầu bằng câu : « *Nước Xích Thổ là một nhánh họ khác của Phù Nam* ».

Đoạn nói về Chân Lạp ghi : « *Nước Chân Lạp ở về hướng Tây Nam Lâm Ấp, nguyên là một Chư hầu của Phù Nam. Họ của Nhà vua là KSATRIYA, tên Người là CITRASENA, tổ tiên Người đã liên tục tạo dựng lực lượng trong xứ. Vua CITRASENA chiếm Phù Nam và tiêu diệt. Khi Vua băng, Thái tử tên ICANASENA nối ngôi, đóng đô ở IÇANA* ».

Vào thế kỷ sau, Sử ký nhà Đường (T'ANG 618-907) ghi rằng phái đoàn Sứ giả do Vương quốc Phù Nam gửi đến vào thượng bán thế kỷ thứ 7 không phải của dòng Vua Phù Nam. Sử chép :

« *Trong nước bấy giờ có một cuộc thay đổi lớn, Nhà vua đóng đô ở thành phố ĐẶC MỤC (TÔ MOU), thỉnh linh bị nước Chân Lạp chiếm đóng, phải chạy trốn về miền Nam, ở thị trấn NA FOU NA (NA PHẤT NA)* ».²⁶

15) NGÀY TÀN CỦA VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Vương quốc Phù Nam tuy bị Chân Lạp xâm chiếm vào năm 550 nhưng vẫn còn chống giữ đến năm 627. Trong khoảng thời gian ấy có 4 vị Quốc vương nối tiếp trị vì và tìm cách khôi phục cơ đồ. Vua Phù Nam chiếm đóng ở các tỉnh miền Tây Nam Việt ngày nay, gần bờ biển và vùng Bassac. Quân Chân Lạp đã chiếm Biển Hồ, chặn đường giao thông của Phù Nam với miền Ménam, đóng binh ở thủ đô VYÂDHAP-URA (TÔ MOU) và miền hạ lưu sông Mékong, rồi tuyên bố dựng nước.

Quốc vương Xích Thổ (TCHE T'OU) ở trung tâm Thái Lan là một nhánh họ của dòng Vua Phù Nam cũng tự xưng độc lập. Năm 607, Vương quốc này tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa.

Nước Sâm Bán (TS'AN PAN) và TAO MING cũng thuộc nhánh họ của Phù Nam, tự xưng độc lập. Năm 625, Vương quốc Ts'an-pan tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa.

Triều đình Phù Nam đóng ở miền Nam Bassac tại NA-FOU-NA. Năm 616 và lần cuối cùng năm 627, Quốc vương Phù Nam gửi Sứ giả sang Trung Hoa cầu quân cứu viện để đánh Chân Lạp nhưng Vua Tàu là nhà ĐƯỜNG (T'ANG 618-907) từ khước.

Sử Trung Hoa ghi rằng : « Dưới triều VÕ-ĐỨC (WOU-TO 618-627) Vua Cao tổ Lý Uyên (618-627) và TRỊNH QUÁN (TCHENG-KOUEN 627-650) Vua Thái tông Lý thế Dân (627-650), Vua Phù Nam phái Sứ giả dâng hai người dân « đầu trắng ». Giống người này ở về phía Tây nước Phù Nam, mặt

trắng toát, da láng như thoa dầu, sống trong hang núi, bốn mặt vách đá dựng đứng không ai vào được, sát ranh giới nước SÂM-BÁN (TS'AN-PAN) ».

Triều đại Phù Nam chấm dứt từ năm 627 D.L.

16) PHỔ HỆ TRIỀU ĐẠI PHÙ-NAM

- LIEOU-YE (DIỆP LIỄU) : hạ bán thế kỷ thứ I.
- KAUNDINYA (HOUEN-T' IEN hay HOUEN-CHEN (HỒN ĐIỀN) : hạ bán thế kỷ thứ I.
- HOUEN-P'AN-HOUANG (HỒN BÀN HUỐNG) : Sinh năm 127, mất năm 90 tuổi.
- HOUEN-P'AN-P'AN (HỒN BÀN BÀN) : 217-220
- FAN-CHE-MAN (PHẠM SỬ MANG) : 220-225
- FAN-KIM-CHENG (PHẠM KIM SANH) : bị ám sát 225
- FAN-TCHAN (PHẠM CHIÊU) : 225-245
- FAN-TCH'ANG (PHẠM TRƯỜNG) : bị ám sát 245
- FAN-SIUM (PHẠM TẦM) : 245-287
- TCHAN-T'AN (CHIÊU ĐÀN) : 357-(?)
- KAUNDINYA (KIAO-TCH'EN-JOU) KIỀU TRẦN NHƯ : (?)-(?)
- CRI-INDRAVARMAN hay CRESHTHAVARMAN (TCH'E-LI-T'O-PA-MO TRÌ-LÊ-ĐÀ-BẠT-MA) : 424(?) – 438(?)
- KAUNDINYA-JAYAVARMAN (KIAO-TCH'EN-JOU CHÔ-YA-PAMO KIỀU-TRẦN-NHƯ-XÀ-DA-BẠT-MA) : 470(?) – 514

- RUDRAVARMAN (LIEOU-T'O-PA-MO LƯU ĐÀ BẠT MA) :
514-550

- ? : ?

- ? : ?

- ? : ?

- ? : ?

- ? : (?) - 627

VII. NIÊN BIỂU CÁC TRIỀU ĐẠI : TRUNG-HOA, VIỆT-NAM, PHÙ-NAM, CHIÊM-THÀNH TỪ THỜI THƯỢNG CỔ ĐẾN THẾ KỶ THỨ BẢY

1) NĂM 4480 TRƯỚC TÂY LỊCH (TR. T.L)

TRUNG-HOA : BÀN-CỔ

2) NĂM 4365 TR. T.L. (?)

a) TRUNG-HOA : TAM-HOÀNG

THIÊN HOÀNG, ĐỊA HOÀNG, NHƠN HOÀNG, TOẠI HOÀNG hay TOẠI NHÂN dạy dân lấy lửa nấu chín đồ ăn. HỌ HỮU-SÀO bày cách kết cành cây trên đại thọ ẩn trú.

b) VIỆT-NAM : HỌ HỒNG BÀNG

Tục truyền Vua Đế-Minh đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ-Lĩnh (tỉnh Hồ-Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau đẻ ra Lộc-Tục. Vua Đế-Minh phong Lộc Tục làm Vua phương Nam.

3) NĂM 2852 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA : NGŨ ĐẾ

b) VIỆT-NAM : 2879-2258 TR. T.L.

4) NĂM 2255 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA

- PHỤC-HI-THỊ hiệu THÁI HẠO (2852-2737) dạy dân phép cưới vợ, gả chồng, nuôi thú vật để sai khiến, làm lưới để săn và đánh cá, vẽ hình bát quái, chỉ cái lễ Âm Dương sinh hóa của muôn vật, chế nhạc khí.

- THẦN-NÔNG-THỊ hiệu VIÊM-ĐẾ (2737-2697) chế ra cày bừa, dạy cày ruộng, lập chợ búa để trao đổi hóa vật, nếm các thứ cây, cỏ để tìm vị thuốc trị bệnh.

- HỮU-HÙNG-THỊ hiệu HUỲNH-ĐẾ (2697-2597) dẹp loạn XUY-VUU ở Trác-lộc, dùng xe Chỉ Nam tìm phương hướng, mở mang bờ cõi, đặt ra y phục, xây dựng nhà cửa cung thất, chế đồ dùng bằng đồng, xe cộ, ghe thuyền. Nguyên phi là LUY-TỔ phát minh nghề nuôi tằm và thứ xe kéo kén ra tơ. Nhà Thiên-văn DUNG-THÀNH phát minh ra máy Cái-thiên để quan sát thiên tượng ; ông THƯƠNG-HIỆT chế ra văn tự, tượng hình. Sứ giả nước Việt thường sang cống chim bạch trĩ. Vua Huỳnh đế tặng xe Chỉ Nam dò đường về.

- KIM-THIÊN-THỊ hiệu THIẾU-HẠO (2597-2513).

- CAO-DƯƠNG-THỊ hiệu XUYỀN-HÚC (2513-2435).

- CAO-TÂN-THỊ hiệu ĐẾ-CỐC (2435-2365).

- ĐẾ-CHÍ (2365-2357).

- ĐÀO-ĐƯỜNG THỊ hiệu ĐẾ-NGHIÊU (2357-2255) sai ông HY, ông HÒA làm lịch chia một năm 360 ngày, có tháng nhuận. Ông Thuấn giúp Vua đi tuần thú bốn phương, định phép đo, cân, lường cho nhất luật. Sông Hoàng Hà ngập lụt, ông Cồn trị lý vô hiệu quả.

- HỮU-NGU-THỊ hiệu ĐẾ-THUẦN (2255-2205) sai ông Võ (con ông Cồn) trị lụt có kết quả, dùng người hiền năng như ông Tiết, Dao, Cao, Ích, Tắc, đặt ra lệ tuần thú, lập nhà học thượng tường và hạ tường.

b) VIỆT-NAM

- KINH-DƯƠNG-VƯƠNG (Lộc-Tục) đặt quốc-hiệu là Xích-Quỉ. Bờ cõi nước Xích-Quỉ bấy giờ phía Bắc giáp Động đình hồ (Hồ-Nam), Nam giáp nước Hồ-Tôn (Chiêm-Thành), Tây giáp Ba-Thục (Tứ Xuyên), Đông giáp biển Nam Hải. Kinh-dương-Vương lấy con gái Động-dình-quân là Long-nữ đẻ ra Sùng-Lãm nối ngôi làm Vua xưng là Lạc-Long-Quân. Ấy là Hùng-Vương thứ I.

- LẠC-LONG-QUÂN húy là HÙNG-HIỂN lấy con gái Vua Đế Lai là Âu Cơ sanh một trăm người con trai. Lạc-Long-Quân bảo vợ chia con 50 người theo cha lên núi, 50 người theo mẹ xuống biển Nam-Hải. Ngài phong người con trưởng sang làm Vua nước Văn Lang xưng là HÙNG-VƯƠNG thứ 2.

Nước Văn-Lang chia ra làm 15 bộ :

1. Văn-Lang (Bạch hạc tỉnh Vĩnh-Yên)
2. Châu-Diên (Sơn-Tây)
3. Phúc-Lộc (Sơn-Tây)
4. Tân Hưng (Hưng-Hóa dài – Tuyên-Quang)
5. Vũ-Định (Thái-Nguyên Cao-Bằng)
6. Vũ-Ninh (Bắc-Ninh)
7. Lục-Hải (Lạng-Sơn)
8. Ninh-Hải (Quảng-Yên)
9. Dương-Tuyền (Hải-Dương)

10. Giao-Chỉ (Hà-Nội, Hưng-Yên, Nam-Định, Ninh-Bình)
11. Cửu-Châu (Thanh-Hóa)
12. Hoài-Hoan (Nghệ-An)
13. Cửu-Đức (Hà-Tĩnh)
14. Việt-Thường (Quảng-Bình, Quảng-Trị)
15. Bình-Văn (?)

- HÙNG-VƯƠNG thứ 2 đóng đô ở Phong-Châu (bây giờ là Bạch-hạc, tỉnh Vĩnh-Yên) đặt quan văn là Lạc-Hầu, tướng võ là Lạc tướng, con trai Vua là Quan Lang, con gái Vua là Mị-Nương, các quan nhỏ gọi là Bô-Chính. Quyền chính-trị thì cứ cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Sử chép dưới thời này, người nước Văn-Lang làm nghề chài lưới thường bị giống thường luồng làm hại, Vua bắt dân lấy chàm vẽ mình để giống ấy tưởng là đồng loại mà không cắn giết nữa. Ở mũi thuyền có vẽ hai con mắt giống như mắt cá cũng có ý để các loài thủy quái không quấy nhiễu. Vua Hùng-Vương truyền được 18 đời đều lấy tên Hùng-Vương :

- HÙNG-VƯƠNG thứ 3 húy HÙNG QUỐC
- HÙNG-VƯƠNG thứ 4 húy HÙNG HIỆP
- HÙNG-VƯƠNG thứ 5 húy HÙNG-HY

- HÙNG-VƯƠNG thứ 6 húy HÙNG HUY. Nước Văn-Lang bị giặc Ân đánh phá. Vua sai sứ đi tìm người tài giỏi ra chống cự. Ở làng Phù-Đổng bộ Võ Ninh (nay là huyện Võ-Giang tỉnh Bắc-Ninh) có đứa trẻ đi xin. Vua cho đòi vào chầu. Đứa trẻ xin đúc một con ngựa và cái roi bằng sắt xong rồi vờn vai một cái hóa ra cao lớn thúc ngựa dẹp giặc. Đoàn lên núi Sóc-Sơn biến mất. Vua nhớ ơn, truyền lập đền thờ ở làng

Phù Đổng, phong là Phù-Đổng Thiên-Vương, hằng năm đến mồng 8 tháng 4 thì tế lễ.

- HÙNG-VƯƠNG thứ 7 húy HÙNG-CHIÊM
- HÙNG-VƯƠNG thứ 8 húy HÙNG-VĨ
- HÙNG-VƯƠNG thứ 9 húy HÙNG-ĐỊNH
- HÙNG-VƯƠNG thứ 10 húy HÙNG-UY
- HÙNG-VƯƠNG thứ 11 húy HÙNG-TRINH
- HÙNG-VƯƠNG thứ 12 húy HÙNG-QUÝ
- HÙNG-VƯƠNG thứ 13 húy HÙNG-VIỆT
- HÙNG-VƯƠNG thứ 14 húy HÙNG-ANH
- HÙNG-VƯƠNG thứ 15 húy HÙNG-TRIỆU
- HÙNG-VƯƠNG thứ 16 húy HÙNG-TẠO
- HÙNG-VƯƠNG thứ 17 húy HÙNG-NHỊ.

- HÙNG-VƯƠNG thứ 18 húy HÙNG-DUỆ. Vua có người con gái tên Mị-Nương nhan sắc tuyệt trần. Sơn-Tinh và Thủy-Tinh đều muốn hỏi làm vợ. Vua hẹn hôm sau ai đem đồ lễ đến trước thì gả cho người ấy. Sơn-Tinh đến trước, cưới Mị-Nương đem về núi Tản-Viên (tức là núi Ba-Vì ở Sơn-Tây). Thủy-Tinh đến sau, tức giận mới làm mưa to gió lớn, dâng nước đánh Sơn-Tinh. Sơn-Tinh trên cao, hể nước lên bao nhiêu thì làm cho núi cao bấy nhiêu, lại dùng sấm sét đánh xuống. Thủy-Tinh phải rút nước chạy về. Từ đó, Sơn-Tinh và Thủy-Tinh thù nhau, mỗi năm vào tháng 6, tháng 7 đánh nhau một lần, dân gian thật là cực khổ.

5) NĂM 2205-1818 TR. T.L.

TRUNG-HOA : ĐỜI TAM ĐẠI NHÀ HẠ

- ĐẠI-VÕ (2205-2197) chia nước làm 9 Châu : Kỳ, Duyện, Dự, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Lương Ung, định lệ cống, thuế cho các Châu ấy, đặt ra cửu trù để định rõ các mối luân thường và chánh-trị.

- ĐẾ KHẢI (2197-2188) đánh dẹp HỮU-HỔ là một chư hầu vô đạo.

- THÁI KHƯƠNG (2188-2159) ham chơi bời, vô đạo, Từ-trưởng rợ Đông đi là Hậu Nghệ phẫn, lập em Vua lên thay.

- TRỌNG-KHƯƠNG (2159-2146).

- TỬ-TƯƠNG (2146-2119) ở ngôi 28 năm bị Hậu-Nghệ đuổi đi mà lên thay. Vua lánh ở Thương-Khâu. Bầy tôi của Nghệ là Hàn-Xúc hay Hàn-Thúc giết Nghệ giết Vua Tương, tự lập làm Vua.

- HÀN-THÚC (soán ngôi) (2119-2079). Vợ Vua Tương là Mân có thai, trốn ở Hữu-Nhung sanh Thiệu-Khương, sau 39 năm, di thần nhà Hạ là Mi giết Hàn-Thúc rước Thiệu-Khương lên ngôi.

- THIẾU-KHƯƠNG (2079-2057)

- TRỬ (2057-2040)

- QUÈ (2040-2014)

- MANG (2014-1996)

- TIẾC (1996-1980)

- CUỘC-BẮT-ĐÁNG (1980-1921)

- BẮT-ĐÁNG (1921-1900)

- CẦN (1900-1879)

- KHÔNG-GIÁP (1879-1848)

- CAO (1848-1837)

- PHÁT (1837-1818)

- LÝ QUÝ hay THÙ, gọi là Vua KIẾT (1818-1783) say mê MUỘI HỖ, lập cung thất, ao, vườn rất xa xỉ, đả đuổi tửu sắc giết gián thần là LONG BÀN, bị THÀNH THANG lật đổ, đày ra ở Nam Sào.

6) NĂM 1783-1154 TR. T.L.

TRUNG-HOA : NHÀ THƯƠNG

- THÀNH-THANG (1783-1753) mời ông Y-DOÃN ở đất HỮU-SẦN làm Tể-tướng đánh dẹp các Vua chư hầu tàn bạo, phế Vua Kiệt, lên ngôi đế.

- THÁI GIÁP (1753-1720) bạo ngược bỏ chế độ cũ, bị Y-DOÃN đem an-trí ở đất Đồng ba năm mới rước về. Vua sửa đổi tánh nết, chăm lo việc chánh chư hầu đều phục.

- THÁI-ĐÌNH (1720-1691)

- THÁI CANH (1691-1666)

- TIỂU GIÁP (1666-1649)

- UNG KỲ (1649-1637) Kỷ cương rối loạn, chư hầu không thần phục.

- THÁI-MẬU (1639-1562) dùng các ông Y-TRÁC, VU HÀM, THẦN-HỘ làm tướng, nước nhà thịnh trị.

- TRỌNG DINH (1562-1549)

- NGOẠI NHÂM (1549-1534)

- HÀ ĐẢN-GIÁP (1534-1525) Thế nước suy vi.

- TỖ ẤT (1525-1506) dùng VU-HIỀN làm tướng để nghiệp lại hưng vượng.

- TỖ-TÂN (1506-1490)

- THÁI-GIÁP (1490-1465)

- TỖ-DINH (1465-1433)

- NAM-CANH (1433-1408)

- DƯƠNG GIÁP (1408-1401) các con tranh giành, trong nước rối loạn, chư hầu không thần phục.

- BÀN-CANH (1401-1373) dời đô sang Ân, thi hành những việc nhân chính đời trước, trăm họ thái bình, chư hầu đều phục.

- TIỂU-TÂN (1373-1352) Nhà Ân lại suy đốn.

- TIỂU-ẤT (1352-1324)

- VỖ-DINH (1324-1265) nhờ có tướng là PHÓ DUYỆT nên nhà ÂN lại phục hưng.

- TỖ-CANH (1265-1258)

- TỖ-GIÁP (1258-1225)

- LAM-TÂN (1225-1219)

- CANH-DINH (1219-1198)

- VỖ-ẤT (1198-1194) chơi bời dâm dật, trễ biếng chính sự, nhà Ân suy dần.

- THÁI-DINH (1194-1191)

- ĐẾ-ẤT (1191-1154)

- ĐẾ-TÂN hiệu TRỤ (1154-1122) mê đắm ĐẤT-KỶ, đặt thuế khóa nặng nề, dựng lâu đài, xây ao hồ, chơi bởi dâm dật, dùng hình phạt thảm khốc.

- TÂY-BÁ-PHÁT hội 800 Chư hầu đánh. Vua TRỤ tự thiêu.

7) NĂM 1122-256 TR. T.L.

TRUNG-HOA : NHÀ CHÂU (TÂY – ĐÔNG CHÂU)

TÂY CHÂU :

- VÕ-VƯƠNG (1122-1115) diệt nhà Ân, đặt là CHÂU.

- THÀNH-VƯƠNG (1115-1078) còn nhỏ, CHU-CÔNG là em Vua Võ-vương giữ chức TRÚNG-TỄ, coi việc nước, đánh dẹp VÕ-CANH con Vua TRỤ và QUẢN THÚC, QUÍ THÚC làm phản. Ông lo sửa sang, đặt ra các chế độ đáng làm phép tắc cho đời sau.

- KHƯƠNG VƯƠNG (1078-1052). Dưới triều Thành-Vương và Khương-Vương các hình phạt không dùng hơn bốn mươi năm.

- CHIÊU VƯƠNG (1052-1001) Nhà Châu bắt đầu suy dần.

- MỤC VƯƠNG (1001-946)

- CÙNG-VƯƠNG (946-934)

- Ý VƯƠNG (934-909)

- HIẾU-VƯƠNG (909-894)

- DI-VƯƠNG (894-878)

- LỆ-VƯƠNG (878-827) dùng kẻ tiểu nhân, làm việc bạo ngược, ai nói đến thì giết, bị dân nổi lên đánh bỏ chạy vào đất Phệ. Hai ông CHÂU và TRIỆU chung coi việc nước, sử gọi là chính thể Cộng Hòa.

- TUYÊN-VƯƠNG (827-781) Nhà CHÂU phục hưng, đời sau gọi Vua là TRUNG-HƯNG-CHỦ.

- U-VƯƠNG (781-770) say mê BAO-TỰ, phế chánh cung KHƯƠNG-HẬU, cha bà là THÂN-HẦU nhờ rợ KHUYỄN-NHUNG đánh giết Vua, lập Thái-tử lên thay.

- BÌNH-VƯƠNG (770-719) dời đô sang LẠC-ẤP, Sử gọi là ĐÔNG CHÂU.

ĐÔNG CHÂU :

- HOÀN VƯƠNG (719-696). Nhà CHÂU suy vi, chư hầu thôn tính lẫn nhau, tổng số hơn 1000 còn lại 12 là TỀ, SỞ, TẤN, TẦN, LỖ, VỆ, TỔNG, YÊN, TRỊNH, TÀO, TRẦN, SÁI.

- TRANG-VƯƠNG (696-681)

- HI-VƯƠNG (681-676)

- HUỆ VƯƠNG (677-651)

- TƯƠNG VƯƠNG (651-618)

- KHUYNH VƯƠNG (618-612)

- KHUÔNG VƯƠNG (612-606)

- ĐỊNH VƯƠNG (606-585)

- GIẢN VƯƠNG (585-571)

- LINH VƯƠNG (571-544)

- KIÊNG VƯƠNG (544-520)

- DAO VƯƠNG (520-519)

- KINH VƯƠNG (519-475)

- NGUỒN-VƯƠNG (475-468)
- TRỊNH-ĐỊNH-VƯƠNG (468-440)
- AI-VƯƠNG (440)
- TỬ VƯƠNG (440)
- KHẢO VƯƠNG (440-425)
- OAI-LIỆT-VƯƠNG (425-401)
- AN-VƯƠNG (401-375)
- LIỆT-VƯƠNG (375-368)
- HIỂN-VƯƠNG (368-320)
- THẬN QUÍ VƯƠNG (320-314)
- BÁO VƯƠNG (314-255)
- NOÃN VƯƠNG ĐÔNG CHÂU QUÂN (255)

Chính lệnh Thiên Tử không được Chư hầu tuân phụng nữa, người xưng Công, kẻ xưng Bá đánh nhau không ngớt, đời sau gọi là thời XUÂN-THU. Chư hầu nào lấy cớ tôn phù nhà Châu được làm Minh chủ gọi là Bá. Thuở ấy có 5 Chư hầu kế nhau làm Minh chủ nên gọi là NGŨ-BÁ : Hoàn Công nước Tề, Văn Công nước Tấn, Tương Công nước Tống, Trang Công nước Sở, Mục Công nước Tần. Tất cả đều bị nước Tần tiêu diệt luôn cả nhà CHÂU.

8) NĂM 256-206 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA : NHÀ TẦN

- TRẠNG TƯƠNG VƯƠNG (256-?)
- VƯƠNG CHÁNH nổi nghiệp, đánh dẹp năm nước, thống nhất lãnh thổ, lên ngôi Hoàng đế hiệu là THỦY HOÀNG (221-208), chia nước làm 36 quận, chinh đốn mọi việc cho nhất thống, thu hết binh khí, đúc 12 người bằng đồng, dựng

cung A phòng, xây Hoàn lăng, đắp đường, xây Vạn-lý trường thành, ĐỒ-THƯ đánh lấy miền Bắc-bộ nước Âu-Lạc ; Vua AN-DƯƠNG-VƯƠNG xin thần phục. Thủy-Hoàng nghe lời LÝ-TƯ đốt hết sách cổ, chôn sống 460 người dám chỉ trích.

- NHỊ THẾ (208-205) nghe lời TRIỆU-CAO dùng binh pháp rất hà khắc, giết hại các vương tử, đại thần, anh hùng khắp nơi nổi dậy. Vua nghe Triệu giết Lý-Tư, và ba họ rồi bị Triệu giết, lập Thái-tử lên.

- VƯƠNG TỬ ANH (205-206) tức vị liền giết Triệu-Cao. Lưu-Bang tiến quân vào Bá-Thượng, Tử-Anh đầu hàng.

b) VIỆT-NAM : NHÀ THỤC (257-207 TR. T.L.)

Năm Quý Mão (258 tr. T.L.) Thục Phán diệt họ Hồng-Bàng lấy nước Văn-Lang, đổi quốc hiệu là Âu-Lạc. Vua Hùng-Vương thứ 18 thua chạy nhảy xuống giếng tự tử.

Năm Giáp Thìn (257 tr. T.L.), Thục Phán dẹp yên mọi nơi, tức vị, xưng là AN-DƯƠNG-VƯƠNG, đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc huyện Đông-Anh, tỉnh Phúc-An). Năm Bính-Ngo (255) Ngải xây Loa-thành.

Năm Đinh-Hợi (214) Vua Tàu là Tần-Thỉ-Hoàng sai tướng Đồ-Thư đánh lấy đất Bách-Việt. An-dương-Vương xin thần phục. Nhà Tần chia đất Bách Việt và Âu-Lạc làm ba quận : Nam-Hải (Quảng-Đông), Quế Lâm (Quảng-Tây) và Tượng Quận (Bắc-Việt). Người Bách Việt trốn trong rừng ở, ít lâu sau nổi lên giết Đồ-Thư.

Năm Quý Tỵ (208) Triệu Đà ở quận Nam-Hải đánh Âu-Lạc, lập ra nước Nam-Việt.

9) NĂM 206-202 TR. T.L.

a) TRUNG-HOA : HÁN-SỞ TRANH HÙNG

HẠNG VỖ (Sở) theo LƯU-BANG (Hán) vào đất Tần cướp phá Hàm Dương, giết VƯƠNG-TỬ-ANH, quật mồ TẦN-THỦY-HOÀNG, đốt cung thất 3 tháng mới cháy hết. Hạng Võ tôn SỞ HOÀI-VƯƠNG làm NGHĨA ĐẾ, rồi lại giết mà tự lập làm TÂY SỞ BÁ-VƯƠNG, lập LƯU-BANG làm HÁN-VƯƠNG. Lưu-Bang cùng Hạng Võ đánh nhau bốn năm. Hạng Võ tự tử ở Ô-Giang. Lưu Bang lên ngôi Hoàng-đế.

b) VIỆT-NAM : NHÀ TRIỆU 207-111 TR. T.L.

- TRIỆU-VŨ VƯƠNG (207-137) tr. T.L., Triệu Đà đánh được An Dương-Vương, sáp nhập nước Âu-Lạc vào quận Nam-Hải đặt là Nam-Việt, tự xưng là VŨ-VƯƠNG đóng đô ở Phiên Ngung, gần thành Quảng-Châu bây giờ.

10) NĂM 202 TR. T.L. – 9 SAU T.L.

a) TRUNG-HOA : NHÀ HÁN

- CAO-TỔ (Lưu-Bang) (202-194) đóng đô ở Trường An, giết lần lần những công thần khai quốc như Hàn Tín, Bành-Việt, Anh-Bổ làm phản bị đánh rồi chết. Vua phong cho họ hàng và công thần làm vương thần ở các yếu địa, đất còn lại thì chia ra quận huyện : chế độ « quận quốc ». Năm thứ 7, Mao-Đốn Thuyền-Vu, Vua Hung-Nô xâm lấn vây Vua ở

Bạch-Đẳng 7 ngày. Sau, Vua gả con gái tông thất cho Mao-Đốn để cầu hòa.

- HUỆ-ĐẾ (Doanh) (194-187). Bà Lữ Thái Hậu (vợ Vua Cao-Tổ) lâm triều tranh quyền Vua.

- THIẾU-ĐẾ (187-179) ngồi làm vò, quyền chính trong tay Lữ Thái-hậu, nên sử chép triều đại này thuộc về CAO-HẬU hay Lữ-THỊ. Cao-Hậu phong Vương cho họ hàng, giết hại công thần nhà Hán.

- HIẾU-VĂN-ĐẾ (Hàng) (179-156). Cao-Hậu băng hà, Thái úy Chu Bột và Thừa tướng Trần-Bình chém cả họ hàng họ Lữ. Vua Văn-Đế nhân kiệm, bỏ nhục hình, bỏ lễ cống, miễn thuế, lấy đức hóa dân.

- HIẾU-CẢNH-ĐẾ (156-140) lên ngôi, thu bớt một phần đất đai của mấy nước. Các nước này làm phản nhưng bị dẹp yên. Vua tiết kiệm, thương dân nên nước giàu, kho đụn đầy đủ, ấy là thời cực thịnh của nhà Hán.

- HIẾU-VÕ-ĐẾ (Triệt) (140-186) sai Lộ Bá-Đức, DƯƠNG-BỘC bình định Nam-Việt (Lưỡng Quảng, đảo Hải-Nam và Bắc bộ Việt Nam ngày nay, thu vào bản đồ đặt làm 9 quận. Đoàn xua quân vào Triều Tiên, dẹp rợ Hung Nô, sai Trương Khiên đi sứ Đại nhục Chi ở Trung-Á, giao thông với các nước Tây Vực tuyên dương oai đức nhà Hán. Nhờ Võ đế, Đông Á và Trung Á được hưởng một cảnh thái bình mà sử Tây gọi là Thái bình Trung Quốc (Pax Sinica). Vì thời đại vẻ vang ấy mà người Tàu tự xưng là người Hán.

- HIẾU CHIÊU ĐẾ (Phật Lăng) (86-73) lên ngôi mới có 8 tuổi, nhờ ông Hoắc-Quang làm phụ chính.

- HIẾU TUYÊN ĐẾ (73-48) Chiêu đế không có con, Quang rước Xương ấp Vương là Hạ lên ngôi, nhưng Vương dâm dật, chơi bời nên ông phế đi, lập Tuyên đế. Vua sai Thường Huệ dẹp Hung Nô, đặt nền đô hộ ở Tây Vực.

- HIẾU NGUYÊN ĐẾ (Thích) (48-32). Nhà Hán bắt đầu suy-vi, Vua nhu nhược, ít quyết đoán. Ngoại thích là SỬ-CAO kết cấu với loạn quân giết công thần.

- HIẾU THÀNH ĐẾ (Ngạo) (32-6) dùng con bà Vương Thái-hậu là Vương Phụng làm Đại-Tư Mã. Anh em họ Vương thay nhau nắm chính quyền.

- HIẾU AI ĐẾ (6 trước Tây T.L – 1 T.L)

- HIẾU BÌNH ĐẾ (1-6) lên ngôi còn nhỏ, bà Thái-hậu lâm triều, Tân đô hầu là Vương Mãng giữ chính quyền. Mãng giết Vua, lập cháu huyền tôn Vua Tuyên đế 2 tuổi tên là ANH lên ngôi.

- NHỤ TỬ ANH (6-9) Vương Mãng tự xưng là Giả Hoàng đế, tiếm ngôi vua đổi quốc hiệu là TÂN.

b) VIỆT-NAM

Vua Cao-Tổ nhà Hán sai Lục-Giả sang phong cho VŨ-VƯƠNG.

Năm Mậu-Ngọ (183), Lữ Hậu cấm người Hán buôn bán với Nam Việt, Triệu-Vũ-Vương tự lập làm Hoàng-đế, cử binh đánh quận Trường-Sa (tỉnh Hồ-Nam). Năm Canh-Thân (181), Hán triều sai quân đánh Nam-Việt bị thua to. Triệu Vũ Vương oai danh cả dậy. Vua Văn-Đế sai Lục Giả đem thư khuyên Vũ Vương thuận bỏ đế hiệu. Nam, Bắc giao thông,

hòa hiếu như xưa. Năm Giáp Thìn (137) Triệu-Vũ-Vương băng hà, thọ được 121 tuổi.

- TRIỆU-VĂN-VƯƠNG (HỒ) (137-125 trước Tây-lịch) là cháu đích tôn của Vũ-Vương lên ngôi. Năm 135 quân Mân-Việt đánh phá biên thùy Nam-Việt, Triệu-Văn-Vương không dám đánh, sai sứ cầu cứu nhà Hán. Vua Hán sai Vương-Khôi và Hàn-An-Quốc đánh dẹp Mân-Việt. Vua Triệu cho con là Anh-Tề sang Tàu chầu Vua Hán và ở đến 10 năm mới về khi Vua Triệu băng hà.

- TRIỆU-MINH-VƯƠNG (125-113 trước T.L) Thái-tử Anh-Tề về nước lên ngôi, đem người vợ lẽ là Cù-Thị và đưa con tên Hưng về lập Hoàng hậu và Thái tử.

- TRIỆU AI VƯƠNG (113 trước T.L) Thái tử Hưng nối ngôi cha. Vua Hán sai An-Quốc-Thiếu-Quý sang dụ Nam-Việt. Thiếu-Quý tư thông với Cù-Thị dỗ dành Ai-Vương đem Nam-Việt dâng nhà Hán. Tể tướng Lữ-Gia đem quân cấm binh giết Sứ Hán, Cù-Thị và Ai-Vương, tôn Thái-tử Kiến-Đức là con trưởng của Minh Vương lên ngôi.

- TRIỆU DƯƠNG VƯƠNG (113-111 trước T.L) tức vị độ một năm thì Vua Võ-Đế nhà Hán sai Lộ-bác-Đức và Dương-Bộc xua quân đánh Nam Việt, giết Vua Dương-Vương và Lữ-Gia.

- BẮC THUỘC LẦN THỨ NHẤT (111 trước Tây-lịch – 39 sau Tây-lịch). Vua Võ Đế giết Triệu Dương-Vương rồi cải tên nước Nam Việt là Giao-Chỉ bộ, chia ra làm 9 quận là Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao-chỉ, Cửu Chân, Nhật-Nam, Châu-Nhai, Đạm-Nhĩ, mỗi quận có quan Thái-

thú và có quan Thứ-sử giám sát các quận. Ở Giao-Chỉ có những Lạc-tướng hay là Lạc Hầu cai trị các bộ lạc. Vị Thứ sử đầu tiên là Thạch Đái đóng phủ trị ở Long Uyên. Năm 2 Tây-lịch, ông Tích-Quang sang làm Thái thú quận Giao-Chỉ, hết lòng lo việc khai hóa, dạy dân lấy điều lễ nghĩa, được nhiều người kính phục.

11) NĂM 9-23 SAU T.L.

TRUNG-HOA

VƯƠNG MÃNG (6-9) thi hành một cuộc cách mạng xã hội, kinh tế sâu rộng. Tôn thất nhà Hán là LƯU DIỄN và LƯU-TÚ tôn LƯU-HUYỀN làm Hán đế, đóng ở đất Uyển (Hà-Nam). Lưu Tú vào Trường An giết Vương-Mãng.

- ĐẾ HUYỀN (23-25) nhu nhược, không làm được việc gì. Các tướng xin Lưu-Tú lên ngôi Hoàng đế.

12) NĂM 25-220

a) TRUNG-HOA : NHÀ ĐÔNG HÁN HAY HẬU HÁN

- QUANG-VỖ (Lưu-Tú) (25-58) dời đô về Lạc Dương, dẹp yên nội loạn, gọi hàng Phàn-Sùng thủ lĩnh nhóm Xích-Mi đã giết Vua Đế Huyền. Vua sai Mã-Viện bình định Giao Chỉ dẹp Trưng-Trắc.

- HIẾU-MINH-ĐẾ (Trang) (58-76) sai quan quân bình các phiên bang. Hung-Nô và các nước Tây Vực cho Hoàng-tử vào học và vào châu.

- HIẾU CHƯƠNG-ĐẾ (Huyền) (76-89) các nước Tây Vực phản loạn. Vua sai Ban-Siêu đánh dẹp, oai danh lừng lẫy.

- HIẾU-HÒA-ĐẾ (Kiến) (89-106) Bắc Hung Nô đói, trong nước đại loạn. Vua sai Đậ-Hiếu dẹp. Ban Siêu đánh được nước Yên-Kỳ, làm chủ đến Iran, tận biên giới Ấn-Độ. Đậ-Thái-hậu cầm quyền, anh là Đậ-Hiến chuyên quyền làm bậy. Vua mưu cùng loạn quân Trịnh Chúng giết Hiến. Hoạn quan được đặc dụng.

- HIẾU-THƯƠNG-ĐẾ (106-107)

- HIẾU-AN-ĐẾ (Hộ) (107-125) dùng bọn hoạn quan làm những việc bạo ngược.

- HIẾU-THIẾU-ĐẾ (125-126)

- HIẾU-THUẬN-ĐẾ (126-145) phong hoạn quan làm Hầu, phong cha vợ là Lương-Thương làm Đại-tướng quân. Thương chết, con là Ký lên thay, phóng túng, cho họ hàng làm quan đầy triều.

- HIẾU-XUNG ĐẾ (145-146)

- HIẾU-CHẤT-ĐẾ (145-147) bị Lương Ký đánh thuốc độc chết, lập Hoàn-Đế thay.

- HIẾU-HOÀN-ĐẾ (Chí) (147-168) mưu cùng hoạn quan giết Lương Ký rồi phong Hầu, Hoạn quan đắc thế bị các quan chống đối và nảy sinh ra họa « đảng cố » khiến nhà Hậu Hán lung lay.

- HIẾU-LINH-ĐẾ (Hoàng) (168-189) dùng Đậ-Võ, Trần-Phồn, Lý Ứng, Đỗ-Mật. Đậ và Trần mưu giết hoạn quan Tào Tiết, Vương Phủ không thành, bị chúng hạ sát và hại tất cả người nào chống báng để tự do tung hoành. Trương Giác

nổi loạn gọi là giặc Hoàng Cân. Vua sai Hoàng Phủ Tung và Tào Tháo dẹp.

- THIẾU-ĐẾ (Biện) (189-190) dùng anh bà Thái hậu là Hà-Tấn cầm chính quyền, mưu cùng Viên-Thị giết hoạn quan. Hà Tấn bị hoạn quan giết. Viên-Thị đem binh bắt giết hơn 2.000 hoạn quan, diệt hẳn tai họa. Đồng-Trác vào Triều phế Thiếu-đế lập Hiến-đế.

- HIẾU-HIẾN-ĐẾ (Hiệp) (190-220) Đồng-Trác tự làm Tướng quốc nắm chánh quyền. Châu quận ở Quan Đông khởi binh đánh Trác, tôn Viên-Thị làm Minh chủ. Tư đồ Vương Doãn mưu Lữ-Bố giết Trác. Tào Tháo rước Vua qua đất Hứa đánh Viên-Thị bình Kỳ-Châu, Ô Hoan, lên chức Thừa tướng. Tháo đánh Lưu-Bị ở Từ Châu, Bị chạy đến Kinh Châu rồi nương Tôn-Quyền hợp lại đánh Tháo tại Xích Bích. Tôn-Quyền chiếm Giang-Đông, Lưu-Bị chiếm Tây-Thục. Tháo tự tôn làm Ngụy-Vương. Tháo mất, con là Tào-Phi kế vị, ép Vua Hiến-đế nhường ngôi (220).

b) VIỆT-NAM

- Năm 26, ông Nhâm Diên làm Thái-thú quận Cửu-Chân dạy dân dùng cày bừa khai khẩn ruộng đất, dạy làm lễ cưới hỏi trong khi lấy vợ, lấy chồng.

- Năm Giáp Ngọ 34, Vua Quang-Võ sai Tô Định làm Thái-thú quận Giao Chỉ, là người bạo ngược, tàn ác. Năm Canh-Tí (40) Tô-Định giết Thi Sách. Vợ Thi-Sách là Trưng-Trắc, con gái quan Lạc tướng huyện Mê-Linh cùng em là Trưng Nhị nổi lên đánh đuổi Tô-Định, hạ 65 thành tự xưng làm Vua.

- Năm Tân-Sửu (41), Vua Quang-Võ sai Mã-Viện đánh Trưng-Vương nhiều trận, mãi đến ngày mồng 6 tháng 2 năm Quý-Mão (43) hai Bà gieo mình xuống sông Hát-Giang tự tử.

- BẮC THUỘC LẦN THỨ 2 (43-544) Nhà Hán dựng cột đồng ở chỗ phân địa giới khắc sáu chữ « Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt ».

Quan lại sang cai trị nhiều người tàn ác, tham nhũng, bắt dân lên rừng xuống biển tìm châu báu. Dân ở quận Hợp-Phổ phải xuống biển mò ngọc trai khổ quá đến nỗi phải bỏ xứ mà đi. Vua ở xa, quan lại tha hồ đục khoét nên thường có loạn lạc, dân gian khổ sở trăm chiều.

Quan Tà cai trị tàn ác, Vua lại bạc đãi người bốn xứ. Dân Giao Chỉ có học hành thông thái đến đâu cũng không được giữ việc chánh-trị. Mãi đến đời Hiếu Linh đế mới có ông LÝ-TIẾN được cất làm Thứ sử ở Giao Chỉ, LÝ CẦM làm quan Tư lệ Hiệu Úy và TRƯƠNG TRỌNG làm Thái thú ở Kim Thành.

Nước Tà loạn lạc, ở Giao-Chỉ nhờ quan Thái thú là SĨ-NHIẾP cùng với anh em chia nhau giữ các quận huyện mới được yên.

Năm Quý Mùi (203) quan Thứ-sử là Trương Tân cùng Thái-thú Sĩ Nhiếp dâng sớ xin Vua Hiến đế cải Giao-Châu. Vua Hán thuận. Sĩ-Nhiếp giữ được đất Giao-Châu khởi loạn và vẫn giữ lệ triều cống nên Vua Hán phong chức An-Viễn-Tướng quân Long độ đình hầu.

Sĩ-Nhiếp trị dân có phép tắc, chăm lo dạy bảo dân cho nên lòng người cảm mộ công đức gọi tôn là Sĩ-vương.

c) PHÙ-NAM : LẬP QUỐC

- LIEOU-YE (Diệp-Liêu) (?)-(?)

- KAUNDINYA (Houen-T'ien, Hồn Điền) (?)-(?)
Kaundinya từ Ấn-Độ đến Phù-Nam theo lời Thần báo mộng, thu phục được Lieou-Ye, cưới làm vợ, lên ngôi Vua, lập ra nước Phù-Nam. Ngài đem văn-hóa Ấn, chữ viết và luật pháp truyền bá trong dân gian, bắt vợ và dân phải mặc chăn không cho để trần truồng.

- HOUEN-P'AN-HOUANG (Hồn Bàng-Huống) (?-217)
sinh năm 127, nối ngôi Vua cha, chia lãnh thổ làm nhiều Chư hầu rồi cầm quân đánh dẹp giao cho con cháu trấn đóng gọi là Tiểu Vương, Năm 217 Ngài thăng hà.

- HOUEN-P'AN-P'AN (Hồn Bàn Bàn 217-220) nối ngôi Vua cha theo cuộc bầu cử rồi giao hết binh quyền cho Tướng Cri-Mâra (Fan Man) Phạm-Mậu. Năm 220, Ngài thăng hà.

- FAN-CHE-MAN (Phạm-Sử Mang 220-225) là toàn danh của Tướng FAN-MAN. Ngài được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài chinh phục lân bang trên lục địa và trên mặt biển nổi tiếng lẫy lừng. Ngài lập một hải cảng, đóng nhiều thuyền lớn vượt khắp đại dương. Người thời bấy giờ tôn Ngài là Phù-Nam đại vương. Ngài tấn công 10 vương quốc, mở rộng bờ cõi đến 5 hay 6 ngàn lý. Năm 225, Ngài thăng hà lúc chinh phạt quốc gia Kim-Lân.

d) CHIÊM-THÀNH

- Năm Nhâm-Dần (102) phía Nam quận Nhật Nam có huyện TƯỢNG-LÂM, người ở huyện này thường sang cướp phá Nhật-Nam. Vua Hòa-Đế nhà Hán đặt quan cai trị huyện này để phòng giữ sự rối loạn.

- Năm 137, dân Tượng-Lâm đốt phá thành này và giết chết viên Trưởng Lại.

- KHU LIÊN (SRI-MARA) (192-220) Năm 192, Khu Liên ở huyện Tượng Lâm giết quan Tàu, tự xưng làm Vua gọi là nước LÂM-ẤP.

13) NĂM 213-265

a) TRUNG-HOA : TAM QUỐC (THỤC HÁN – NGŨY – NGÔ)

HẬU HÁN hay THỤC HÁN :

- CHIÊU-LIỆT ĐẾ (Lưu-Bị) (220-223) Lưu-Bị chiếm Tây-Thục xưng là Hán Trung-Vương, nghe Tào-Phi chiếm nhà Hán (220) mới xưng đế, kết hợp Đông Ngô đánh Ngụy.

- HẬU-ĐẾ (Thuyền) (223-263) dùng Gia-cát-Lượng làm Phụ chính, 6 lần xuất binh đánh Ngụy mà không thành công. Lượng mất, Khương-Duy giữ quốc chính bị Đặng-Ngãi, tướng nhà Ngụy đánh vào Thành Đô. Hậu Đế ra hàng.

NGŨY TRIỀU :

- VẤN-ĐẾ (Tào Phi) (220-227) mấy lần đem binh đánh Ngô đều thất bại.

- MINH-ĐẾ (Tào Đệ) (227-240) sai Tư Mã Ý bình Liêu Đông.

- PHỄ-ĐẾ (Phượng) (240-254) Tư mã Ý giết Tào Sảng lên làm Thừa-tướng. Con Ý là Tư-Mã-Sư phế Vua lập Tào-Mao.

- THIẾU-ĐẾ (Mao) (254-260) Em Tư Mã Sư là Tư-Mã-Châu phế Vua lập Tào-Hoán.

- TỔNG-ĐẾ (Hoán) (260-265) Bấy giờ oai quyền họ Tư Mã cực thịnh. Con Chiêu là Viêm ép Vua Ngụy nhường ngôi cho mình.

NGÔ TRIỀU :

- ĐẠI-ĐẾ (Tôn Quyền) (229-252) đóng đô ở Kiến Khương, hợp với Thục-Đế chống nhà Ngụy.

- PHỄ-ĐẾ (252-258)

- KIẾNG-ĐẾ (258-264)

- VỊ-ĐẾ (Ngô-Hạo) (264-265) say mê tửu sắc, tàn ác khiến trong nước đại loạn. Tấn Vĩ-Đế sai Đỗ Dự và Vương-Tuấn đánh. Ngô chủ xin hàng.

b) VIỆT-NAM

Nhà Đông Hán mất ngôi, nước Tàu chia làm ba nước : Tây Thục, Bắc Ngụy, Đông Ngô. Đất Giao-Châu thuộc về Đông Ngô.

Nước Lâm-ấp (Chiêm-Thành) sang cướp phá quận Nhật-Nam và quận Cửu-Chân.

Năm Bính-Ngọ (226) Sĩ Nhiếp mất, con là Sĩ-Huy thay. Tôn Quyền chia đất Giao-Châu từ Hợp Phố về Bắc gọi là

Quảng-Châu, sai Lữ-Đại làm Thứ sử Quảng-Châu, Đái Lương làm Thứ-sử Giao-Châu, Trần Thi làm Thái-thú quận Giao Chỉ, bắt giết Sĩ-Huy.

Năm Mậu-Thìn (248), Vua Ngô sai Lục-Dận làm Thứ-sử Giao-Châu. Năm ấy ở quận Cửu-Chân có bà Triệu-Ấu khởi binh đánh nhà Ngô. Bà cỡi voi mặc áo giáp vàng, xưng là Nhụy-Kiều tướng quân. Bà chống với nhà Ngô sáu tháng, vì quân ít thế cô phải tự tử ; bấy giờ mới có 23 tuổi.

Năm Giáp-Thân (264), nhà Ngô lấy đất Nam-Hải, Thương-Ngô, Uất-Lâm làm Quảng-Châu, đất Hợp-Phổ, Giao-Chỉ, Cửu Chân và Nhật-Nam làm Giao-Châu.

Năm Ất-Dậu (265) nhà Ngô mất, Giao Châu thuộc về nhà Tấn. Quan lại nhà Tấn cai trị Giao-Châu cũng là bọn tàn ác, tham lam, nhân dân lầm than khổ sở. Lắm khi bọn quan lại có người phản nghịch đánh giết lẫn nhau khiến trong nước loạn lạc luôn. Vua Tấn có ý muốn giảm bớt quân ở các châu, quận, nhưng quan Thứ-sử Giao-Châu là Đào-Hoàng dâng sớ tâu : « Vua nước Lâm-Ấp là : Phạm Hùng thông với nước Phù-Nam thường sang quấy nhiễu đất Nhật-Nam, nếu giảm bớt quân ở Giao-Châu sợ Lâm-Ấp lại sang đánh phá ».

c) PHÙ-NAM

- FAN-KIM-CHENG (Phạm-Kim-Sanh 225) là Thái-tử nối ngôi, bị người anh bà con tên Fan-Tchan (Phạm Chiêu) ám sát, đoạt ngôi.

- FAN TCHAN (Phạm-Chiêu 225-245) Năm 228, nhà Vua phái Sứ giả triều cống Vua Tàu. Năm 229, Thứ sử Giao-Châu là Lữ Đại cử Sứ giả sang Phù-Nam đáp lễ. Vua Ngô

phái viên quan Tùg sự đến Phù Nam phổ biến nền văn minh Trung-quốc. Năm 240, Vua Fan Tchan tiếp một du khách Ấn Độ tên Kia Siang Li rồi sai người bà con tên Tô-Vật (Sou-Wou) sang đất Ấn triều kiến Vua Vasudeva. Năm 240, Vua Phù-Nam tiếp hai Sứ giả của Ngô Tôn-Quyền. Năm 243, Ngài gởi lễ cống sang Tàu gồm có nhạc sĩ và thổ sản. Năm 244, thành lập gần Nam-Kinh một văn phòng thương mại gọi là Phù-Nam quán. Năm 245, Ngài bị ám sát.

- FAN TCH'ANG (Phạm Trường 245) là bào đệ của Vua Fan Kin-Cheng giết Vua Fan Tchan để trả thù anh. Sau đó, Ngài bị Tướng Fan Siun giết và cướp ngôi.

- FAN SIUN (Phạm-Tầm 245-287) tiếp ông Khang Thái và ông Châu-Ứng cùng Sứ giả Vua Ấn-độ Vasudeva là Tch'en Song theo ông Sou Wou về Phù-Nam. Ngài liên kết với Vua Phạm-Hùng nước Lâm-Ấp tấn công Cửu-Chân (Việt-Nam). Năm 265, 268, 285, 286, 287, Ngài gởi Sứ giả triều cống Vua Võ đế nhà Tấn. Ngài bành trướng việc giao thương theo đường biển với Trung-Hoa và liên lạc mật thiết với nước Lâm-Ấp (Chiêm-Thành).

d) CHIÊM-THÀNH

- KHU (?) (220-270) Thái-tử con Khu-Liên nối ngôi. Năm 221, Lâm-Ấp tấn công Nhật-Nam có nhờ quân Phù-Nam giúp đỡ. Năm 230, Vua Lâm-Ấp gởi phái đoàn Sứ giả đến Thống đốc Quảng-Đông và Thứ sử Giao-Châu. Năm 248, quân Lâm-Ấp tấn công quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân.

- PHẠM HÙNG (FAN-HSUNG 270-284) là cháu ngoại Khu-Liên xưa quân tấn công Giao-Châu bị đánh lui ở Badon

và quấy rối Giao-Chỉ, Cửu Chân 10 năm liền.

- PHẠM DẬT (284-336) nối ngôi Vua cha. Sứ giả sang Tàu năm 284 là phái đoàn đầu tiên. Nhà Vua nhận một người Tàu làm Cố vấn tên Phạm-Văn và phong làm Tướng.

- PHẠM-VĂN (FAN-YI) (336-349) cướp ngôi, năm 340 gởi sứ giả sang Tàu và chiếm phần đất ở Đèo Ngang. Năm 347 đánh chiếm Nhật-Nam, bắt viên quan Tàu tế sống. Năm 349, Lâm Ấp tấn công lên phía Bắc.

- PHẠM-PHẬT (FAN-FO) (349-377) nối ngôi Vua cha. Năm Quý Sửu (353) đời Vua Mục đế nhà Đông Tấn, Thứ sử Giao-Châu là Nguyễn-Phu-đánh Vua Lâm-Ấp phá được hơn 50 đồn lũy. Năm 359, Vua Lâm-Ấp trả phần đất vùng Đèo Ngang cho Giao-Châu. Năm 372 và 377 Vua Lâm-Ấp gởi Sứ giả sang Tàu.

14) NĂM 265-313

a) TRUNG-HOA : NHÀ TÂY TẤN

- THẾ-TỔ VÕ-ĐẾ (Tư-Mã-Viêm 265-290) thống nhất đất nước, lại kiêu sa, dâm dật, chính sự rối nát.

- HUỆ-ĐẾ (Trung) (290-307) là người ngu tối. Hoàng hậu Giả-Thị nắm chính quyền. Triệu Vương Tư mã Luân cử binh giết Giả Hậu, truất Vua, tự lên thay.

- HOÀI-ĐẾ (Luân) (307-313) Các Thân vương dấy binh tranh giành lẫn nhau, cốt nhục tương tàn ngót 16 năm gọi là « loạn Bát Vương ». Bấy giờ năm giống rợ ở Tây Bắc Trung-Hoa là Hung-Nô, Yết, Tiên-Ti, Chi và Khương nổi lên

chiếm giữ vùng lưu vực sông Hoàng-Hà, bắt Vua Hoài-Đế sai mời rượu hầu khách rồi giết.

- MÂN-ĐẾ (Nghệ) (313) nối ngôi, cũng bị rợ Ngũ-Hồ bắt làm nhục như Hoài đế giết chết.

Nhà Tây Tấn mất, rợ Ngũ-Hồ lũ lượt xưng Đế, xưng Vương trước sau 16 nước !

b) PHÙ-NAM

(Từ năm 287 đến 357, Sử Trung-Hoa không có ghi gì về Phù-Nam).

c) CHIÊM-THÀNH

- PHẠM-HỒ DẬT (BHADRAVARMAN) (377-413) là con hay cháu của Phạm-Phật nối ngôi. Năm 380, Lâm-Ấp tấn công Nhật-Nam bị đẩy lui. Năm 400, Trung Hoa đánh Lâm-Ấp lui khỏi Đèo Ngang. Năm 405 và 407, Vua Lâm-Ấp khuấy nhiễu Giao-Châu luôn luôn.

15) NĂM 317-420

a) TRUNG-HOA : NHÀ ĐÔNG TẤN

- NGUYỄN-ĐẾ (Tư-Mã-Duệ) (317-323). Duệ là tăng tôn của Tư-Mã-Ý, chức Lang-Nha-Vương, lên ngôi ở Kiến Khương lập nhà Đông Tấn. Vua dùng Vương Đạo và Vương Đôn nên thế lực họ này rất mạnh.

- MINH-ĐẾ (323-326)

- THÀNH-ĐẾ (326-343)

- KHƯƠNG-ĐẾ (343-345)

- MỤC-ĐẾ (345-362) dùng Hoàn Ôn đánh diệt nước Thành, đại phá nước Tần.

- AI-ĐẾ (363-366)

- ĐẾ DIỆC hay DỊCH (366-371) Hoàn Ôn đánh nước Yên bị thua to, lại trở về phế Vua lập Giản-Văn-Đế !

- GIẢN-VĂN-ĐẾ (Dục) (371-373).

- HIẾU-VÕ-ĐẾ (Xương-Minh) (373-397). Vua Tần là Phù-Kiên đánh Đông Tấn bị Tạ-An đánh lui. Hiếu Võ-Đế bị Trương Quý-Nhân giết.

- AN-ĐẾ (Đức Tông) (397-419) dùng Đạo-Tử làm Thái-phó nhiếp chánh. Tử để con là Nguyên-Hiến tự ý sinh sát. Hoàn-Huyền nổi dậy kéo binh vào kinh giết Đạo-Tử rồi ép Vua nhường ngôi. Lưu-Dũ khởi binh đánh được Huyền lên chức Tổng-Công lại giết Vua, lập Cung-Đế lên ngôi.

- CUNG-ĐẾ (Đức-Văn) (419-420) Lưu-Dũ tự tôn là Tổng-Vương rồi được Vua Tấn nhường ngôi.

b) VIỆT-NAM

- Năm Kỷ-Hợi (399) Vua Lâm-Ấp là Phạm-Hồ-Đạt đánh lấy hai quận Nhật-Nam và Cửu-Chân rồi đánh Giao-Châu. Thái-thú Giao-Chỉ là Đỗ-Viện đuổi quân Lâm-Ấp được phong Giao-Châu Thứ sử.

- Năm Quý-Sửu (413) Phạm-Hồ-Đạt đánh phá quận Cửu-Chân. Con Đỗ-Viện là Đỗ-Tuệ-Độ chém tướng Phạm-Kiến bắt hơn 100 quân Lâm-Ấp.

c) PHÙ-NAM

- TCHAN TAN (Chiêu-Đàn 357-?) Năm 357, Vua Phù-Nam cống Vua Tàu một bầy voi nhà. Vua Tàu khước từ. Nhiều người Ấn di cư sang Phù-Nam vì họa chiến tranh.

- KAUNDINYA (?-?) (Kiao-Tch'en-Jou Kiêu-Trần-Như) từ Ấn-Độ sang Phù-Nam, được dân chúng tôn lên ngôi. Ngài sửa đổi tất cả luật lệ theo hệ thống cai trị của người Ấn. Ngài cưới một nàng Công-chúa và xưng tên là CRUTA-VARMAN.

d) CHIÊM-THÀNH

- Năm 413, Phạm-Hồ Đạt, Vua Lâm-Ấp thân chinh đánh Nhật-Nam, bị chết ở đây.

- ĐỊCH-CHỚN (GANGARAJA) (413) con của Phạm-Hồ-Dạt nối ngôi rồi nhường cho người cháu để đi Ấn-Độ hành hương.

- MANORATHA VARMAN (413-420) cháu Vua Địch-Chón kế nghiệp. Sử không có ghi điều gì.

16) NĂM 420-478

a) TRUNG-HOA : NAM-TRIỀU NHÀ TỔNG (420-478)

- CAO-TỔ VÕ-ĐẾ (Lưu Dũ) (430-423) khai quốc ở phương Nam, cương vực bao gồm đất đai ở hai tỉnh Sơn-Đông, Hà-Nam. Trung-Quốc chia ra làm Nam Triều và Bắc Triều.

- THIẾU-ĐẾ (423-424). Nước Ngụy (Bắc-Triều) xâm lấn cướp mất bốn châu Thanh, Duyện, Tự, Dự. Quyền thần phế Thiếu-Đế.

- VĂN-ĐẾ (424-454) không lo đối ngoại, chỉ lo mưu hại lẫn nhau, gây nội loạn rối rắm. Vua Ngụy nhiều phen đánh phá các quận, ấp.

- HIẾU-VÕ-ĐẾ (454-465)

- PHẾ-ĐẾ (465)

- MINH-ĐẾ (465-473) cả hai Vua Hiếu-Võ-Đế và Minh-Đế đều nghi kỵ tôn thất, giết họ hàng rất nhiều. Vua đau mời Tiêu-Đạo-Thành bảo vệ Thái-tử Dục. Thành giết Dục lập Vua khác.

- THƯƠNG VÕ-VƯƠNG hay HẬU-PHẾ-ĐẾ (473-477)

- THUẬN-ĐẾ (477-478) Tiêu-Đạo-Thành dẹp Viên-Xáng và Trầm-Du-Chi lên làm Tướng quốc tước Tề Vương rồi phế Vua, tự lập nhà Tề.

b) VIỆT-NAM

- Năm Canh-Thân (420), Đổ-Tuệ-Độ cử binh sang đánh bắt người Lâm-Ấp hằng năm phải cống tiến voi, vàng bạc, đồi mồi.

- Năm Canh-Thân (420), Lưu-Dũ lập nhà Tống ở phương Nam. Đất Giao-Châu thuộc về Nam-Triều.

- Năm Quý Dậu (433), Vua Lâm-Ấp là Phạm-Dương-Mại xin lãnh đất Giao-Châu cai trị. Vua Văn-Đế không cho. Họ Phạm cướp phá Nhật-Nam và Cửu-Chân. Năm 446, Vua Tống sai Đàn-Hòa-Chi là Thứ-sử Giao-Châu và Tôn Xác đánh dẹp. Phạm-Dương-Mại chạy thoát. Đàn-Hòa-Chi vào đất Lâm-Ấp lấy được vàng bạc châu báu rất nhiều. Đàn-

Hòa-Chi vì của ấy mà bị gièm pha, phải cách chức đuổi về Tàu.

c) PHÙ-NAM

- CRI-INDRA VARMAN (TCH'E-LI-T'O-PA-MO) Trì lê đà bạt ma 424(?)-438(?) nối ngôi Vua cha, năm 424, sai Sứ sang đệ trình lá sớ lên Vua Văn-Đế nhà Tống và tặng nhiều phẩm vật. Năm 434, 435, 438, Ngài phái Sứ giả triều cống Vua Tàu. Nước Lâm-Ấp mượn quân Phù-Nam đánh Giao-Châu, nhưng Vua Phù-Nam từ chối.

- KAUNDINYA-J'AYAVARMAN (Kiao-Tch'en Jou Chô-ye-pa-mo : Kiêu-Trần-Như Xà-đa-bạt-ma (470 (?)-514). Nhà Vua phái nhiều thương gia sang buôn bán ở Quảng Châu, thuộc tỉnh Quảng-Đông. Trên đường về có vị sư già Na-già-Tiên tháp tùng. Thuyền bị gió cuốn vào Lâm-Ấp, thổ dân cướp sạch hàng hóa. Nhà sư đi bộ về Phù-Nam.

d) CHIÊM-THÀNH

- YANG MAH (420-431). Không rõ gốc tích. Nhà Vua đánh Giao-Châu thất bại. Năm 421, Vua xin Trung-Hoa tấn phong.

- YANG MAH (431-446). Con Vua trước, nối ngôi mang một tên với cha, Ngài điều động trên 10 chiến thuyền đánh phá ven biển Nhật-Nam. Quân Tàu phản công chiếm vùng Khu-Túc (Huế). Vua Lâm-Ấp mượn quân Phù-Nam đánh Giao Châu. Năm 433, Yang Mah xin Trung-Hoa cho cai trị Giao-Châu nhưng không được chấp thuận. Năm 446, Vua nhà Tống sai Đàn-hòa-Chi đánh chiếm Khu-Túc và kinh-đô

Trà-Kiệt (Champapura) cướp đoạt 100.000 lượng vàng. Vua Lâm-Ấp buồn rầu mà chết.

- PHẠM-THÂN-THÀNH (446-481) là con hay cháu nhà Vua lên ngôi kế vị. Năm 456, 458 và 472, Ngài gửi Sứ giả sang Trung-Hoa.

17) NĂM 479-501

a) TRUNG-HOA : NHÀ TỀ

- CAO-ĐẾ hay CAO-TỔ (Tiêu-Đạo-Thành 479-483)

- VÕ-ĐẾ (483-494)

- UẤT-LÂM hay CHIÊU-NGHIỆP (494) Vua là người vô đạo, bị tôn thất tên Tiêu-Loan giết lập Chiêu-Văn.

- CHIÊU-VĂN (494) Vua lại bị Tiêu-Loan giết mà tự lập, xưng là Minh-Đế.

- MINH-ĐẾ (Tiêu-Loan) (494-499)

- BẢO-QUYÊN (Đông-Hiến-Hầu ?) (499-501). Nhà Vua vô đạo, dâm dật, ngược đãi đại thần. Tiêu-Diển là tôn thất khởi binh ở Tương-Dương. Em Vua là Bảo Dung tự lập làm Vua ở Giang-Lăng, ấy là Hòa Đế.

- HÒA-ĐẾ (Bảo-Dung) (501). Tiêu-Diển giết Vua, kéo binh vào kinh đô, được Bảo-Quyên nhường ngôi, đổi quốc hiệu là LƯƠNG.

b) VIỆT-NAM

Năm Kỷ-Mùi (479), nhà Tống mất. nhà Tề kế nghiệp. Đất Giao-Châu không được mấy khi yên ổn vì quan Tàu cai

trị thấy nước họ loạn lạc, muốn tìm cách độc lập nên cứ giết lẫn nhau.

c) PHÙ-NAM

Năm 484, Vua Phù-Nam phái nhà sư Na-Già-Tiên sang Trung-Hoa dâng cống phẩm vật và xin Vua Võ-Đế giúp quân chống nước Lâm-Ấp, nhưng không được chấp thuận. Vua Tào ban thưởng Vua Phù-Nam nhiều xấp lụa mỗi loại năm xấp.

d) CHIÊM-THÀNH

- PHẠM-ĐĂNG-CĂN-THẮNG (KIEOU-TCH'EOU LO Cứu-Thù-La (?)) (481-492) là quan cận thần của Vua Phù-Nam cướp ngôi Vua Lâm-Ấp. Vua Tào nhìn nhận vào năm 491. Năm 492, Vua này bị cháu Vua Yang Mah là PHẠM CHƯ-NÔNG truất phế.

- PHẠM-CHƯ-NÔNG (492-498) trị vì 6 năm bị chết đuối ngoài biển khơi.

- PHẠM-VĂN-TỎN (498-520 ?)

18) NĂM 502-556

a) TRUNG-HOA : NHÀ LƯƠNG

- VÕ-ĐẾ (Tiêu-Diễn) (502-550). Vua giết hại tôn thất nhà Tề, Tiêu-Bảo-Dần dẫn binh Ngụy về cướp phá. Hầu-Cảnh vây Đài-Thành, Vua đói mà chết.

- GIẢN-VĂN-ĐẾ (Cương) (550-551) Hầu-Cảnh giết Vua lập Dự-Chương-Vương.

- DỰ-CHƯƠNG-VƯƠNG (Đồng) (551-552). Vua bị Hầu-Cảnh tiếm ngôi, tự xưng là Hán đế.

- NGUYỄN-ĐẾ (Tương-Đông-Vương) (552-555) Vua là tôn thất lên ngôi đế ở Giang-Lăng, sai Trần-Bá-Tiên đánh dẹp Hầu-Cảnh. Tây Ngụy tiến quân giết Nguyễn-Đế cho Nhạc-Dương-Vương lên thay gọi là nhà Hậu-Lương.

- NHẠC-DƯƠNG-VƯƠNG hay Trịnh-Dương Hầu (555-556).

- KINH-ĐẾ (Phương-Trí) (556). Vua được Trần-Bá-Tiên biệt lập ở Kiến-Khương rồi bị tiếm ngôi mà tự lập nhà Trần.

b) VIỆT-NAM : NHÀ TIỀN LÝ 544-602

- Vua nhà Lương sai Tiêu-Tư làm Thứ-sử Gia-Châu. Tiêu-Tư là người tàn bạo làm cho lòng dân oán hận.

- LÝ-NAM-ĐẾ (544-548). Năm Tân-Dậu (541), ông LÝ-BÔN ở huyện Thái-Bình đánh đuổi Thứ-sử Tiêu-Tư chiếm giữ thành Long-Biên. Năm Quý-Hợi (543), quân Lâm-Ấp sang đánh ở quận Nhật-Nam, Lý-Bôn sai Phạm Tu dẹp yên. Năm Giáp Tí (544), Lý-Bôn tự xưng là Nam Việt đế, đặt quốc hiệu là Vạn-Xuân. Năm Ất-Sửu (545), Vua Lương Võ-Đế sai Dương Phiêu làm Thứ sử Giao-Châu, sai Trần-Bá-Tiên đánh Nam Việt. Lý-Nam-Đế thua chạy. Năm sau đánh ở hồ Điển Triệt thua nữa, Lý-Nam-Đế giao binh quyền cho ông Triệu-Quang-Phục đóng ở đầm Dạ-Trạch.

- TRIỆU-VIỆT-VƯƠNG (549-571). Năm Mậu-Thìn (548), Lý-Nam-Đế băng hà, năm sau (549), Triệu-Quang-Phục

xưng là Triệu-Việt-Vương, rồi đánh phá quân Tàu lấy lại thành Long-Biên.

c) PHÙ-NAM

- Năm 503, Vua Phù-Nam phái Sứ giả sang Trung-Hoa dâng một tượng Phật và nhiều sản phẩm nội hóa. Vua Tàu phong Vua Phù-Nam là An nam Tướng quân Phù-Nam Vương.

- Năm 506, Vua Tàu yêu cầu Vua Phù-Nam phái hai vị sư Mandrasena và Sanghapala sang dịch kinh Phật.

- Năm 509, vị tu-sĩ Ấn-độ Bodhibhadra đến Phù-Nam để sang Trung-Hoa.

- Năm 512 và 514, Vua Phù-Nam sai Sứ sang Tàu.

- RUDRAVA-MAN (Lieou-t'ó pa-mo : Lưu đà bạt ma 514-550) ám sát Thái-tử GUNAVARMAN soán ngôi. Năm 517, 519, 520, 530, 535, 539 sai Sứ sang Tàu dâng lễ cống và phái vị Tu sĩ Bà-la-môn tên Trúc-Đường-bảo lão đến chầu Vua Lương-Võ Đế.

- Năm 539, Vua Phù-Nam dâng một con u-tây còn sống và trình Vua Tàu rằng Ngài có sợi tóc của Phật. Vua Tàu sai nhà sư Thích-Vân-Bửu sang thỉnh tóc ấy.

- Giữa những năm 535 và 545, Vua Lương-Võ-Đế yêu cầu Vua Phù-Nam tặng kinh Phật và cử các vị sư sang Tàu.

- Năm 546, sư Paramâtha đến Trung-Hoa đem theo 240 bộ kinh.

- Năm 550, Vua Rudravarman thắng hà, Phù-Nam bị hai em Bhavarman và Citrasena lật đổ vương quyền sáp nhập

vào nước Chân-Lạp.

- Nhà Vua nổi ngôi không biết tên gì phải chạy trốn về miền Nam ở thị trấn NA FOU NA.

d) CHIÊM-THÀNH

- PHẠM-THIÊN-KHỞI (DEVAVAR-MAN 520-526)
- BẬT-TÔI-BẬT-MA (VIJAYAVAR-MAN 526-529)
- RUDRAVAR-MAN I (529-605). Năm 530, được Vua Võ-Đế nhà Lương phong Vương.

Năm 534 gởi Sứ giả sang triều cống. Năm 543, tấn công Giao-Châu bị Tướng Phạm-Tu đánh bại. Hòa hoạn tại Mỹ Sơn thiêu hủy cả ngôi đền đầu tiên của Bhadreçvara.

19) NĂM 557-589

a) TRUNG-HOA : NHÀ TRẦN

- VÕ-ĐẾ (Trần-Bá-Tiên) (557-560)
- VĂN-ĐẾ (560-567)
- LÂM-HẢI-VƯƠNG (567-569)
- TUYÊN-ĐẾ (569-583). Vua đánh Bắc-Tề lấy được mấy quận ở Giang-Bắc và bị nhà Bắc-Chu đánh bại ở Từ-Duyện.
- HẬU-CHÚA (Thúc-Bảo) (583-589) hoang dâm vô độ, thu thuế quá nặng, bị Vua Tùy-Văn-Đế thay nhà Bắc-Chu đánh dẹp, thống nhất Nam Triều, Bắc Triều).
- BẮC-TRIỀU gồm nhà Hậu Ngụy, dựng nước vào năm 586 (sau chia làm Đông-Ngụy và Tây-Ngụy) nhà Bắc-Tề và nhà Bắc-Chu. Cao-Dương tiếm Đông-Ngụy lập Bắc-Tề. Vu-

Văn-Giác tiếm Tây-Ngụy lập Bắc-Chu rồi diệt Bắc-Tề, sau nhường cho Dương Kiên lập nhà Tùy (581). Năm 589, Tùy dẹp nhà Trần, thống nhất hai triều.

b) VIỆT-NAM

- Năm Đinh-Sửu (577), Lý-Phật-Tử nổi lên chống Triệu-Việt Vương bị thua phải xin giảng hòa. Việt-Vương gả con gái cho Phật-Tử để tỏ tình hòa hiếu.

- Năm Tân-Mão (579), Phật-Tử thành lĩnh đánh Việt-Vương đuổi đến sông Đại-Nha (tỉnh Nam-Định). Việt-Vương trầm mình tự tử.

- HẬU-LÝ-NAM-ĐẾ (571-602). Lý-Phật-Tử chiếm Long-Biên rồi xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (thuộc huyện Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên), sai Lý Đại-Quyền giữ Long-Biên và Lý-Phổ-Đĩnh giữ Ô-Diên.

c) CHIÊM-THÀNH

Năm 568, 572 và 595, Vua Lâm-Ấp gửi Sứ giả sang Tàu triều cống.

20) NĂM 589-618

a) TRUNG-HOA : NHÀ TÙY

- VĂN-ĐẾ (Dương-Kiên) (589-605) sửa sang chánh trị, nhân dân thái bình, giàu có. Rợ Đột-Quyết xin thần phục. Thái-tử Dương Quảng giết Vua cha và anh là Thái-tử Dương-Dũng rồi lên ngôi.

- DƯƠNG-ĐẾ (Quảng) (605-617) bê tha quá độ, kho tàng hao hụt, sai đào nhiều sông ngòi, đắp thành xây cung

thất, thường động binh đánh rợ Đột-Quyết, bình nước Lâm-Ấp, Thổ-Cốc-Bồn, Cao-Ly. Nhân dân ta thán, hào kiệt chiếm cứ khắp nơi nổi loạn. Lý-Uyên đem binh vào Trường-An lập Cung-đế Hựu lên ngôi, tôn Vua làm Thái-Thượng Hoàng.

- CUNG-ĐẾ (Dương-Hựu) (617-618) Lý-Uyên ép Vua nhường ngôi lập Nhà Đường.

b) VIỆT-NAM

- Năm Nhâm Tuất (602), Vua Văn-Đế nhà Tùy sai tướng là Lưu-Phương đánh Nam-Việt. Lưu-Phương sai người dụ hàng, Lý-Phật-Tử sợ đánh không lại, chịu phục, Đất Giao-Châu lại bị nước Tàu cai trị.

- BẮC THUỘC LẦN THỨ 3 (603-939). Năm Ất-Sửu (605), Vua Tùy sai Lưu-Phương đánh Lâm-Ấp. Vua Lâm-Ấp là Phạm-Phàm-Chí bỏ thành chạy trốn. Lưu Phương bị bệnh, về đến nửa đường thì chết. Đối với Giao-Châu, Sử nhà Tùy không có ghi điều gì quan trọng.

c) PHÙ-NAM

Năm 616, Vua Phù-Nam (không biết tên) gửi Sứ giả sang Trung-Hoa cầu binh cứu viện nhưng bị từ chối.

d) CHIÊM-THÀNH

- SAMBHU VARMAN (605-629) (Phạm-Phàm-Chí) là con Vua trước nối ngôi cha. Năm 602, Vua Văn-Đế nhà Tùy sai Lưu-Phương chiếm Nam-Việt rồi qua năm 605 đánh luôn Lâm-Ấp, chiếm vùng Khu Túc và kinh đô, cướp nhiều vàng bạc, đốt sách vở của Hoàng triều, bắt Lâm-Ấp phải thần

phục. Vua Sambhu Varman khôi phục lại xứ sở và chịu lỗi với Vua Trung-Hoa.

21) NĂM 618-907

a) TRUNG-HOA : NHÀ ĐƯỜNG

- CAO-TỔ (Lý-Uyên) (618-627). Vua sai con là Lý-Thế-Dân đánh dẹp hào-kiệt ở các nơi, nhất thống đất nước, rồi truyền ngôi, làm Thái-Thượng Hoàng.

- THÁI-TÔNG (Lý-Thế-Dân) (627-650). Vua thân trọng hình pháp, lấy nhân nghĩa hóa dân, thiên hạ thái bình thịnh trị. Vua dẹp yên Đông Đột-Quyết, Tây Đột-Quyết, diệt Thổ-cốc-phồn, thu hồi Thanh-Hải, nhờ Huyền-Trang sang Ấn-Độ thỉnh kinh Phật.

- CAO-TÔNG (650-684), Vua đánh dẹp Tây Đột-Quyết, Bách-Tề, Tân-La, thu nạp Võ-Hậu là tài nhân của cha làm Hoàng-hậu, cho tham dự triều chính.

- TRUNG-TÔNG (Triết) (684-685) Võ-Hậu giữ chính quyền, phế Vua, giáng làm Lư lăng Vương, đưa em Vua lên ngôi.

- DUỆ-TÔNG (Đản) (685-690) Vua ngồi làm vì, Võ-Hậu nắm hết quyền binh, trừ lần bọn tôn thất nhà Đường, phế Vua, xưng là Võ-Tắc-Thiên Hoàng đế.

- VÕ-TẮC-THIÊN (690-705) đổi quốc hiệu là Châu nghe lời Địch-Nhân-Kiệt vời Lư-Lăng-Vương về làm Thái-tử, giáng Vệ-Tông xuống tước Tương-Vương.

- TRUNG-TÔNG (Lần 2) (705-710). Nhân Võ-Hậu đau, Trương-Giản-Chi đem binh vào cung giết kẻ sủng bế Võ-

Hậu, rước Lữ-Lăng-Vương lên ngôi, phục lại quốc hiệu.

b) VIỆT-NAM

Năm Tân-Tị (621), Vua Đường sai con là Khâu Hòa làm Đại-tổng-quản sang cai trị Giao-Châu Nhà Đường cai trị khắc nghiệt hơn các triều trước.

Năm Kỷ-Mão (679), Vua Cao-Tông chia đất Giao-Châu làm 12 châu, 59 Huyện và đặt Annam đô hộ phủ :

1. Giao-Châu có 8 huyện.
2. Lục-Châu có 3 huyện.
3. Phúc-Lộc-Châu có 3 huyện.
4. Phong-Châu có 3 huyện.
5. Thang-Châu có 3 huyện.
6. Trường Châu có 4 huyện.
7. Chi-Châu có 7 huyện.
8. Võ Nga-Châu có 7 huyện.
9. Võ-An-Châu có 2 huyện.
10. Ái Châu có 6 huyện.
11. Hoàn-Châu có 4 huyện.
12. Diên-Châu có 7 huyện.

Về phía Tây Bắc Giao-Châu có một châu gọi là Man-Châu gồm cả những người Mường, lệ cứ hằng năm phải triều cống.

c) PHÙ-NAM

Năm 627, Vua Phù-Nam (không biết tên) phái Sứ giả sang Tàu cầu binh cứu viện đánh Chân-Lạp nhưng Vua nhà Đường từ chối. Triều đại Phù Nam chấm dứt từ năm 627.

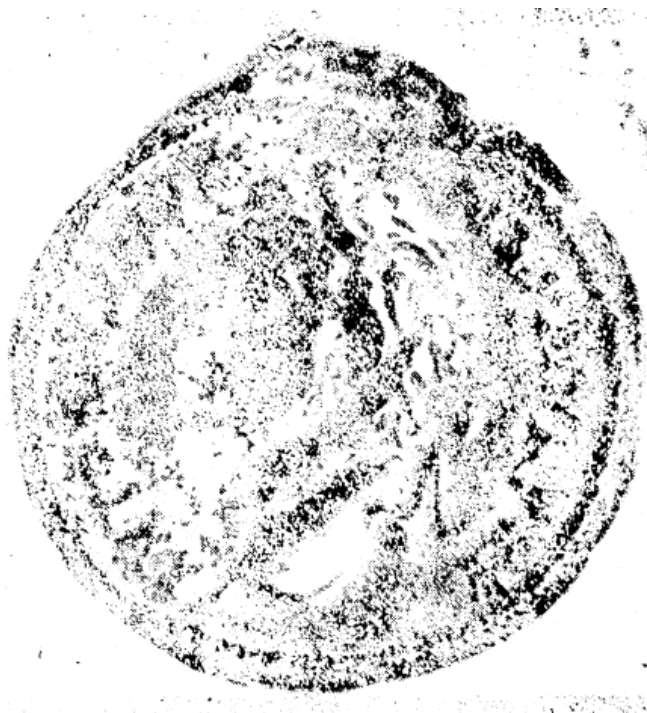
d) CHIÊM-THÀNH

Năm 623, 625, 628 Vua Lâm-Ấp gửi Sứ giả triều cống nhà Đường.

SƠ ĐỒ VÀ CỔ VẬT PHÙ NAM



Lãnh thổ PHÙ-NAM từ thế-kỷ thứ I đến thế-kỷ thứ 6. Tên thị-trấn được biết.



Huy chương vàng chạm hình Vua ANTONIN LE PIEUX tìm thấy ở ỐC EO.



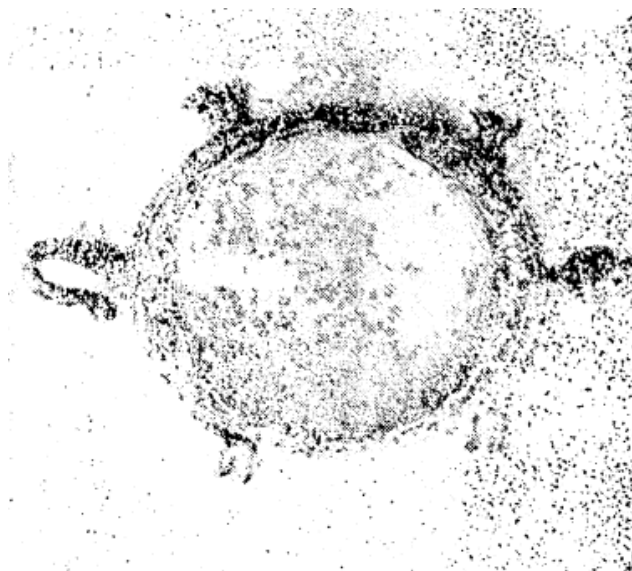
- Một mảnh gương bằng đồng đời nhà Hậu-Hán (25-220).
- Đầu tượng Phật bằng đồng, tóc bới trên đỉnh đầu.
- Tượng con voi bằng đồng.



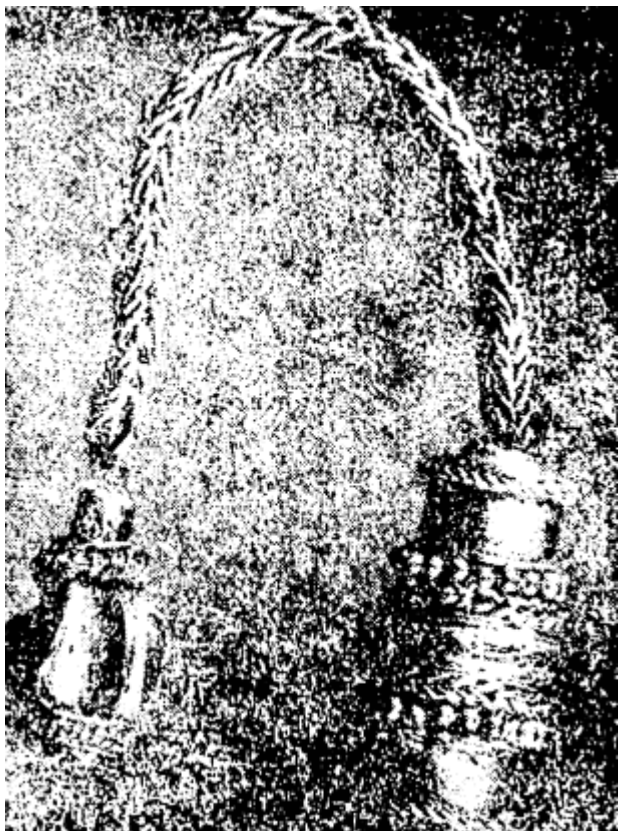
Chiếc nhẫn hình bò thần NANDIN.



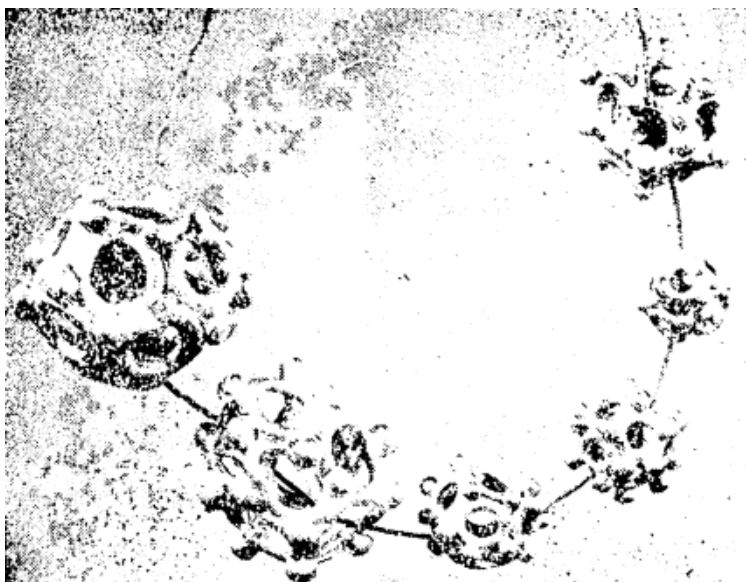
Tượng Phật bằng gỗ dưới triều PHÙ NAM tìm được ở Đồng Tháp Mười.



Một món nữ trang : hình con rùa mang viên ngọc.



Dây chuyền vàng có khuy cài.



Hột chuối bằng vàng.



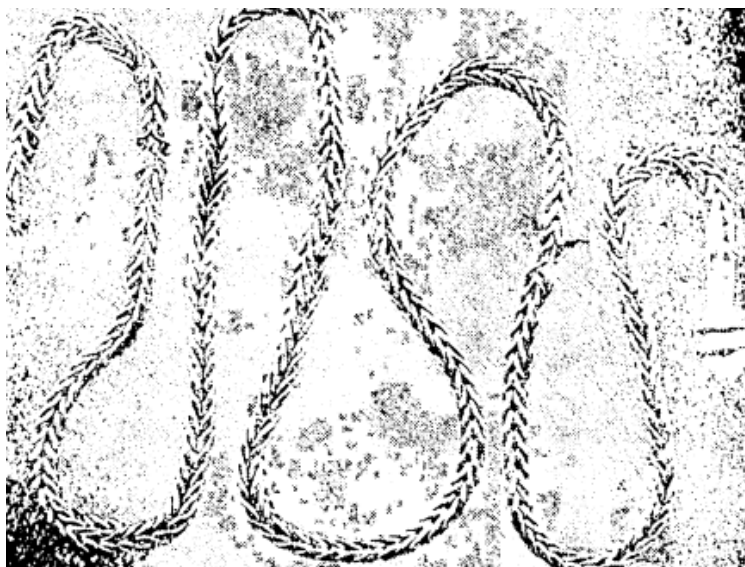
Kẹp áo bằng vàng.



Tượng kẻ tôi đòi bằng đồng quì một gối,
chống một tay dưới đất,
tay mặt bụng cái mâm tròn.



Tượng Phật bằng gỗ tìm được ở Đồng Tháp Mười.



Dây chuyền vàng có khuyên cài.



Ngôi tháp trên đồi BAYAN xây dựng vào năm 604.



Lãnh thổ CHÂN LẠP từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 9.



Thủ đô Cao Miên khi người Pháp mới bảo hộ
(giữa thế kỷ thứ 19).

SÁCH VÀ TÀI-LIỆU THAM KHẢO

- Ethnographie des peuples étrangers à la Chine. D'HERVEY de Saint DENIS

- Les étas hindouisés d'Indonésie et d'Indochine. G. COEDÈS

- Etudes asiatiques – Quelques textes chinois concernant l'Indochine hin-douisée. G. COEDÈS

- Les peuples de la péninsula indo-chinoise. G. COEDÈS

- Le Founan (BEFEO III page 248-303). PAUL PELLiot

- Les pays d'Occident d'après ie Wei-liu. Ed. CHAVANNES

- L'archéologie du Delta du Mékong tome I et III. L. MALLERET

- Le Ngan-nan-tche-yuan et son auteur. E. GASPARDONE

- Chân-Lạp phong thổ ký. CHÂU-ĐẠT-QUAN

- Le K'ouen-Louen et les anciennes navigations interocéaniques dans les mers du Sud. G. FERRAND

- Deux peuples méconnus. S. LÉVI

- Inscriptions de Võ-cạnh (BEFEO 1915 Fasc.2 page 3). G. COEDÈS

- Deux inscriptions sanscrites du Fou Nan (BEFEO XXXI 1931 page 1). G. COEDÈS

- L'inscription NAK TA DAMBAN DEK (BEFEO XXXVII 1937 Tome II pages 606 et 627). G. COEDÈS

- A new inscription from Fu-Nan. The Journal of the Greater India Society (Vol IV NO 2, 1937 pages 117-121). G. COEDÈS

- Inscriptions de VAT BATI (BEFEO 1942 Tome II page 140). G. COEDÈS

- Histoire de l'Extrême-Orient. R. GROUSSET

- Histoire de l'Asie. Dr. HERBERT H. GOWEN

- Histoire générale de la Chine (Tong Kien Kang mou). de MORIAC de MAILIA

- Annam chí lược. LÊ TẮC

- Việt-Nam sử lược. TRẦN-TRỌNG-KIM

- Le royaume du Champa. MASPÉRO

- Histoire du Cambodge. C.L. MADROLLE

- Histoire du Cambodge. A DAUPHIN MEUNIER

- Trung-Quốc sử lược. PHAN-KHOANG

- Chiêm-Thành sử lược. DOREHIEM

- Đông Nam Á sử lược (Bản dịch của Nguyễn-Phút-Tấn). G.E. HALL

- Le Bouddhisme en Annam. TRẦN-VĂN-GIÁP

- Hình ảnh của Viện Bảo tàng và trích trong quyển LE CAMBODGE của Louis Cheminais, trong tạp chí NOKOR KHMER ở PhnomPenh. D'HERVEY de Saint DENIS.

**In tại nhà in Đoàn Viên, 131 Cống Quỳnh Saigon 2.
Số lượng in : 2.000 cuốn. Ngày phát hành 20-8-1974,
giấy phép số 4191/7-1 BDVCH/KSALP/TP, ngày 29-7-
1974.**

Cùng một tác giả :

- 1) Quả đấm thô sơ. 1952
- 2) Tự học chữ Miên. 1963
- 3) Truyện cổ quốc tế. 1969
- 4) Người Việt gốc Miên. 1969
- 5) Truyện vui quốc tế. 1969
- 6) Truyện cổ Cao Miên I và II. 1969
- 7) Angkor (Đế Thiên Đế Thích). 1970
- 8) Truyện tích Việt-Nam. 1970
- 9) Chợ trời biên giới. 1970
- 10) Sử Cao Miên. 1970
- 11) Truyện cổ Ấn Độ. 1971
- 12) Truyện thỏ khắp thế giới. 1971
- 13) Việt kiều ở Cao Miên. 1971
- 14) Người hùng. 1973
- 15) Chân lạp phong thổ ký



Notes

[←1]

Một lý dài 400 thước tây.

[←2]

Bactriane là đất của Á-Châu ngày xưa ở giáp giới Trung Hoa và Nga-Sô, hiện thời bị nước Turkestan và Iran chia đôi. Thủ đô là BACTRES.

[←3]

Trong quyển Nam Sử (NAN CHE) khoảng những năm 420-589 do ông Lý-Diên-Thọ (LI-YEN-CHEOU) soạn vào thế kỷ thứ 7 có ghi một đoạn nói về Phù-Nam giống trong quyển Sử ký nhà Lương. Tiểu sử của ông Lưu-Yếu (LIEOU-MIAO) ở đoạn 49 trang 6 ghi rằng ông sống vào cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6, nổi tiếng nhờ tập sưu khảo. Ông TRẦM-ƯỚC (CHEN YO) tác giả quyển Sử ký nhà Tiền Tống, nhà học giả NHẬT-PHƯƠNG (JEN FANG) và các tay danh sĩ thời bấy giờ thường đến tham khảo ý kiến họ Lưu.

Một hôm, ông TRẦM-ƯỚC nói : « *Quyển SÁNG VẮN (TSOUAN WEN) của HÀ-THỪA-THIÊN (HO-TCH'ENG-T'IENT) thật là tuyệt tác, có ghi sự tích của TRƯƠNG-TRUNG-SƯ (TCHANG-TCHONG-CHE) và của « Nhà vua cổ lớn ». Vậy nguồn gốc của những tích ấy ở đâu ?* »

LƯU-YẾU đáp : « *Về việc TRƯƠNG-TRUNG-SƯ bề cao 1 chân và 2 ngón chân căn cứ vào tập LUẬN HÀNH (LOUEN HENG), còn « Nhà vua cổ lớn » chính là Quốc vương nước TÌ KHIÊN (P'I-K'IENT), trong quyển « Phù Nam vĩ nam ký » (FOU NAN YI NAN KI), Ông Châu-Kiến-An (TCHOU-KIEN-NGAN) viết : Từ đời xưa đến ngày nay, Nhà vua vẫn còn sống.* »

Ông Trầm-ước lấy hai quyển sách tìm xem, quả đúng như lời ông Lưu-Yếu.

[←4]

Chính là FAN SIUN (Phạm Tầm).

[←5]

Có lẽ là quyển Niên Lịch của nhà NGÔ (222-280) thường được nhắc trong phần bình luận của bộ TAM QUỐC CHÍ.

[←6]

Địa danh cũ của đảo Tích Lan, thưở ấy người Ấn gọi là LANKA.

[←7]

Trong quyển INSCRIPTIONS DU CAMBODGE tập 2 trang 110 ông Coedès viết :

« Có thể VYÂDHAPURA có nghĩa là « thị trấn của Nhà vua săn bắn » và nêu ý kiến của nhà khảo cổ M.O.W. Wolters cho rằng trong tập T'AI-PING-YA-LAN có thuật lại cuộc tiếp xúc của vị Tùy viên Sứ giả Trung-Hoa Khang Thái (K'ANG-TAI) với Triều đình Phù Nam. K'ANG-TAI ghi : « Một vị Quốc vương Phù Nam tên Hồn-bàn-Huống (HOUEN-P'AN-HOUANG) có tài đánh bầy bắt nhiều thớt voi lớn trong rừng đem về dạy làm việc nhà. Vài quốc gia láng giềng kính phục tài Nhà vua chịu thần phục Vương quốc PHÙ NAM ».

[← 8]

Những dấu chấm là nguyên văn mồn hết.

[←9]

Thức ăn của thần thánh.

[←10]

Năm tội lớn nhất là : giết một tu-sĩ Bà-la-môn, say rượu, ăn cắp, ngoại tình với vợ thầy mình và đồng mưu với một trong 4 tội kể trên.

[← 11]

Người Pháp cho rằng « có thể » xưa kia ở Phù Nam có một « nhánh họ tên LÁ DỪA » cũng như họ đã tìm thấy trong lịch sử nước Chiêm Thành.

[←12]

Kaundinya theo đạo Bà-la-môn gốc ở Motie (Ấn Độ) nơi mà vào giữa thế kỷ thứ 3 người Trung Hoa gọi là WOU-WEN ; ông thuộc vào một nhánh họ nổi danh trong vùng Tây Bắc nước Ấn.

[←13]

Cuộc phối hợp huyền bí này còn được duy trì dưới triều đại ANGKOR vào cuối thế kỷ 13 bằng một cuộc lễ do vị Tùy-viên Sứ giả Trung-Hoa CHÂU-ĐẠT-QUAN (Tchéou-ta-Kouan) ghi trong tập ký ức « Chân Lạp phong thổ ký » như sau :

« ...Tôi có nghe nói rằng ở trong cung có nhiều chuyện lạ lùng lắm, nhưng có một lệnh cấm vô cùng nghiêm ngặt không cho ai thấy. Nhà vua ngủ trong ngôi tháp bằng vàng giữa cung. Nhiều nhà tai mắt trong nước thuật với tôi rằng : xưa kia trong tháp ấy có một nàng tiên ẩn vào hình con rắn chín đầu là vị tiên bảo hộ cho quốc gia dưới triều đại của một vị Quốc vương. Nàng tiên ấy mỗi đêm biến thành một thiếu nữ đi tìm Nhà vua để ân ái. Nhà vua đã có vợ nên bà Hoàng hậu không dám vào cung trước một giờ nào đó, nhưng sau hai tiếng gõ làm hiệu cho biết nàng tiên đi rồi Nhà vua mới có thể tiếp Hoàng hậu hay mấy bà vợ khác. Nếu nàng tiên không đến một đêm đó là dấu hiệu Nhà vua sắp băng, nếu nhà Vua vắng mặt trong cuộc hội ngộ thì người ta có thể tin chắc rằng sẽ có một trận hỏa hoạn hoặc những thiên tai khác »...

[←14]

Ông Lê-đạo-Nguyên (LI TAO YUAN) vào cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6 cũng có viết truyện này trong quyển THỦY KINH CHÚ (CHOUEI KING TCHOU).

[←15]

Nhiều di vật này tìm thấy ở Ốc Eo.

[←16]

Nhà Tấn thống nhất Trung Hoa gọi là Tây Tấn (280-313).

[←17]

Vua nhà Tấn bây giờ là MỤC ĐẾ (MOC-TI) thuộc triều Đông Tấn (317-420).

[←18]

BÁN BÀN là tiếng Việt dịch danh từ P'AN P'AN của Trung Hoa, một lãnh thổ ở gần vùng LIGOR, nước Mã Lai.

[←19]

Có thuyết cho rằng thuyền bị đắm ngoài khơi xứ Lâm Ấp, chỉ có vị Thiền sư sống sót trở về Phù Nam.

[←20]

Theo sử nước Lâm Ấp thì vào khoảng năm 480 đến 492, Thái tử Phù Nam tên TANG-KEN-TCH'OUEN cướp ngôi nước này. Nhưng Vua JAYAVARMAN lại cho đây là một kẻ tội tở của Ngài tên CƯU-THÙ-LA (KIEOU-TCH'EOU-LO) thừa dịp Lâm Ấp bị xáo trộn vì nội loạn mà đoạt ngai vàng chống lại Phù Nam. Người Lâm Ấp gọi Cưu-Thù-La là PHẠM ĐĂNG CĂN THẮNG.

[←21]

Trận đánh Lâm Ấp do Tướng ĐÀN-HÒA-CHI chỉ huy vào năm 446 D.L.

[←22]

Đức CAKRA DEVENDRA và thần DEVAS thuộc thần thoại Bà-la-môn.

[←23]

Chân (pied) lối đo của đời xưa, bằng bề dài của bàn chân. Ông Mã-Đoàn-Lâm (MA-TOUAN-LIN) thuật rằng : « Người ta lợp nhà bằng lá một thứ cây mọc theo bờ biển, mỗi lá dài từ 6 đến 7 xích (thước) và giống hình con cá ». (Đó là dừa nước của ta ngày nay).

[←24]

Có thuyết cho Vua Tàu phong chức cho Vua Phù Nam vào năm 507.

[←25]

Tên chữ Phạn là MEGHARATNA. Trong quyển Nam sử (NAN-CHE) lại ghi tên Thiền sư là ĐÀN-BỬU (T'AN-PAO) tên Phạn là DHARMARATNA, còn quyển FO-TSOU-T'ONG-KI soạn trước năm 1269 thì gọi là BỬU-VÂN (PAO-YUN) !

[←26]

Đúng ra danh xưng NA-FOU-NA theo Phạn ngữ là NAVANA-GARA.